

# KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TRỰC CHỈ

## QUYỂN NĂM

---

### CHƯƠNG HAI

#### NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ VIÊN TU

#### MỤC I: NÊU RA CĂN ĐỂ CHỈ CHỖ MÊ



#### ĐOẠN I

#### XIN KHAI THỊ CÁCH MỞ GÚT

Ông A-nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, Như Lai tuy nói nghĩa quyết định thứ hai, song nay con xem trong thế gian, những người mở gút, nếu không biết đầu gút ở đâu, thì con tin chắc rằng người ấy không thể nào mở được.

*Đây là nương lời dạy ở trước: “Ông xem người mở gút trong thế gian, nếu không biết đầu gút ở đâu, thì làm sau mở được?”. Đã từng*

*chỉ bày, căn nhân trần mà hiện, thức nhân căn mà khởi, mỗi thứ đều phát minh, nhưng còn chưa xác thực chỉ ra thế nào là gút, thế nào là mở, nên ở đây lại hỏi.*

**Bạch Thế Tôn, con và hàng Thanh văn hữu học trong hội cũng giống như vậy. Từ vô thủy đến nay chúng con cùng với các thứ vô minh đồng sinh đồng diệt. Tuy được thiện căn nghe nhiều Phật pháp thế này, nhưng tiếng là xuất gia mà cũng như người bị bệnh rét cách ngày.**

*Các thứ vô minh là chỉ cho hai thứ chướng: Ngã chướng và Pháp chướng. Song đều từ tính giác minh vọng động, nên nói là vô thủy. Những thứ cột trói trong sinh tử này nếu chưa được tính giác minh chóng dứt thì chưa dễ gì giải thoát được. Hàng Thanh văn hữu học, tuy đã dứt được phân biệt ngã chấp, nhưng vẫn chưa quên pháp chấp, nên nói là như người bệnh rét cách ngày.*

**Cúi mong đức Thế Tôn mở lòng đại bi thương xót kẻ trầm luân. Chính nơi thân tâm hiện nay chỉ cho chúng con thế nào là cột và làm sao để mở, cũng khiến cho chúng sinh khổ não đời vị lai được ra khỏi luân hồi, chẳng rơi vào ba cõi”.**

Nói lời ấy rồi, tất cả Đại chúng năm vóc gieo xuống đất, khóc lóc thành khẩn trông chờ lời khai thị vô thượng của đức Như Lai.

*Thế nào là cội, do đâu mà mở. Bởi muốn cho đức Như Lai chỉ ra rõ ràng, để được tự lợi và lợi tha, với lòng thương xót hâm mộ thành khẩn và tha thiết vậy.*

## ĐOẠN II

### MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI PHÓNG HÀO QUANG, ĐỒNG MỘT LỜI NÊU RA CĂN

#### CHI 1. PHẬT PHÓNG HÀO QUANG

Khi ấy, đức Thế Tôn thương xót ông A-nan và Đại chúng các hàng hữu học trong hội, cũng lại vì chúng sinh đời vị lai tạo cái nhân xuất thế và làm đạo nhân cho tương lai. Ngài dùng cánh tay sắc vàng sáng ngời xoa trên đỉnh ông A-nan. Liên khi ấy khắp tất cả các cõi nước của chư Phật trong mười phương, sáu thứ rung động; các đức Như Lai nhiều như số vi trần ở trên thế giới ấy, mỗi vị đều có hào quang báu từ trên đỉnh phóng ra, hào quang ấy đồng thời ở thế giới kia phóng đến rừng Kỳ-dà soi trên đỉnh đức Như Lai. Khi ấy, tất cả

## **Dại chúng được việc chưa từng có.**

*Đức Như Lai dùng tay sắc vàng xoa đánh ông A-nan, bởi để chỉ bày ý thương xót và nhiếp thọ. Sáu thứ rung động, ngài Trường Thủy giải thích tiêu biểu là lục tình căn rung động không an. Các nhà số hoặc nói là tiêu biểu cho lục căn đương thời giải trừ. Riêng tôi thì cho là, cửa sáu căn cuộc hạn gốc từ giác minh thắm nhuận (lưu nhuận) sinh tử, do phân biệt hư dối đã tiêu, thì cái hay biết của sáu cửa đồng thời liền hiện. Đây là chỉ cho căn tính xuất hiện, nên có rung động. Trên danh mười phương chư Phật đồng phóng hào quang soi đến trên danh đức Như Lai là tiêu biểu cho tâm trí sáng suốt chẳng theo căn thì đồng một siêu xuất, không có đường tẽ vạy.*

## **CHI 2. KHÁC MIỆNG ĐỒNG LỜI CHỈ DẠY**

**Khi ấy, ông A-nan và cả Đại chúng đều nghe mười phương các đức Như Lai như số vi trần, tuy khác miệng nhưng đồng một lời bảo với A-nan rằng: “Lành thay! A-nan, ông muốn biết câu sinh vô minh là cái đầu gút khiến ông luân chuyển sinh tử, thì nó chính là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác. Ông muốn biết tính Vô thượng Bồ-đề khiến ông**

mau chứng an lạc giải thoát tịch tịnh diệu thường cũng là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác”.

Mười phương Như Lai tuy khác miệng nhưng đồng một lời là tiêu biểu chỉ bày pháp yếu không hai. Luân hồi trong sinh tử cũng chỉ là sáu căn, giải thoát an lạc cũng chỉ là sáu căn. Bởi sáu căn không thật tính, cái hiểu biết (tri giác) đồng nguồn. Nếu mê thì sáu căn đều chỉ là dụng của nhiễm trước. Ngộ thì sáu căn không khác với tính diệu viên. Nên biết chân tính diệu viên thường ra vào nơi cửa sáu căn; nhưng luống dùng tính giác minh vọng sinh phân biệt, đối cảnh rõ biết mà không thể tự nhận, chớp mắt lâm qua, liền rơi vào phân biệt của ý thức. Nay muốn biết hết cái phân biệt này, tức cũng phải từ sáu căn đối hiện theo đó liễu ngộ, liền nhận được cội gốc của mê lầm. Người học phải nên suy xét.

### ĐOẠN III

#### CHỈ CĂN TRẦN DÙNG ĐỂ LỰA BỎ VỌNG THỨC

Ông A-nan tuy được nghe pháp như thế, nhưng tâm còn chưa rõ, nên cúi đầu bạch Phật: “Thế nào khiến con sinh tử luân hồi,

**hay an lạc diệu thường cũng đều do sáu căn của con, chứ không phải vật gì khác?”.**

*Đồng là sáu căn, mà nghi nhiệm thì không phải tịnh, nếu tịnh thì không phải nhiệm, vẫn sau quy cái lỗi tại thức, chính để đáp lại câu hỏi này.*

**Phật bảo A-nan: “Căn và trần đồng một nguồn, triền phược hay giải thoát không hai, thức phân biệt là hư vọng như hoa đốm giữa hư không.**

*Trần và căn đều thuộc về tướng phân, đồng một hiện lượng, nên nói là đồng nguồn. Phàm phu vì mê nên bị triền phược. Thánh nhân do ngộ nên được giải thoát. Song đều đồng là một căn trần này, chỗ không đồng là thức phân biệt. Thức tuy không phải riêng có, song vì còn ở trong mê, nên có hư vọng phân biệt. Chính cùng tính giác minh như gốc và cành tương trợ cho nhau, gọi là đầu mối của gút, cho nên ở đây riêng chỉ ra cái lỗi của nó. Nói hoa đốm giữa hư không, hư không vốn không có hoa, nhân con mắt nhặm mà thấy có, chẳng phải như căn tính không có mê lầm và rối loạn. Xem vẫn sau “thấy biết mà lập thấy biết, thấy biết mà không thấy” (tri kiến lập tri, tri kiến vô kiến) liền thấy ý chỉ này.*

**A-nan, do trần mà phát ra cái biết của căn; nhân căn mà có cái tướng của trần, tướng và kiến (cái thấy) không có thật tính, như những hình cây lau gác vào nhau.**

*Biết (tri) tức là chỉ cho căn; căn vốn không có biết, do trần mà phát. Tướng tức là chỉ cho trần, trần vốn không tướng, nhân căn mà hiện. Đây là nói rõ tướng phần và kiến phần không có tự tính. Không tự tính tức là không, nên dụ cho hình cây lau gác vào nhau. Lau vốn là không, gác vào (giao) cũng không vậy.*

#### **ĐOẠN IV**

### **LỰA BỎ CÁI GIẢ DỐI ĐỂ HIỂN BÀY CÁI CHÂN THẬT THANH TỊNH**

**Thế nên, nay ông chính nơi tri kiến mà lập ra tướng tri kiến là cội gốc của vô minh. Chính nơi tri kiến mà không có tướng tri kiến thì đó là vô lậu chân tịnh Niết-bàn, làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác”.**

*Tri kiến là chỉ cho căn. Chử tri của lập tri và chử kiến của vô kiến đều chỉ cho thức thứ sáu. Căn tính đối cảnh hiểu rõ, được,*

*không, yêu, ghét. Nơi đây bất giác liền rơi vào phân biệt, thủ xả lãng xãng. Đây là chi mạt nhuận sinh vô minh, chính do đây mà phát nghiệp, nên nói là đầu mối của gút. Nên biết vô lậu chân tịnh cũng nhân đây mà phát minh. Khi sở lập thì năng sinh chia làm sáu căn, đối cảnh sinh thức làm chướng ngại cái hiểu biết (tri kiến) của chính mình. Đây là do cái vọng minh. Nếu hay phát minh thì bên ngoài được giải thoát, bên trong được hàng phục chân tịnh nhiệm mầu không thiếu, thể của Niết-bàn lưu lộ, lại không phải có vật gì khác.*

*Trong Hợp Luận Bồ Chú dùng cái tịnh giác để chỉ riêng cho căn và cảnh, giải thích nghĩa bó lau gác nhau là sai. Ý cho rằng căn cảnh đối nhau thì thức ắt đồng thời mà khởi. Chẳng biết rằng, Thánh ý chính muốn hiển bày căn cảnh không tính, để thấy cái vọng của thức tính. Vậy thì, trước sao không nói “Cái đầu gút khiến cho ông lưu chuyển sinh tử chỉ là sáu thức của ông đó sao?”. Xét về thức do căn dẫn, đã dẫn khởi trong sinh tử mà cũng có thể dẫn đến mau chứng quả giải thoát. Nên rút cuộc căn trần không có lỗi. Thánh nhân có cái tưởng thể để lưu bố, mà không có cái tưởng điên đảo. Thế*



lưu bố đâu không phải căn trần không riêng khác, mà không có tướng diên đảo, thì hoặc loạn không sinh. Kinh Lăng Già cũng nói: “Chỗ tôi nói là thức vọng tướng diệt gọi đó là Niết-bàn”. Thức vọng tướng tức thức thứ sáu. Đây nói thức tính là hư dối, cũng chỉ cho thức thứ sáu. Bởi do năm thức trước y nơi căn mà khởi, chưa đến phân biệt. Căn dùng để hiển sắc, thức dùng để phân biệt sắc. Kinh Viên Giác nói: “Thí như mắt sáng thấy rõ cảnh vật ở trước, cái thấy sáng suốt nó viên mãn không phân yêu ghét. Nên biết phân biệt yêu ghét đây là vô minh”. Trong Bát Thức Quy Củ nói: “Người ngu khó phân biệt được thức và căn”. Đây là chỉ cho năm căn thức. Họ không phân biệt thức và căn, nếu vừa rơi vào phân biệt (minh liễu) liền cho là đồng với ý thức. Nếu tất cả đều trừ ấy là bỏ vọng thì gồm cả chân cũng bỏ. Đâu có lạ gì câu hỏi: “Rời sáng, rời tối, cái thấy không có tự thể, bèn cho là vốn không có tâm của con” ư?

Hỏi: Thức tính là hư vọng, trong văn kinh tuy chẳng nói rõ, chỉ nói chung thức thứ sáu. Song do trên đã nói sáu căn, nên dưới nói thức tính, thì biết đó là nói đủ cả sáu thức, mà ở đây vẫn chỉ riêng ý thức là tại sao? Lại trong Bát

*Thức Qui Củ nói: Người ngu khó phân biệt được thức và căn. Bởi vì chủng tử và hiện hành của năm căn thức không đồng. Năm căn thuộc về “tướng phần”, mà năm thức lại thuộc về “kiến phần”, nên không cho tướng có thể sinh ra thức; mà ý ở đây đã dẫn, bèn cho rằng không phân biệt được căn và thức, sợ e khởi cái nghi đối với ý thức chẳng dám nhận lấy, in tuồng cùng với Bát Thức Qui Củ trái nhau. Há riêng có chỗ làm bằng cứ ư?*

*Đáp: Phàm xem văn kinh, phải xem ý kinh thuộc khinh hay trọng. Xét về chỗ nói là căn, nghĩa là nó hay nắm bắt năm trần, há ý căn cũng hay nắm bắt năm trần đó ư? Phải biết nêu ra căn thì gồm nói cả sáu căn vậy. Sáu chủng thức nghĩa là ý thức hay phân biệt yêu ghét, chứ không phải việc của năm thức trước. Năm thức trước thấy xanh chỉ nói là xanh, do nó chưa rời hiện lượng, cho đến sau khi hiểu biết rõ ràng (thức thứ sáu) nhiên hậu mới có cạnh tranh phân thủ xả, khởi hoặc tạo nghiệp chính là cái gút của luân hồi. Văn kinh chỉ nói tổng quát là thức tinh mà thôi. Phải biết chỗ chú trọng của Thánh ý, nên ở đây chẳng ngại dựng lên để chỉ ra. Tức như dẫn lời Thánh*

nhân: “Có tướng thế đế lưu bố”, chẳng những chẳng phải việc trong căn, lại cũng chẳng phải việc của năm thức. Nói là “Thế đế lưu bố” đó như thế gian nói trâu, thánh nhân cũng nói là trâu, thế gian nói là ngựa, thánh nhân cũng nói là ngựa. Nói trâu nói ngựa là tùy chỗ thế gian nhận thức vẫn không có lầm lỗi. Để thấy năm căn có chỗ phân biệt hiểu rõ cũng không lỗi lầm. Nếu có tướng diên đảo, thì ở trong không có sắc mà khởi tướng có sắc, ở trong có sắc mà khởi tướng là không có sắc. Đây là mê lầm và rối loạn. Xét về ở trong không sắc mà khởi tướng có sắc, ấy là việc của phàm phu, ở trong có sắc mà khởi tướng là không sắc, ấy là việc của Nhị thừa, đều thuộc về ý thức, không phải cái thấy thanh tịnh. Kinh Lăng Già nói: “Thức vọng tướng diệt tức là Niết-bàn”, tức đồng với ý chỉ ở đây. Nếu y cứ trong Bát Thức Qui Củ chỉ nói: “Người ngu khó phân biệt được thức và căn”. Các nhà chú giải rằng, căn tính chủng tử và hiện hành của năm thức không đồng; do căn thuộc về tướng phân. Xét về thuyết nói căn thuộc về “tướng phân”, cũng chỉ có thể nói “phù trần căn”, không thể nói được thẳng nghĩa căn. Và lại người mà biết được thức thuộc về “kiến

phân” thì phù căn và trần đều thuộc về tướng phân. Lại đâu có biết tướng phân và kiến phân, đồng khởi nơi tự chứng phân đó sao? Thế nên, kiến phân và tướng phân đã không thể nói là khác, mà do căn thức làm thành khác đâu thể được. Do đây mà xem ý Bát Thức Qui Củ chú giải cùng với ý dẫn ở đây ai phải ai sai, còn đợi ý kiến của các bậc cao minh vậy. Tóm lại, phàm rơi vào ý thức có thể cho là gốc của luân hồi; phàm rơi vào ý thức thì không thể nói là chứng được thanh tịnh giải thoát, đều là chỗ Thánh ý quả trách. Thế thì biết năm thức nương năm căn mà rõ biết, chẳng phải trách chỗ ý đến là quá rõ. Đến như bộ Tông Cảnh nói, thức thứ sáu cũng có hiện lượng, đâu không phải trong cái phân biệt hiện tại, mà có cái sáng suốt không phân biệt vẫn tự y nhiên, thì càng biết, tôi cho rằng thức tính ý chẳng chỉ riêng cho năm thức. Cũng vẫn là người ngu khó phân biệt được thức và căn, sợ e cho đồng với ý thức mà không thể tự nhận. Một phen giận trạch cái lầm lẫn lộn xộn kia mà khiến cho tự nhận, một khi chỉ ra tức ở trong cái lầm lẫn lộn xộn mà chứng được cái sáng suốt không phân biệt. Chính có thể lẫn nhau mà phát minh vậy.

## ĐOẠN V

# PHẬT NÓI KỆ KHEN CHÂN VỌNG KHÔNG THẬT TÍNH, THEO TÍNH VIÊN THÔNG ĐỂ TRỞ VỀ BẢN GIÁC

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

*Kệ là một bộ trong 12 bộ Kinh. Tiếng Phạn là “Già-đà” tức là Phúng tụng. Hoặc lấy ít để gồm nhiếp cho nhiều, hoặc để tăng thêm cho rõ những điều nói ở trước đều không có thật thể.*

**Nơi chân tính không pháp hữu vi,  
Do duyên sinh nên giống như huyễn.  
Pháp vô vi không sinh, không diệt,  
Không thật như hoa đốm hư không.**

*Quan hệ pháp hữu vi đối với chân tính, thấy tất cả pháp hữu vi, vốn do chân tính mà hiện ra, không có tự tính nên nói là không. Cái không của pháp hữu vi này, chẳng phải như lông rùa, sừng thỏ, mà tùy theo duyên khởi ra đồng như huyễn hóa để dẹp cái lỗi các pháp hiện có trước mắt. Vô vi là đối với hữu vi mà nói, hữu vi nguyên vốn là chân tính, tức đó là vô vi, nên không có sinh diệt. Nghĩa là sinh*

*diệt cũng giống như hoa đóm giữa hư không, tức có mà không, đương sinh mà chẳng sinh, nên hay phát minh căn tính đương thể là Niết-bàn, pháp ấy vốn như vậy.*

**Nói vọng để tỏ bày cái chân,  
Vọng và chân cả hai đều vọng.  
Còn không phải chân hay phi chân,  
Làm sao có năng kiến sở kiến.  
Thức ở giữa không có thật tính,  
Vậy nên như hình cây lau gác.**

*Xét ra do hữu vi mà nói vô vi, nên nói: “Nói vọng để tỏ bày cái chân”. Hữu vi đã không thật, thì vô vi cũng gượng đặt tên, nên nói: “Vọng và chân cả hai đều là vọng”. Chân và phi chân còn không có tên, đâu lại có căn năng kiến và trần sở kiến, nên nói: “Thức ở giữa không có thật tính”, vậy nên như hình cây lau gác nhau.*

**Cột và mở đồng một sở nhân,  
Thánh và phàm vốn không hai lối.  
Hãy xem tính cây lau gác nhau,  
Đâu phải là không hay là có,  
Mê mờ nghĩa đó tức vô minh,  
Tỏ sáng ra liền thành giải thoát.**

Cột, nhân sáu căn mà cột, mở cũng nhân sáu căn mà mở, nên nói “đồng một sở nhân”. “Thánh, phàm không hai lối”, là Thánh tức giải thoát, phàm phu tức triền phược. Song triền phược hay giải thoát không hai, thì Thánh hay phàm cũng không hai. Nên biết căn cảnh trước mắt không rơi vào có và không, duy phân ra có mê và ngộ. Đây chính là quy trách nhiệm về thức tính, nên nói mê muội nghĩa đó tức là vô minh. Song Thật tính của vô minh tức là Phật tính, nếu ở trong mê bỗng nhiên tự nhận, tức vốn là giải thoát, chẳng phải có hai thể vậy.

**Mở gút tụy phải theo thứ lớp,**

**Sáu đã mở một cũng không còn.**

**Nơi các căn chọn tính viên thông,**

**Nhập lưu được thì thành Chính Giác.**

Đây là nói cột và mở tụy có thứ lớp, song sáu gút đã mở thì tên một cũng không còn. Đại thừa phá thẳng vô minh, hai thứ chấp ngã và pháp liền dứt hết phân biệt. Nếu ngộ được căn viên thông, chính khi vừa nhập lưu (vào dòng Thánh) liền thành Chính Giác (Phật). Kinh Hoa Nghiêm cho là hàng sơ phát tâm đồng với Phật, cũng đồng một ý chỉ này. Nên tụy ngầm chỉ lựa căn ở vãn sau, tức là ngộ ý viên đốn vậy.

**Thức A-đà-na rất nhỏ nhiệm,  
Tập khí lưu hành như dòng thác.  
E lầm là chân hay phi chân,  
Nên tôi thường không diễn giảng đến.**

*“Đà-na”, Trung Hoa dịch là Cháp trì (năm giữ) là tên khác của thức thứ tám. Đây nguyên là tính của các căn gá vào thể của thức thứ tám. Nó vốn tự sâu kín, chỉ nhân vọng động mà thành tập khí mới có hai phần là kiến phần và tướng phần, như dòng thác; chảy mà không biết trở lại thành ra vọng động, nên nó không phải chân. Nguyên là tạng tính thì lẽ ra không phải vọng, nhưng bởi mê cái không phải vọng thì cùng với cái vọng gồm thâu; mê cái chẳng phải chân thì gồm cả chân đều bỏ, vì thế không nên diễn giảng đến vậy.*

**Tự tâm trở lại chấp tự tâm,  
Không phải huyễn thành ra pháp huyễn.  
Không chấp trước không gì phi huyễn,  
Cái phi huyễn vẫn còn không sinh,  
Thì pháp huyễn làm sao thành lập.**

*Căn trần thuộc về tướng phần; thức tính*



thuộc về kiến phần. Do căn hiện trần mà sinh phân biệt, nên nói: “Tự tâm trở lại chấp lấy tự tâm”. Đồng là thể Như lai tạng vô phân biệt mà vọng phân ra căn trần, nên gọi là: “Không phải huyễn thành ra pháp huyễn”. Nếu đối hiện với căn trần mà không phân biệt, thì Như lai tạng tính còn chẳng tự biết; tuy ở tại căn trần cũng không sở đắc. Bậc trí đối với việc ấy sẽ nói thế nào?

**Ấy gọi như huyễn Tam-ma-đê,  
Bảo giác chắc như Kim Cang Vương,  
Không nhiễm tịnh tợ diệu Liên Hoa;  
Khả ngón tay, vượt hàng vô học.  
Pháp ấy không gì so sánh được,  
Là con đường thẳng đến Niết-bàn,  
Của mười phương các đức Thế Tôn.**

“Tam-ma-đê”, Trung Hoa dịch là Chính thọ, cũng dịch là Tam-muội, tức là như huyễn tam-muội. “A-tỳ-đạt-ma”, Trung Hoa dịch là Vô tử pháp, cũng tức chỉ cho tam-muội này. “Bạt Già Phạm” có đủ sáu nghĩa: 1/ Tự tại, 2/ Xí thạnh, 3/ Đoan nghiêm, 4/ Danh xưng, 5/ Kiệt tường, 6/ Tôn quý. Đây là nương hai câu, “cả cái phi huyễn còn không sinh, pháp huyễn làm

sao thành lập” ở trên thì chân tâm tuyệt đối  
đãi, dụ như hoa sen, sinh dưới bùn mà không  
dính mùi bùn; cũng như kiếm báu chắc tợ Kim  
Cang Vương, vừa nghĩ chém liền thành tan nát.  
Đây là chỉ cho căn bản đại trí hay chiếu phá vô  
minh; ấy gọi là huyền tam-muội. Tam-muội như  
huyền này tức tướng, là tướng, tức niệm, là  
niệm, là Đại thừa chân tu không rơi vào thứ  
lớp, chóng siêu vượt định tính của Nhị thừa. Vì  
đồng là một con đường của mười phương các  
đức Như Lai, nên rốt ráo đến Phật quả lại  
không có hai nẻo vậy.

Nghiên ngẫm lời trong bài kệ cho chúng  
ta thấy: “Căn tính vốn không thật tính, người  
thì riêng có phàm Thánh nhưng căn tính không  
có hai, chỉ vì đối với mê muội nên chỉ ra là vô  
minh dùng để hiển bày phát minh bèn thành  
giải thoát; mà thật ra vô minh hay giải thoát,  
nguyên ở trong các căn rõ ràng không chỗ được.  
Thế nên đều không thể nói là chân hay phi  
chân. Đây là nghĩa rốt ráo người trí đối việc  
này phải tự ghé mắt, nếu vì phòng ngừa cái lỗi  
chấp có chấp không cho người thì đã là lầm  
qua. Vì chấp trước nên gọi là mê, không chấp  
trước tức là ngộ; một phen rõ biết được cái sở tri  
(chỗ hiểu biết) thì ngay đó liền thành siêu vượt.

*Chỗ này là được nhập lưu bèn thành Chính Giác (Phật). Như huyễn tam-muội là phương tiện chân thật. Kinh Lăng Già gọi là “như huyễn”. Vốn không lỗi chẳng phải người quá lượng thì ai có thể biết được điều này?*



## MỤC II: CỘT KHĂN ĐỂ CHỈ ĐẦU GÚT

### ĐOẠN I

### THUẬT CHỖ TỎ NGỘ

Lúc bấy giờ ông A-nan và Đại chúng được nghe lời từ bi chỉ dạy của Phật, kệ tụng tinh túy, diệu lý trong suốt, mắt tâm tỏ sáng đồng tán thán là pháp chưa từng có.

“Kỳ-dạ”, Trung Hoa dịch là Trùng tụng, tức là đọc lại văn trường hàng ở trên. “Già-đà”, Trung Hoa dịch là Phúng tụng lược nói “Kệ” không nương nơi văn trường hàng, chỉ cần đọc cho hay và rõ. “Chỗ tinh túy”, là chỉ cho lời “Năng thuyên” của kệ tụng trên. “Diệu lý trong suốt” là chỉ cho lý “Sở thuyên”. Bởi thuật lại chỗ được nghe để tỏ vẻ thích thú khi mắt tâm được tỏ sáng vậy.

### ĐOẠN II

### CẦU PHẬT KHAI THỊ THỨ LỚP MỞ GÚT

Ông A-nan chấp tay đánh lễ và bạch Phật rằng: “Nay con được nghe Phật vì lòng

đại bi vô giá (không ngăn che) dạy cho những pháp cú chân thật thanh tịnh diệu thường, nhưng tâm còn chưa rõ thứ lớp mở gút cho đến nghĩa sáu gút mở, một gút cũng không còn. Cúi mong Phật mở lòng đại bi thương xót trong hội này và chúng sinh tương lai, bố thí pháp âm để rửa sạch những cấu nhiễm trầm trọng của chúng con”.

“Vô giá” có hai nghĩa: 1/ Nhân vô giá: Không lựa riêng kẻ hạ căn (thấp kém), 2/ Pháp vô giá: Khai đàn bí mật. “Tịnh tịnh diệu thường”, Tịnh là căn; nghĩa là căn tịnh này vốn trong sạch nhiệm mầu không biến đổi. Nghĩa ấy thuộc về “sở thuyên”. Liễu nghĩa gọi là “chân”, không hư dối gọi là “thật”. Ở đây nói pháp cú chân thật chính là chỉ cho “năng thuyên”. “Thư”, tức là mở ra.

Trên đã khai thị mở gút, như câu “nơi tri kiến mà lập ra tướng tri kiến, tức là gốc của vô minh; nơi tri kiến mà không lập ra tướng tri kiến, đây tức là Niết-bàn”. Lại nói: “Mê muội tức là vô minh, phát minh liền giải thoát”. Lại nói: “Không chấp trước không gì phi huyễn, cái phi huyễn vẫn còn không sinh, thì pháp huyễn làm sao thành lập”. Có thể nói, chỉ bày rất

*phân minh mà vẫn chưa thông suốt mọi điều chỉ dạy như văn sau nói, “do tâm tính của ông cuồng loạn từ vô thủy, mà cái hay biết giả dối phát ra”. Lại nói: Căn cơ này, ban đầu mở liền trước chứng nhân không, tính không được tròn sáng thì thành pháp giải thoát, nên lại phải khẩn thiết thưa thỉnh vậy.*

### ĐOẠN III

#### CỘT GÚT CHO XEM VÀ GẶN HỎI ĐẦU GÚT

Liên khi ấy, đức Như Lai nơi tòa sư tử sửa áo Niết-bàn Tăng và vén áo Tăng-già-lê vịn ghé thất bảo đưa tay lấy cái khăn hoa nơi ghé của trời Kiếp-ba-la dâng cúng.

“Niết-bàn Tăng”, Trung Hoa dịch là lý y (áo trong). “Tăng-già-lê”, Trung Hoa dịch là đại y (y lớn). “Kiếp-ba-la”, Trung Hoa dịch là thời phân, tức là trời Dạ Ma. “Điệp hoa”, là một thứ lụa ở Thiên Trúc (Ấn Độ) giá trị vô lượng.

Đối trước Đại chúng cột thành một gút đưa cho A-nan xem và hỏi rằng: “Cái này gọi là gì?”.

Ông A-nan và Đại chúng đều bạch Phật: “Cái này gọi là cái gút”.

Khi ấy đức Như Lai cột cái khăn diệp hoa thành một gút nữa, lại hỏi ông A-nan: “Cái này gọi là gì?”.

Ông A-nan và Đại chúng đều bạch Phật: “Cái này cũng gọi là gút”.

Như thế theo thứ lớp Phật cột cái khăn diệp hoa thành sáu gút. Mỗi gút khi cột xong đều lấy cái gút vừa cột xong trong tay đưa hỏi ông A-nan: “Cái này gọi là gì?”.

Ông A-nan và Đại chúng cũng lại theo thứ lớp đáp lời Phật hỏi: “Cái này gọi là gút”.

Phật bảo ông A-nan: “Khi tôi mới cột cái khăn, thì ông gọi là gút, cái khăn hoa này, trước nó chỉ có một cái, cứ sao lần thứ hai, lần thứ ba, ông cũng gọi là gút?”

Ông A-nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, cái khăn lụa thêu dệt quý báu này, tuy vốn là một thể, nhưng theo ý con suy nghĩ: Đức Như Lai cột một lần thì được gọi tên một gút, nếu cột một trăm lần thì trọn gọi là trăm gút, huống chi khăn này chỉ có sáu gút, không lên đến bảy và cũng không đứng ở số năm, cứ sao đức Như Lai chỉ cho cái

**đầu là gút còn cái thứ hai, thứ ba thì không gọi là gút?”.**

**Phật bảo ông A-nan: “Cái khăn hoa báu này, ông nên biết nó vốn chỉ có một cái, khi tôi cột sáu lần thì ông gọi là sáu gút, ông nên xem xét cho chín chắn, thể của cái khăn này là đồng, nhân nơi các gút mà có khác. Ý ông nghĩ sao? Khi tôi cột gút ban đầu thì gọi là gút thứ nhất, như thế cho đến cột lần thứ sáu, thì gọi là gút thứ sáu, nay tôi muốn gọi gút thứ sáu là gút thứ nhất có được chăng?”.**

**- Bạch đức Thế Tôn, không vậy. Nếu còn là sáu gút, thì cái gọi là thứ sáu rốt cuộc không phải là cái thứ nhất, đầu cho cố gắng biện bạch suốt đời cũng không thể làm cho sáu gút đổi tên được.**

**- Phật dạy: “Đúng thế! Sáu gút không đồng nhau, tuy xét về bản nhân vẫn do một cái khăn tạo ra, nhưng rốt cuộc không thể làm cho sáu gút xáo trộn lẫn nhau. Sáu căn của ông cũng lại như vậy, trong thể rất ráo “đồng” lại sinh ra rất ráo khác”.**

*Khi tôi mới cột cái khăn thì ông gọi là gút, cái khăn hoa này trước nó chỉ là một cái, có*



sao cột lần thứ hai, lần thứ ba ông cũng gọi là gút. Đây là dụ, vốn một tính giác, ban đầu do giác mình bị vọng mà vọng có soi sáng (kiến minh) do đó sáu căn đồng thời đều hiện. Nên cái gút của sáu căn ban đầu từ giác mình, mà cái vọng của giác mình là biến khắp cả sáu căn. Đã nguyên vọng, không phân thể dụng, nơi giác cũng xuyên suốt, sự thiên lệch hay hoàn toàn, trói cột đã không có một và sáu, giải thoát há lại có trước sau, mà ông A-nan lại chấp theo thứ lớp không được lắm lộn. Đây là do chấp pháp của hàng Nhị thừa, chưa dễ gì chóng quên. Nên đức Thế Tôn chỉ nói, “Gút thứ nhất không đồng với gút thứ sáu”. Gút thứ nhất ở đây là để nói rõ khăn vốn chỉ có một cái, bỗng nhiên cột thành gút. Bởi từ một cái mà nói là một, chứ không phải nơi sáu gút mà phân có trước sau. Lại nói: “Muốn đem gút thứ sáu gọi là gút thứ nhất được chăng?”. Đây là lấy gút thứ sáu, nói chung là sáu gút để hiển bày cái khác nhau với gút thứ nhất. Lại nói: “Gút thứ sáu không đồng”, là xem trở lại cái nhân ban đầu là từ một cái khăn tạo ra. Lại nói, “trong cái rớt ráo đồng nhau mà sinh ra cái rớt ráo khác nhau”, đây đều là lấy sáu trông về một, do đồng mà thành khác phát khởi từ một thể cuối cùng ở

*nơi danh tướng, do mê vọng mà phát ra thành  
có nguyên nhân. Hiểu rõ mê vọng là hư giả, chớ  
nên dùng phương tiện mà làm chướng ngại nơi  
chân thật. Học giả nên suy nghĩ vậy.*



### MỤC III: CHỈ MỞ GÚT TRƯỚC SAU



#### ĐOẠN I

### GẠY HỎI ĐỂ CHỈ RÕ ĐẦU GÚT

Phật bảo ông A-nan: “Chắc hẳn ông không muốn thành ra sáu gút và trông mong chỉ thành một thể, lại làm sao được?”.

Ông A-nan thưa: “Nếu còn những gút đó, thì phải trái lằng xằng, trong đó tự sinh ra gút này không phải gút kia, gút kia không phải gút này. Giờ đây đức Như Lai cởi bỏ tất cả không sinh gút nữa, thì không đây kia, còn không gọi là một, làm sao mà thành sáu được”.

Phật dạy: “Cái nghĩa cởi cả sáu gút, một gút cũng không còn, cũng lại như vậy. Do tâm tính của ông cuồng loạn từ vô thị mà vọng phát sinh cái thấy biết; vọng phát không dừng, thì làm cho tri kiến sinh bệnh mà phát sinh ra trần cảnh, như tròng con mắt bị mỗi một thì thấy có hoa đốm lằng xằng; tất cả những tướng thế gian, núi sông, đại địa, sinh tử, Niết-bàn vốn không nhân gì mà rối loạn

khởi lên trong tướng sáng suốt yên lặng, đều là những tướng hoa đốm điên đảo do bệnh mê lầm phát ra”.

*Đây thật phát minh thế nào là cột. “Do tâm tính của ông cuồng loạn từ vô thủy mà cái tri kiến vọng phát sinh”, là chỉ cho cái giác mình bị vọng. Phát vọng không dừng, cái tri kiến bệnh mà phát ra trần cảnh như trông con mắt bị mỗi mệt thì thấy có hoa đốm lăng xăng, là do năng sở phát sinh ra đồng khác và không đồng khác. Vốn là tính sáng suốt yên lặng, không nhân gì mà rối loạn khởi lên để chỉ rõ thế giới và chúng sinh hiện tiền, như hoa đốm giữa hư không vốn không có sở nhân. Nếu ngộ được không nhân thì liền đó tự hết, sinh tử Niết-bàn như giấc mộng đêm rồi. Và nói Niết-bàn là ngầm ý chỉ một cũng không còn ở văn sau.*

## ĐOẠN II

### HỎI CÁCH MỞ GÚT

**Ông A-nan thưa:** “Bạch Thế Tôn, bệnh mê lầm đó giống như các gút kia làm sao cởi bỏ được?”.

**Đức Như Lai đưa tay cầm cái khăn có**

gút kéo mỗi bên trái, rồi hỏi ông A-nan: “Thế này mở được chằng?”.

Ông A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, không vậy”. Phật liền lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, rồi lại hỏi ông A-nan: “Thế này mở được chằng?”.

Ông A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, không vậy”.

Phật hỏi ông A-nan: “Nay tôi lấy tay kéo mỗi bên phải, bên trái hai bên mà rốt cuộc không mở được, vậy ông có dùng phương tiện gì mở được chằng?”.

*Kéo mỗi bên phải, bên trái, các nhà só giải đều dụ cho không và có. Riêng tôi cho là chỉ căn và trần; vì nếu chưa từng phát minh căn tính, được chỗ nhân mê, dấu cho rời trần giữ tịnh, đóng kín cửa sáu căn, cũng chưa phải rốt ráo giải thoát; dùng khởi ra vẫn sau, ý phải mở ngay nơi lòng gút.*

### ĐOẠN III

## DẠY TRỪ LÒNG GÚT, VỌNG HẾT VỀ CHÂN

Ông A-nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, phải mở ngay trung tâm cái gút thì tan rã ngay”.

**Phật bảo ông A-nan: “Đúng vậy, đúng vậy!”. Nếu muốn mở gút, phải ngay trung tâm cái gút mà mở.**

*Nói rằng “Trung tâm của cái gút”, Tâm là thường trụ giác tâm; cái giác này không tính, vọng lấy cái sở minh theo đó làm gút ban đầu. Nếu đối căn tính, hiện tiền hiểu rõ không chỗ yêu ghét, ngay đó phát minh trở lại phù hợp với bản giác, bèn có thể biết rõ cái vọng của giác minh; ngoài đối với sáu trần y theo trước mà đối hiện, chỗ phát khởi của sáu căn phân biệt rõ ràng, nhân không, pháp giải, trước sau đều là cái sáng suốt của căn bản trí; lý sự không ngại; nhân quả thủy chung chỉ tự chứng biết không lệ thuộc nơi viên mãn (Phật) hay khiếm khuyết (chúng sinh).*

**A-nan, tôi nói Phật pháp từ nhân duyên sinh, chẳng phải chấp tướng hòa hợp thô tháo theo thế gian. Như Lai phát minh pháp thế gian, xuất thế gian biết rõ nhân gốc của nó theo duyên gì mà phát ra, cho đến một giọt mưa ở ngoài häng sa thế giới cũng biết số mục hiện tiền các thứ, cây tùng thì ngay, cây gai thì cong, chim hạc thì trắng, chim quạ thì đen, đều rõ được nguyên do của nó.**

*Nhân, tức là Phật tính, duyên tức là tất cả pháp thanh tịnh. Do Phật tính không tính, nên phải chiếu liễu, nghĩa là liễu đạt minh chiếu nơi vô minh. Phật tính vốn thanh tịnh, bởi do tập khí hư dối từ vô thủy, do bất giác khởi lên, nương nơi sở minh che lấp sáu căn, tuy ngay đó phát minh, nhưng cần yếu phải có sức thanh tịnh, tức là như huyền tam-muội ở trước, chỉ khẽ ngón tay được viên thành. Đây là phương tiện, không đồng với pháp thật của Nhị thừa. Suy đây mà biết, pháp thế gian và xuất thế gian, mỗi pháp đều có bản nhân, mỗi cái đều có sở duyên. Như Lai phát minh bản nhân xuất thế, viên mãn các duyên thanh tịnh, được nhất thiết trí đủ chính biến tri (cái biết chân chính), tự nhiên cái lầm như trần sa (trần sa hoặc) liền hết, đều biết rõ nguyên do tội ngoài các cõi vậy.*

**Thế nên A-nan tùy trong tâm ông lựa chọn nơi sáu căn, nếu trừ được cái gút nơi căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt, các vọng đều tiêu hết chẳng phải chân là gì?**

*Đây là khởi lên, chọn lựa căn viên thông, nghĩa là xoay căn trở về nguồn; tuy ngay đó phát minh vẫn còn phải có sức thanh tịnh.*

## ĐOẠN IV

### CHỈ KHI CỘT CÓ THỨ LỚP, THÌ KHI MỞ CŨNG PHẢI CÓ TRƯỚC SAU

A-nan, nay tôi hỏi ông: Cái khăn Kiếp Ba La này hiện có sáu gút, nếu đồng thời mở ra thì có thể đồng một lúc trừ hết được chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Những cái gút này, khi cột có thứ lớp, thì ngày nay cũng theo thứ lớp mà mở. Sáu gút tuy đồng một thể, nhưng khi cột không đồng một lúc, thì khi mở gút làm sao đồng thời trừ bỏ hết được?

Phật bảo: “Việc giải trừ cái gút nơi sáu căn cũng giống như vậy.

*Đây nói mở gút không thể đồng thời; dùng để ngầm chỉ vấn sau, trước được nhân không, kế giải thoát pháp chấp. Song cái “năng dụ” in tuồng chỉ dạy mở gút có thứ lớp, phải biết chỗ thí dụ riêng có trệ viên, chỉ phải nhận được ý chỉ, không nên quá câu nệ vậy.*

Căn ấy khi bắt đầu mở, trước được nhân không, đến khi tính không tròn sáng, thì giải thoát pháp chấp, pháp chấp giải thoát rồi cả hai cái nhân không, pháp không cũng không



**còn; ấy gọi là Bồ-tát do Tam-ma-đề (Chính Định) mà chứng được Vô Sinh Nhẫn”.**

Ông A-nan từ khi được nhờ nghe Phật dạy đánh chuông khai thị, chính sau khi ấy mới phát minh được căn tính. Ở đây nói, trước được nhân không cũng tức là tính không tròn sáng, liền thành tựu pháp giải thoát. Bởi vì ngoài tâm không có pháp, chỉ rõ được cái “sở tri” rõ mà không chỗ rõ, tự nhiên pháp phân biệt hết. Đây là con đường thẳng tắt của Viên thừa, chứ không phải cảnh giới của tạng giáo và thông giáo. Ngài Trường Thủy dẫn văn sau cho rằng, “ban đầu vào dòng quên tiếng (nhập lưu vong sở), chỗ vào đã lặng hai tướng động tịnh rõ ràng không sinh. Do đó mà dần dần tiến lên cái hay nghe và tiếng bị nghe đều dứt, do đây mà cái căn ban đầu được giải thoát, trước được nhân không. Tột cùng cái nghe không dừng trụ, cái năng giác, sở giác đều không, tức giải thoát được pháp chấp. Sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền là ngay đó được vô sinh pháp nhẫn”. Xét rõ phối hợp với nhau cũng tự thỏa đáng. Nhưng riêng tôi hiểu, chỗ lựa căn ở văn sau đó là phương tiện, để thâm chỉ lý viên dung. Nay dù trước nói thứ lớp cũng ngầm chỉ ra nghĩa ấy, thế nên không phải là pháp thật vậy.

*Chỉ nói câu này mới được giải thoát, là giải thoát những gì?*

*Xét ra, bởi do bám lấy sắc mà thành ra cái thấy (phân biệt); thấy tức là ngã thể. Nếu rời sắc thì cái thấy không riêng lập. Cái không này chính là cái không kiến chấp bám với sắc, chứ không phải cái không của căn tính ánh ra sắc. Ở đây nếu chẳng biện biệt, thì rời cái thấy không có ngã. Bởi chỗ này nên kinh Niết-bàn nói hàng Nhị thừa không thấy Phật tính. Xét ra sắc tức là pháp; cái thấy (phân biệt) là nhân. Rời sắc rời sau mới hết phân biệt (kiến). Nhân không mà pháp còn có đối đãi là bởi cái phân biệt (kiến) bám với sắc đã lìa mà cái lìa phân biệt sắc chưa hết, gọi là có sắc có thể lìa, nên chưa cùng tột vậy. Sắc đã chưa cùng tột thì chưa có thể nói tính không được tròn sáng. Tính không tức là tính nhân không. Luận về pháp do tâm sinh, tâm nếu chẳng sinh, pháp không thể trụ. Nên biết pháp chấp ngoài tâm chưa quên, vẫn là nhân không chưa viên mãn. Hẳn là tính không tròn sáng mới hay thành pháp giải thoát. Cái thấy pháp không này đều do nhân không đã tột, tột thì tướng không cũng dứt. Như người vừa thức giấc cũng chẳng nói ta*

*thức, gọi là “sáu mở một cũng không còn”. Tôi thường xét trong các kinh nói, Nhị thừa chứng nhân không, mà chưa chứng được pháp không, chỉ căn cứ chỗ đoạn phiền não chướng mà thôi. Nếu “sở tri” chưa đoạn, đâu có thể tâm cảnh được vắng lặng. Nên biết ngã pháp ngay đó một lúc liền không, nói có trước sau còn là phương tiện của Thế Tôn vậy.*



## MỤC IV: GẶN HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ CHỖ VIÊN THÔNG



### ĐOẠN I

#### TRÌNH BÀY CHỖ NGỘ XIN CHỈ DẠY CĂN VIÊN THÔNG

Ông A-nan và Đại chúng mong chờ được Phật khai thị, tuệ nhãn được viên dung thông suốt không còn những điều nghi hoặc, đồng thời chấp tay đánh lễ nơi hai chân Phật mà bạch Phật rằng: “Chúng con ngày nay thân tâm sáng suốt, vui sướng được vô ngại, song tuy nhận biết cái nghĩa một và sáu không còn, nhưng vẫn chưa rõ thấu căn tính bản lai viên thông. Bạch Thế Tôn, bọn chúng con đã trôi nổi bơ vơ trong nhiều kiếp, ngờ đâu được dự vào dòng giống của Phật, khác nào đứa con mất sữa được gặp mẹ hiền.

*“Trôi nổi” (phiêu linh) là nổi chìm trong lục đạo. “Bơ vơ” (cô lộ) chưa có chỗ về nương tựa. Đã ngộ sáu mở, một không còn, nhưng*

*chưa đạt được một cửa để nhớ lại khi xưa đã bơ vơ mà vui thích nay được gặp.*

**Nếu nhân nơi cơ hội này mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi diệu đã được nghe, thì cùng với người chưa nghe không có sai khác. Cúi mong Phật mở lòng đại bi ban cho chúng con pháp bí mật diệu nghiêm, thành tựu lời dạy cuối cùng của Như Lai”. Nói lời ấy rồi nắm vốc gieo xuống đất lui về an trụ nơi cơ cảm sâu nhiệm, trông mong Phật thâm truyền cho.**

*Ngộ mà gọi là “bản”, vì vốn chưa từng mê, nay cũng không ngộ, nên nói cùng người chưa nghe đồng nhau. Ở đây chính ông A-nan thâm đạt được thật tướng kẻ hạ căn kinh dị đồng thời đều hiểu rõ. “Định Thủ Lăng Nghiêm”, là pháp bí mật của Diệu Nghiêm. “Một môn thâm nhập”, là phương tiện viên dung nhiệm mầu. Đây là pháp rốt ráo tối hậu, nên phải trầm tĩnh thâm nhận vậy.*

## **ĐOẠN II**

### **GẶN HỎI TRONG ĐẠI CHÚNG**

**Khi ấy, đức Thế Tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các hàng Lưu Tận A-la-hán trong**

chúng rằng: “Các ông là những vị Bồ-tát, A-la-hán sinh trong Phật pháp đã chứng quả vô học, nay tôi hỏi các ông: Lúc ban đầu khi mới phát tâm trong mười tám giới, ngộ được viên thông ở giới nào và do phương tiện gì mà được vào Tam-ma-địa (Chính Định)?

*Hai mươi lăm vị Thánh do ngộ bảy đại và mười tám giới mà được viên thông. Đây chỉ nói mười tám giới, vì thức đại gồm nhiếp trong sáu thức; kiến đại gồm nhiếp trong sáu căn; ngũ đại gồm nhiếp trong sáu trần. Tóm lại mà nói, bảy đại mười tám giới, đều gồm nhiếp trong sáu căn. Nên văn trên nói “Sinh tử hay an lạc đều do sáu căn này”, chỉ bày để phát minh cũng duy căn tính. “Sinh trong Phật pháp”, ngài Trường Thọ nói: “Do miệng Phật mà sinh, do pháp hóa sinh, được có phần trong Phật pháp”.*

### ĐOẠN III

## DO THANH TRẦN CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông Kiều-trần-na và năm vị Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng: “Khi con ở Lộc Uyển và nơi Kê viên, xem thấy đức Như Lai khi mới thành đạo, chúng con do nghe pháp âm của

**Phật ngộ pháp tứ đế. Phật hỏi trong hàng Tỳ-kheo, thì con được gọi là nhận hiểu trước tiên. Như Lai ấn chứng cho con tên là A-nhã-đa, đi sâu vào bản tính nhiệm mầu của âm thanh mà được viên dung sâu kín. Con do âm thanh mà được quả A-la-hán.**

*Âm thanh của Phật từ miệng Phật nói ra, mà tiếng không phải miệng, âm vang ra khắp mười phương mà không rơi vào thanh trần; không thể phân biệt mà chẳng phải không tiếng, ấy là hiểu rõ thật tướng của tiếng. Ngộ nơi đây mà biết pháp tứ đế lại cũng như vậy. Trên hội Niết-bàn Phật vì hàng Nhị thừa nói pháp tứ đế, bảo ngài Văn-thù Sư-lợi rằng: “Có khổ có đế có thật, có tập có đế có thật, có diệt có đế có thật, có đạo có đế có thật; Như Lai phi khổ phi đế là thật; hư không phi khổ phi đế là thật; Phật tính phi khổ phi đế là thật”. Nói là khổ đó là tướng vô thường, là tướng có thể đoạn ấy là lẽ chắc thật (thật đế). Tính của Như Lai không phải khổ, không phải vô thường, không phải tướng có thể đoạn, thế cho nên là thật. Nói là tập đế, là hay khiến năm ấm hòa hợp mà sinh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, là tướng có thể đoạn. Tính của Như Lai chẳng phải là tính tập, chẳng phải nhân của ấm, chẳng phải là tướng có thể đoạn, thế nên gọi là*

*thật. Nói là diệt gọi là phiền não diệt, cũng thường cũng vô thường, chỗ chứng được của hàng Nhị thừa gọi là vô thường. Chư Phật chứng được thì gọi là thường, cũng gọi là pháp chứng, ấy gọi là lẽ thật (thật đế). Tính Như Lai chẳng gọi là diệt, mà hay diệt phiền não, chẳng phải thường vô thường, chẳng gọi là chứng biết, thường trụ không biến đổi, thế nên là thật. Đạo là hay đoạn phiền não, cũng thường vô thường, là pháp đáng tu, ấy gọi là lý chắc thật. Tính Như Lai chẳng phải đạo hay đoạn phiền não, chẳng phải thường vô thường, chẳng phải pháp đáng tu, thường trụ không biến đổi, thế nên là thật. Đây là pháp tứ đế của Đại thừa, chẳng phải Nhị thừa có thể chứng được. Song Như Lai nói pháp chỉ có nhất thừa, lại không có hai thừa và ba thừa; tùy căn cơ mỗi mỗi đều lãnh hội, như đám mưa khắp nơi muôn vật lớn nhỏ chỗ thấm ướt đều có khác. Lại bên trong thì ẩn dấu, bên ngoài thì hiển bày (nội bí ngoại hiện), chính để khắp chỉ bày pháp môn vô giá (không ngăn che), lại không có thừa nào khác.*

**Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng được của con âm thanh là hơn hết”.**

Ngài Ôn Lăng nói: “Trong hai lăm cửa, ban đầu nêu âm thanh là để dùng làm giáo thể (thể thức giáo hóa) ở phương này”.



#### ĐOẠN IV

### DO SẮC TRẦN CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông Ưu-ba-ni-sa-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Con cũng thấy khi Phật mới thành đạo, do con quán tướng bất tịnh mà sinh tâm nhàm chán xa lìa, ngộ được thật tính của các sắc. Do từ quán tướng bất tịnh, đến tướng xương trắng và tướng vi trần, đều tan về hư không, cả hai cái không và sắc cũng không, thành tựu đạo vô học. Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Sắc của trần cảnh đã hết, sắc của tinh diệu được mật viên. Con do sắc tướng mà chứng A-la-hán. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng được của con, do sắc trần là hơn cả”.

*Ban đầu từ quán tướng bất tịnh sinh tâm nhàm chán xa lìa. Do tâm nhàm chán xa lìa, nên mới nghiên cứu vi trần tan rã thành hư không; sắc không không hai, chứng được thực tướng của sắc. Nghĩa là sắc của trần cảnh đã hết, sắc của tinh diệu mật viên. Ngài Trường Thủy nói: “Rõ được các sắc trần vốn là Như lai tạng, nên nói là ngộ tính của các sắc”. Quán*

tướng bất tịnh, đây là Bồ-tát thật hành pháp “cửu tướng quán”, không phải như Thanh văn nhàm chán, xa lìa cầu chứng quả Niết-bàn vậy.

Trong bộ Thích Luận ngài Long Thọ nói: “Pháp cửu tướng quán, tuy là quán tướng bất tịnh, nhưng nếu nương theo đó cũng có thể thành tựu việc lớn”. Bồ-tát vì thương xót chúng sinh, biết chúng sinh do nhân duyên ba độc mà đắm trước các sắc, nên nói “thanh ú tướng” (tướng da thịt bầm xanh) vv... để phá trừ chấp tướng trong và tướng ngoài của thân, ấy là Bồ-tát thật hành cửu tướng quán”.

Ngài Chương An nói: “Bồ-tát dùng tâm đại Niết-bàn, tu pháp tịnh nghiệp, như quán chiếc phao nổi, xương trắng và tám khổ vv... nên không phải là việc của hàng Nhị thừa”.

“Ni-sa-đà” Trung Hoa dịch là “Trần tính”, nhân chỗ chứng ngộ mà đặt tên.

## ĐOẠN V

### DO HƯƠNG TRẦN CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông Hương Nghiêm đồng tử liên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Con nghe đức Như Lai dạy, phải quán xét kỹ các tướng hữu vi. Khi ấy con

từ giã Phật, đầu hôm đến ngôi yên lặng nơi nhà thanh trai, thấy các thầy Tỳ-kheo đốt trầm thủy hương, mùi thơm lặng lẽ bay vào trong mũi con. Con quán mùi thơm ấy không phải là gỗ, không phải là hư không, không phải là khói, không phải là lửa, đi ra không dính vào đâu, đến cũng không từ đâu, do đó mà ý niệm phân biệt tiêu diệt, phát minh tính vô lậu. Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm. Tướng hương tiền trần bỗng diệt, thì diệu tính của hương là mật viên. Con do hương nghiêm mà chứng A-la-hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con hương nghiêm là hơn cả”.

*“Hương” là một trong các tướng hữu vi, không phải là gỗ, không phải là hư không, không phải khói, không phải lửa, đi không dính mắc vào đâu, đến cũng không từ đâu, nên nói là lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp. Hương đã như thế, các pháp cũng như vậy. Liên khi ấy ý niệm phân biệt tiêu diệt, tính tướng thường trụ, chẳng phải chỗ của ý thức phân biệt được. Hương Nghiêm là dùng hương chân thật tự nghiêm thân lấy chỗ ngộ làm hiệu. Đồng chân là tiêu biểu cho mới vào Phật pháp. Cũng để*

*hiển bày đồng chân nhập đạo, như ngài Văn-thù, Thiện Tài, các vị Đại Bồ-tát đều xưng là Đồng tử. Chữ “Yến” là dừng nghỉ. Chữ “Hối” là trời hướng về chiều. “Thanh trai” là nhà thanh tịnh trai.*

## ĐOẠN VI

### DO VỊ TRẦN CHÚNG VIÊN THÔNG

**Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương, Dược Thượng và năm trăm vị Phạm Thiên trong hội**

*Ngài Trường Thủy nói: “Kham nhận bổ xứ tiếp nối dòng Phật khiến không đứt mất gọi là Pháp Vương Tử. Năm trăm vị Phạm Thiên ấy thuộc về đồ chúng.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con từ kiếp vô thủy làm lương y thế gian, miệng thường nếm cỏ, cây, vàng, đá trong cõi Ta-bà này, số mục có đến mười vạn tám ngàn (108.000) loại, biết hết các vị: đắng, chua, cay, mặn, lạt vv... cùng với các vị biến đổi do các vị kia hòa hợp, cùng sinh ra thứ nào là nóng, thứ nào là lạnh, thứ nào là có độc, thứ nào là không độc, con đều biết cả.**

**Vâng nghe lời dạy của đức Như Lai rõ biết được bản tính của vị trần, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức thân tâm, chẳng phải rời thân tâm phân biệt đúng bản tính của vị trần mà được khai ngộ. Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con hiệu là Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng. Nay ở trong hội làm vị Pháp Vương Tử, chúng con nhân vị trần mà được giác ngộ sáng suốt lên bậc Bồ-tát. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, vị trần là hơn cả”.**

*Đây là nhân nơi vị trần mà có cái biết, tức là ngộ được tính biết vị. Không thì không thể biết, nên gọi rằng chẳng phải không. Có mà không hình tướng, nên gọi là chẳng phải có; thân không phải cái nhân biết, tâm tuy đồng như sinh diệt, nên gọi là chẳng phải tức thân tâm; vị chẳng phải không nắm biết, phân biệt không phải vị, nên gọi là chẳng rời thân tâm. Do đó mà phân biệt đúng bản tính của vị trần phát minh tính giác thể dụng toàn bày, yên lặng viên mãn.*

*“Dược Vương, Dược Thượng”, xét trong kinh Quán Dược Vương: Thuở quá khứ có Phật hiệu là Lưu ly Quang, khi ấy có vị Tỳ-kheo tên*

là Nhật Tạng tuyên bày chính pháp. Có vị Trưởng giả tên là Tinh Tú Quang do nghe Phật thuyết pháp, mà đem trái ha-lê-lặc và các thứ thuốc cúng dường Nhật Tạng và Đại chúng, phát nguyện đời vị lai hay trị lành hai thứ bệnh là thân và tâm của chúng sinh, tất cả đều hoan hỷ, nên được tên là Dược Vương. Người em tên là Diễm Quang Minh, dùng thuốc đề-hồ rất quý cúng dường, nên được tên là Dược Thượng.

## ĐOẠN VII

### DO XÚC TRẦN CHÚNG ĐƯỢC VIÊN THÔNG

**Ông Bạt-đà-bà-la và mười sáu vị khai sĩ đồng bạn**

“Bạt-đà-bà-la”, Trung Hoa dịch là “Thiện thủ”. Ngài Trường Thủy nói: So với kinh Pháp Hoa nói: “Thời Phật Oai Âm Vương có hai vạn ức đức Phật tiếp tục ra đời, người ấy ở trong thời Tượng pháp của Phật ban đầu làm người tăng thượng mạn hủy nhục Bồ-tát Thường Bất Khinh do đó bị đọa địa ngục trải qua ngàn kiếp, khi tội chướng hết được ra khỏi địa ngục, gặp đức Phật Oai Âm Vương sau cùng xuất gia và ngộ đạo. Theo thứ lớp vào nhà tắm, ông quán tính nước biết rõ không thật, không do nhân sinh, nên ngộ

*được nhân của nước”. “Mười sáu vị khai sĩ” là các vị tu hạnh Bồ-tát tại gia nơi thành Vương Xá. Ngài An Pháp sư nói: “Khai sĩ là người mới bắt đầu”. Ngài Kinh Khê nói: “Do tâm mới khai ngộ, tức là mới phát tâm vậy”.*

**liên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Trước kia nơi Phật Oai Âm Vương chúng con do nghe pháp mà được xuất gia. Khi chư Tăng tắm gội con theo thứ lớp vào nhà tắm, bỗng ngộ được chân tính của nước, đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, trong khoảng giữa yên lặng được không có gì. Do cái tức tập chẳng quên, cho đến hôm nay theo Phật xuất gia, mới thành được quả vô học. Đức Phật ấy gọi tên con là Bạt Đà Bà La do phát minh được diệu tính của xúc trần mà thành được bậc Phật tử trụ. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì cái nhân xúc trần là hơn cả”.**

*Nước không phải là nhân hay rửa, bụi và thân không phải là tính bị rửa, cả ba đều không đến nhau. Trong khoảng giữa yên lặng, nghĩa là tâm biết xúc chạm. Xúc trần đã hết thì diệu tính của xúc được phát minh. Diệu tính của xúc cũng chỉ cho tính biết của cái xúc; nghĩa là*

ngay đó không có năng xúc và sở xúc, năng giác và sở giác thì chân giác hiện tiền, nên nói phát minh được diệu tính của xúc trần vậy.

“Túc tập” (tập quán đời trước) là sơ phát tâm thời Phật quá khứ, đến nay Phật hiện tại mới được rõ ráo mà không quên túc tập. Ông Trường Thủy cho là vọng tập tiêu hết, cùng với vẫn trên dưới e không hợp vậy.

### ĐOẠN VIII

## DO PHÁP TRẦN CHỨNG VIÊN THÔNG

Ngài Ma-ha-ca-diếp và bà Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang vv... liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Ở kiếp xa xưa trong cõi này có đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng, con được gần gũi nghe pháp tu học. Sau khi Phật diệt độ con thấp đèn sáng mãi cúng dường Xá Lợi và dùng vàng thối thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay sinh ra trong mỗi đời thân thể thường viên mãn sáng chói như vàng thối. Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang này vv... tức là quyến thuộc của con lúc đó, cũng đồng thời phát tâm như con.

Con do quán sát sáu trần ở thế gian đều



biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch, tu định diệt tận, thân tâm có thể trải qua trăm ngàn kiếp cũng như khảm móng tay. Con quán các pháp là rỗng không mà thành quả A-la-hán. Đức Thế Tôn nói con tu hạnh đầu đà bậc nhất. Diệu tính của các pháp được tỏ sáng thì tiêu diệt các lậu (mê lầm). Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì do pháp trần là hơn cả”.

*“Pháp” là bóng dáng của năm trần rơi lại, thuộc về cảnh sở duyên của ý thức. Quán sát các pháp đều thay đổi và diệt mất thì ý niệm tự tiêu, tức là lấy tâm “không tịch” mà thành tựu diệt tận định. Định diệt tận tuy là diệt thọ tưởng định, ở trong cửu thứ đệ định, song cũng lấy chỗ tỏ ngộ tự tâm, chóng sạch pháp chấp, các lậu hằng dứt, vẫn không phải gồm nhiếp trong cửu thứ đệ định.*

*“Xá-lợi”, Trung Hoa dịch là “cốt thân” (xương trong thân). Cũng gọi là “linh cốt” như hạt châu báu có năm màu. Đây là do sức giới, định, tuệ huân tu vô thượng phước điền của Như Lai. “Ca-diếp”, Trung Hoa dịch là “Ám Quang”. Trong Phật pháp có ba ông Ca-diếp đều là bậc Đại nhân, ở trong cái tên đồng nhưng ông là lớn*

hơn hết. Thật hành mười hai hạnh đầu đà khổ hạnh khó làm thì ông Đại-ca-diếp là bậc nhất, nên nêu ông là Đại-ca-diếp. Ông cũng là người được Phật di chúc, phú pháp, truyền y vào núi Kê Túc nhập định. Bà Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang tức là phu nhân của ông Đại-ca-diếp khi còn tại gia.

## ĐOẠN IX

### DO NHÃN CĂN CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông A-na-luật-dà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Khi con mới xuất gia thường ưa ngủ nghỉ, nên Như Lai quả con là loài súc sinh, nghe Phật quả con liền khóc lóc tự trách, thức suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp: “Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam-muội”. Con không do con mắt mà thấy khắp cả mười phương, rộng suốt tinh tường như xem trái cây để trong lòng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con thành quả A-la-hán. Nay Phật hỏi về viên thông, theo chỗ chứng của con, xoay cái thấy trở về bản tính là thứ nhất.

*“Nhạo kiến chiếu minh”, nghĩa là lấy cái*

*kiến tinh ở trong nhãn căn phản quán tự tính mà phát minh được bản tính sáng suốt. “Kim Cang tam-muội”, tức là chỉ cho phát minh được bản tính sáng suốt này. Dứt căn lia trần, cứng chắc, sâu kín, nên chẳng do nhãn căn mà thấy khắp cả mười phương. Lại nói thấy rõ suốt tinh tường, để chỉ rõ công hiệu khi xoay cái thấy trở về bản tính, thì tính thấy tinh tường thấu triệt, không đồng với tu được.*

*“A-na-luật”, Trung Hoa dịch là “Vô bản” (không nghèo); cũng dịch là “Như ý”, là con của vua Bạch Phạn.*

## ĐOẠN X

### DO NHĨ CĂN CHỨNG VIÊN THÔNG

#### Ông Châu-lợi Bàn-đặc-ca

*“Châu-lợi”, Trung Hoa dịch là “Đại lộ biên” (bên đường lớn). Xưa có một người con gái con của ông Trưởng giả theo chồng đến một nước khác, hai lần sinh con trai đều ở một bên đường. Người con lớn là Châu-lợi, dịch là “Đại lộ biên”; người con nhỏ là Bàn-đặc-ca, dịch là “Tiểu lộ biên”. Đây là nói người em mà gồm cả tên người anh; nghĩa là anh em của ông Châu-lợi vậy.*

*Thuở quá khứ ông làm vị đại Pháp sư do bản xên tiếc dấu Phật pháp, nên sau mắc quả báo ngu độn. Bởi ông có căn lành đời trước nên được gặp Phật xuất gia, năm trăm vị Tỳ-kheo đồng dạy ông một quyển kinh, cả chín mươi ngày mà học không thuộc.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Do con thiếu trì tụng, không có tuệ đa văn, ban đầu được gặp Phật nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, song trong một trăm ngày hề nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước. Phật thương xót con ngu muội mới dạy con pháp an cư điều hòa hơi thở ra vào. Khi con quán hơi thở cùng tột các tướng sinh, trụ, di, diệt nhỏ nhiệm từng sát-na; tâm con rộng suốt được đại vô ngại; cho đến hết các lậu thành quả A-la-hán, ở dưới tòa của Phật, được Phật ấn chứng thành quả vô học. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con “xoay hơi thở trở về tính không là bậc nhất”.**

*Điều hòa hơi thở ra vào là phương tiện của Như Lai, khiến cho dứt hết tâm duyên, được không tán loạn, nhiên hậu mới nghiên cứu cùng cực chỗ vi tế, tột các sinh diệt đến*

*một sát-na rất ráo rỗng rang không có chỗ về. Quán trở lại người hay điều hòa hơi thở thì liền đó dứt hết các lậu, không đồng như pháp chỉ quán của Thiên Thai làm thành pháp thật. Ông Trương Vô Tận nghi pháp điều hòa hơi thở nghĩa là các Kinh không có nói mà dám thêm bớt ngữ cú. Thói quen sai lầm rất lớn này gây ra sự chệch lạc cho hàng thức giả, không thể chẳng thận trọng vậy!*

*Hoa Nghiêm luận cho rằng, sát-na là một thời gian rất ngắn, chỉ một niệm suy nghĩ cũng không thể kịp. Một niệm có đủ 99 sát-na, một sát-na có đủ chín mươi chín lần sinh diệt. Do đây mà suy cùng, ngộ biết ngoài một hơi thở, không riêng có một hơi thở có thể được. Chính khi ấy tâm quang tự bày, không do người mà tìm kiếm. Hơi thở thuộc về lỗ mũi. Đây là tỷ căn viên thông vậy.*

## **ĐOẠN XI**

### **DO THIẾT CĂN CHỨNG VIÊN THÔNG**

**Ông Kiều-phạm-bát-đê**

*Trung Hoa dịch là “Ngưu Từ”. Có chỗ nói là lưỡi trâu, do cái lưỡi ông giống như lưỡi trâu,*

*nên có bệnh thường nhai không, sau khi ăn ông thường nhai và chép mãi nên thời nhân gọi ông là “Ngutu Từ”.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con mắc khẩu nghiệp thuở quá khứ, khinh rẻ chế giễu các vị Sa-môn, nên nhiều đời sinh ra có bệnh lưỡi giống như lưỡi trâu. Đức Như Lai dạy con tu pháp môn “Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”. Nhờ đó mà con diệt được phân biệt vào Tam-ma-địa, quán cái biết vị chẳng phải thân thể, chẳng phải ngoại vật, liền đó được vượt khỏi các lậu trong thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài vượt khỏi thế giới. Xa lìa ba cõi, như chim ra khỏi lồng, lìa hết cấu nhiễm tiêu diệt trần tướng, nên pháp nhãn được thanh tịnh, thành quả A-la-hán, đức Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con xoay các vị trở về tính biết, đây là bậc nhất”.**

*Từ lưỡi nếm vị, nhân vị mà ánh ra cái biết, ngộ được cái căn nhận biết này không phải vị trần, chẳng phải thiệt căn, bỗng nhiên một mình siêu thoát nên nói là pháp môn “nhất vị tâm địa”. Bên trong thoát khỏi thân tâm, do đó*

*không phải thân thể, mà cùng tột nơi thân tâm đều thoát; bên ngoài là thế giới; do đó không phải vật mà cùng tột khí thế gian đều là. Như chim ra khỏi lồng, rời cầu nhiệm, tiêu hết trần tướng, cũng tức là ý nói liền đó được siêu vượt. Từ câu: “Như Lai dạy con về sau... đến vào Tam-ma-địa”, đều là nói chỗ chứng được, sau mới chỉ ra quán cái biết vị mà được lậu tận. Ông Trương Vô Tận bèn nói, tỉnh quán tâm địa, in tuồng như có chia ra hai lớp, không hợp với bản căn.*

## ĐOẠN XII

### DO THÂN CĂN CHỨNG VIÊN THÔNG

#### Ông Tất-lãng-già-bà-ta

*Trung Hoa dịch là “Dư Tập”, như gọi thân sông Hằng là đầy tớ nhỏ. Do quá khứ làm Bà-la-môn còn tập khí ngã mạn dư thừa, nhân đây mà đặt tên.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con khi mới phát tâm theo Phật vào đạo thường nghe đức Như Lai dạy về những việc không vui trong thế gian. Lúc đi khát thực trong thành tâm con suy**

**ngĩ pháp môn Phật dạy, giữa đường bất ngờ bị gai độc đâm vào chân, toàn thân đều đau nhức. Con tâm niệm: Con có cái biết, biết được cái đau nhức ấy, tuy biết được cái biết đau nhức, nhưng đồng thời giác biết nơi tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Con lại suy nghĩ: Một thân thể này đâu thể có hai tính biết. Nhiếp niệm chưa bao lâu thân tâm bỗng nhiên không tịch. Trải qua hai mươi mốt ngày các lậu đều sạch hết, thành quả A-la-hán, được Phật ấn chứng lên bậc vô học. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thuần một tính biết rời nơi thân thể là bậc nhất”.**

*Biết được cái cảm giác thân đau nhức, tức là biết được cái cảm giác biết đau nhức; nhưng vì còn ở trong mê, nên chỉ có cảm giác đau nhức, người thường đều có đầy đủ. Nếu biết được cái cảm giác đau nhức, thì cái biết này thanh tịnh không có cái đau nhức, cũng không có cái biết đau nhức. Đây là do mới ngộ năng sở chưa quên, nên phải nhiếp niệm bỗng nhiên rỗng rang mới được thuần giác lìa khỏi thân thể. Chính khi ấy còn là cái cảm giác biết đau, chưa vượt khỏi người thường. Do giác ngộ được cái biết cảm giác đau nhức nhân mê mà khỏi,*



*nếu đã ngộ cái mê thì cái giác cũng không từ đâu có. Chỗ này nếu không phải là kẻ quá lượng thì không dễ gì nói được. Sợ e người nhận lầm tâm tính nơi nhân mê, khó nói cho họ được giải thoát vậy.*

### ĐOẠN XIII

## DO Ý CĂN CHỨNG VIÊN THÔNG

### Ông Tu-bồ-đề

*“Bồ-đề”, Trung Hoa dịch là “Không Sinh”, từ nhiều kiếp đến nay ông chứng được “không tam-muội” do đây mà đặt tên và cũng thường thực hành “Vô tránh tam-muội”, người đều ưa thấy, do ông ưa thích không tịch vậy.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Từ nhiều kiếp đến nay tâm con được vô ngại, tự nhớ thọ sinh nhiều đời như cát sông Hằng. Khi còn trong thai mẹ đã biết tính không tịch, như thế cho đến mười phương đều thành rỗng không và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tính không. Nhờ đức Như Lai chỉ dạy con phát minh được tính giác chân không, tính không được viên mãn sáng suốt chứng quả A-la-hán,**

**liền vào bảo minh không hải của Như Lai, tri kiến đồng như Phật, được Phật ấn chứng cho con thành quả vô học, tính giải thoát rộng không, con là trên hết.**

*“Từ nhiều kiếp đến nay, được tâm vô ngại. Khi còn ở trong thai mẹ đã biết tính không tịch”. Đây là để hiển bày từ không mà thể nhập tính giác, phát minh tính giác, chân không chóng vào “Bảo Minh Không Hải” của Như Lai. Nên biết, tính giác chân không không đồng với hàng Nhị thừa thấy các tính không tịch. Nên nói là được quả A-la-hán liền vào tri kiến của Như Lai. Lại nói: Phật ấn chứng cho con thành quả vô học, quả vô học này chính là chỉ cho Đại thừa, Niết-bàn của Phật cũng được gọi là Tu-đà-hoàn và A-la-hán. Ở đây so với quả vị thứ bậc của hàng Nhị thừa. Nếu gọi là Tu-đà-hoàn vẫn trùng với ý tâm bắt đầu thấy đạo, cùng với Phật không khác.*

**Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, các tướng đều vào tướng phi. Năng phi, sở phi đều hết, xoay pháp trở về không là bậc nhất”.**

*Ngài Trường Thủy nói: “Ban đầu lấy một lớp không, không nơi các tướng, nên gọi rằng*

*các tướng vào phi. Kế lấy hai lớp không, không nơi không tướng, nên gọi rằng năng phi sở phi đều hết, không cũng hết”. Ở đây nói một lớp không là đối với tướng mà nói, nghĩa là cội gốc các tướng nguyên là không. Ở đây nói hai lớp không, là đối với không mà nói, nghĩa là tướng không cũng không, cái không cũng hết tức là cùng tột hai cái không này vậy. Chẳng kết hợp để phát minh tính giác mà trước đã chỉ bày ra, nên ở đây chỉ nói cái “sở chứng”, mà cũng tự nơi đương nhân tự nhận lấy vậy.*

#### ĐOẠN XIV

### DO NHÃN THỨC CHỨNG VIÊN THÔNG

**Ông Xá-lợi-phất** liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Từ nhiều kiếp đến nay tâm thấy của con được thanh tịnh. Tuy con thọ sinh nhiều đời như số cát sông Hằng như vậy mà đối với các pháp biến hóa nơi thế gian và xuất thế gian, một phen thấy liền thông suốt không chướng ngại.

*Tâm thấy được thanh tịnh, đây do nhãn thức sáng suốt bén nhạy phát sinh trí tuệ thế*

*gian. Thấy tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt là cũng từ nơi danh tướng mà nói, chứ chẳng phải chân thật đạt được pháp xuất thế. Xem văn sau, ngộ được tâm không bờ mé mới gọi “kiến đế” (thấy đạo) khả dĩ mới lần chứng.*

**Con ở giữa đường gặp anh em ông Ca-diếp-ba cùng đi và tuyên nói pháp nhân duyên, con ngộ được tâm không bờ mé.**

*Bài kệ nhân duyên nói: “Nhân duyên sinh các pháp, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là nghĩa Trung đạo”. Nếu nhận được nghĩa Trung đạo tức gọi là “kiến đế”. Đây là ngộ được lý nhân duyên có thể ngang hàng với Sơ quả.*

**Con theo Phật xuất gia, chỗ nhận thấy sáng suốt viên mãn, được pháp đại vô úy thành quả A-la-hán, làm trưởng tử của Phật, do miệng Phật mà sinh ra, do pháp của Phật mà hóa sinh. Nay Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì tâm thấy phát sáng, sáng cùng tột các tri kiến, đó là thứ nhất”.**

*Đây là do nhân thức chiếu soi rõ ràng, xoay trở lại bản tính diệu minh mà phát ra tính giác ngộ chân thật, soi sáng cùng tột các tri kiến.*

“Vô úy” tức là bốn pháp vô úy, nghĩa là thấy suốt nguồn gốc của các pháp không còn gì nghi ngờ và sợ sệt. Trí độ là mẹ, từ cảnh mà sinh trí, trí tức là con. Trí tuệ bậc nhất, nên nói là Trưởng tử. Bởi do Như Lai khai thị mà được chứng ngộ, nên nói do miệng Phật mà sinh ra, do pháp của Phật mà hóa sinh.

## ĐOẠN XV

### DO NHĨ THỨC CHỨNG VIÊN THÔNG

#### Bồ-tát Phổ Hiền

Hạnh đây pháp giới gọi là “Phổ”. Quả vị gần tột đến quả Thánh gọi là “Hiền”. Phổ Hiền có ba vị: 1/ Vị tiền: hai vị tư lương và gia hạnh của địa tiền. 2/ Vị đương: tức là Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. 3/ Vị hậu: đã được chứng quả về sau không xả nhân môn, nghĩa là đã thành Phật mà không xả bi nguyện, chỉ vì một việc là cứu giúp chúng sinh như Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm vv...

Ông Lý Trưởng giả nói: “Đức Văn-thù là con trai nhỏ, đức Phổ Hiền là con trai lớn (trưởng tử). Hai vị Thánh hợp chung lại gọi là Phật. Phổ Hiền là Trưởng tử, nghĩa là nương

*nơi căn bản trí mà khởi hạnh, hành sai biệt trí, sửa sang Phật pháp, các Ba-la-mật đều tự tại, thường hành hạnh môn, kiến lập Phật pháp, tiếp nối Phật sự, nên gọi là “Pháp Vương Tử”.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con đã từng làm Pháp Vương Tử của các đức Như Lai như số cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó do con mà đặt tên.**

*Phàm Bồ-tát thừa, ban đầu phát minh căn bản trí xong, liền khởi sai biệt trí, y theo trí mà khởi hạnh, đều nói là “Hạnh nguyện Phổ Hiền”, nên nói “do con mà đặt tên”.*

**Bạch Thế Tôn, con dùng tâm nghe phân biệt những tri kiến của chúng sinh đã có. Nếu ở phương khác cách ngoài thế giới như số cát sông Hằng, có một chúng sinh nào trong tâm phát được hạnh Phổ Hiền, thì liền trong khi ấy con phân thân trăm ngàn, cỡi voi sáu ngàn đến chỗ của người đó. Dầu người ấy nghiệp chướng sâu nặng chưa được thấy con, con cũng thầm kín xoa đánh đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến họ được thành tựu. Nay Phật hỏi**

**về viên thông, con nói chỗ bản nhân của con do tâm nghe phát sáng, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất”.**

*Đây là do từ nhĩ thức xoay cái nghe trở về chân thật để phát minh tâm nghe chân thật chẳng do nhĩ căn và nhĩ thức, tính ấy hay nghe khắp mười phương tất cả chúng sinh có những tri kiến gì và phát hạnh Phổ Hiền. Như tự trong tâm có khởi niệm suy tính, tự khởi tự biết, người ấy tự thấy Phổ Hiền cõi voi sáu ngà, đều đến trước xoa đánh đầu an ủi, nhưng Bồ-tát Phổ Hiền thật chưa từng đến trước người kia, mà người kia tự thấy, ấy là do tâm nghe của Bồ-tát Phổ Hiền cảm đến mà lòng đại bi được thành tựu. Dầu cho người ấy nghiệp chướng sâu dày, không thể một phen được thấy mà vẫn thâm theo căn cơ cảm ứng đã được che chở, nên nói trong một pháp giới không có hai thể và hai dụng vậy.*

## **ĐOẠN XVI**

### **DO TỬ THỨC CHÚNG VIÊN THÔNG**

**Ông Tôn-đà-la Nan-đà**

*“Tôn-đà-la”, Trung Hoa dịch là “Đoan chính”, tên của vợ ông. “Nan-đà”, Trung Hoa*

*dịch là “Hoan Hỷ”, chính là tên ông. Gọi chung cả tên vợ và tên ông là để giảm trách không phải ông Phóng Ngưu Nan-đà, em họ của Phật.*

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con khi mới xuất gia theo Phật vào đạo, tuy giữ đủ giới luật, nhưng lúc tu Tam-ma-địa, tâm thường tán loạn, chưa được quả vô lậu. Đức Thế Tôn dạy con và ông Câu-hy-la quán tướng trắng chót mũi. Khi con bắt đầu tu quán ấy, trải qua hai mươi một ngày thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, thân tâm bên trong sáng soi thông suốt cả thế giới, khắp nơi thành trống không thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tướng khói lần lần tiêu hết, hơi thở hóa thành sắc trắng, đến khi tâm được khai ngộ các lậu hết sạch; các hơi thở ra vào hóa thành hào quang soi khắp mười phương thế giới được quả A-la-hán. Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được quả Bồ-đề. Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp nhiếp thu ý niệm nơi hơi thở, yên lặng lâu ngày phát ra sáng suốt, sáng suốt viên mãn, diệt hết các lậu, đó là thứ nhất”.

*Quán tướng trắng chót mũi là ý bảo buộc tâm lại một chỗ trải qua hai mươi một ngày thân tâm ngưng động lặng lẽ, bên trong phát ra sáng*



suốt viên mãn, bên ngoài rỗng rang thanh tịnh. Nói thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, là căn cứ thời gian thân tâm ngưng động lặng lẽ nên thấy như vậy, không nên lấy đó làm chỗ đắc lực. Bên trong đã sáng suốt, bên ngoài rỗng rang, tâm trí tự phát bỗng nhiên lại được các hơi thở ra vào hóa làm hào quang sáng suốt. Đây là tâm quang đều hiện, chiếu soi khắp cả mười phương, không quan hệ đến hơi thở hóa ra.

Có chỗ nói, hơi thở ra vào như khói tự tiêu, dùng pháp “tiêu tức” (nhiếp thu ý niệm nơi hơi thở) đều do hành giả quán sát càng lâu sức định càng tốt nên chỗ thấy trước và sau đều có khác. Tức như bên trong thấy sáng suốt viên mãn, bên ngoài thấy rỗng rang thanh tịnh hơi thở thành hào quang, hơi thở thành sắc trắng, thấy đều là cảnh giới trong Thiên quán hiện ra. Ý chỉ đó là do tâm khai ngộ mà phát minh, phát minh được viên mãn thì các lậu hết mà thôi.

## ĐOẠN XVII

### DO THIẾT THỨC CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà

**bạch Phật rằng: “Con từ nhiều kiếp đến nay tài biện thuyết được vô ngại, tuyên dương các pháp khổ, không, thấu suốt tướng chân thật.**

*Chúng sinh thấy tất cả pháp là thường. Phật vì hàng Nhị thừa nói là vô thường. Chúng sinh thấy tất cả các pháp có ngã, là lạc, là tịnh. Phật vì hàng Nhị thừa nói là khổ, là không, là vô ngã. Hàng Nhị thừa lấy đó để dẫn đạo chúng sinh. Nên nói tuyên dương các pháp khổ, không, mà thật ra đối với lý vô thường, khổ, không, vô ngã, đã thâm ý chỉ ra thường, lạc, ngã, tịnh. Ấy là thấu suốt được tướng chân thật, chứ không phải nói ngoài cái khổ, không vv... lại có tướng chân thật. Ở đây ông Mãn Từ bên trong ẩn dấu (ẩn đại hiện tiểu) để làm trợ duyên cho Phật giáo hóa, chẳng phải tự mới ngày nay.*

**Như thế cho đến các pháp môn bí mật của hàng sa các đức Như Lai, con ở trong chúng khéo léo chỉ bày không chút sợ sệt. Đức Thế Tôn biết con có tài biện thuyết lớn lao nên dùng pháp luân âm thanh dạy con tuyên dương chính pháp. Con ở trước Phật, giúp Phật chuyển pháp luân. Nhân tiếng sư tử rống mà thành quả A-la-hán. Đức Thế Tôn**

**ấn chứng cho con nói pháp hơn cả. Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, đó là thứ nhất”.**

*Pháp vốn thường mà nói là vô thường, để hiển bày lý chân thường. Pháp vốn lạc, mà nói là khổ để hiển bày lý chân lạc. Đây là pháp môn bí mật, khéo dùng phương tiện chỉ bày vậy.*

*Dùng pháp Đại thừa, quyền, thật, khai giá tùy ý tuyên nói, tất cả tà ma, ngoại đạo không được dịp tiện lợi. Đây là hàng phục pháp hữu lậu nên không mắc những lầm; ấy là tiêu diệt đều căn cứ trên tài biện thuyết phương tiện mà thấy không ngoài chỗ viên thông vậy.*

### **ĐOẠN XVIII**

## **DO THÂN THỨC CHỨNG VIÊN THÔNG**

**Ông Ưu-ba-ly liên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Chính con được theo Phật vượt thành xuất gia, xem thấy Như Lai sáu năm siêng tu khổ hạnh, thấy đức Như Lai hàng phục các bọn tà ma, đối trị các ngoại đạo, giải thoát các lậu tham dục trong thế gian. Con được nhờ Phật**

dạy giữ giới như thế cho đến ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, tính nghiệp, giá nghiệp thấy đều thanh tịnh. Do đó thân tâm được tịch diệt thành quả A-la-hán; nay con làm người cương kỷ trong chúng của Như Lai, Phật ấn chứng cho con giữ giới tu thân hơn cả trong chúng.

*“Uu-ba-ly”, Trung Hoa dịch là “Cận chấp”. Chính khi đức Như Lai còn làm Thái tử, ông là vị cận thân gần gũi hầu hạ Thái tử nên mới nói là người gần gũi hầu hạ. Chính ông được thấy Như Lai xuất gia, siêng tu khổ hạnh, hàng phục các bọn tà ma, đối trị các ngoại đạo giải thoát các lậu vu... cho đến Phật dạy giữ giới. Đó là để thấy ông là bậc thượng thủ trước nhất trong hàng đệ tử của Phật.*

*Trong hai trăm năm mươi giới, mỗi giới đều có bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi hợp lại thành một nghìn, đối với tam tụ, thành ba ngàn, lại lấy ba ngàn phối hợp với thân (có ba), khẩu (có bốn), thất chi thành hai muôn một ngàn, lại phối hợp với bốn phần phiền não thành tám muôn bốn ngàn (84.000) tế hạnh. “Tam tụ”, nghĩa là nhiếp thiện pháp giới, nhiếp luật nghi giới, nhiếp chúng sinh giới. “Tứ phần phiền*

não”, nghĩa là đa tham, đa sân, đa si và đẳng phân. “Tĩnh nghiệp”, Tĩnh là thể tính, nghĩa là giới của tính. Thể tính vốn ác, như sát sinh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ, phạm tức là thành nghiệp, không đồng với “giá nghiệp” thể tính không phải ác. Vì vâng lời Phật chế để ngăn phiền não không cho phát sinh, như giới cấm uống rượu vv... vì hay mở các cửa ác. Do nhớ giữ gìn giới của Phật, nên thân được tịch diệt, do thân tịch diệt, nên tâm cũng tịch diệt. Thân tâm tịch diệt thì không tuệ phát sinh. Do đó mà nói “Phật ấn chứng tâm con”. Nên biết, thân tâm tịch diệt thì tính giác ngộ thanh tịnh hiện tiền. Tính giác ngộ thanh tịnh hiện tiền này là tâm chân thật thường trụ của Phật sở ấn vậy.

**Nay Phật hỏi về viên thông, con do gìn giữ nơi thân mà thân được tự tại, kế gìn giữ nơi tâm mà tâm được thông suốt, về sau thân tâm tất cả đều thông suốt, đó là thứ nhất”.**

Do giữ gìn thân mà nói là thân tự tại; do giữ gìn tâm mà nói là tâm thông suốt. Đây là do ngộ được tính bản nhiên là yên lặng viên mãn, nên hay khiến cho thân tâm trong sạch như hoa sen, tùy thuận theo thế gian khéo vào nơi không tịch vậy.

DO Ý THỨC CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông Đại Mục-kiền-liên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Lúc trước con khát thực giữa đường, gặp ba anh em ông Ca-diếp-ba là ông Ưu-lâu-tần-loa, ông Già-gia, ông Na-đề giảng nói nghĩa lý nhân duyên sâu xa của Như Lai, con liền phát tâm được thông suốt. Đức Như Lai ban cho con áo Ca-sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng.

*“Mục-kiền-liên”, lẽ ra phải nói: “Mục-kiền-liên Câu-luật-đà”. “Mục-kiền-liên”, Trung Hoa dịch là “Thái Thúc Thị”, là họ. “Câu-luật-đà”, Trung Hoa dịch là “Vô Tiếc Thọ”, là tên. “Ưu-lâu-tần-loa”, Trung Hoa dịch là “Mộc Qua Lâm”, cũng dịch là “Mộc Qua Lung”, trên ngực có cục bướu hình dáng như trái mộc qua. “Già-gia” Trung Hoa dịch là “Thành”. “Na-đề”, Trung Hoa dịch là “Giang”. Đây là ba anh em ông Ca-diếp, giảng nói lý nhân duyên đồng với nghĩa của ngài Xá-lợi-phát nói.*

*Về Viên giác kh: phát ra thần thông đều y*

nơi thật tướng, không do hai tướng. Thấy cỡi nước của chư Phật từ chân mà ứng hiện ra, không động mé chân mà biến khắp mười pháp giới, nên sự phát tâm ấy được rất thông suốt này, tức là thông suốt thật tướng. Phát minh lý nhân duyên như huyền thì tâm phân biệt dừng trụ, tự đến thật tướng.

Luận Trí Độ nói: “Ông Xá-lợi-phất và ông Mục-kiền-liên đều đến chỗ Phật. Từ xa Phật thấy hai người liền bảo các Tỳ-kheo: “Đây là hai người trong hàng đệ tử của tôi. Một người có trí tuệ bậc nhất, một người có thần thông bậc nhất”. Phật nói: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Liền khi ấy râu tóc hai người tự rụng, thân mặc áo pháp, y bát đầy đủ, giới được thành tựu.

**Con đi khắp mười phương được không ngăn ngại, phát sáng thần thông, được trong chúng suy tôn là vô thượng, thành quả A-la-hán. Không những riêng đức Thế Tôn, mà mười phương Như Lai đều khen sức thần thông của con thanh tịnh tròn sáng tự tại không sợ sệt.**

Đây là nương nơi thật tướng, từ thật tướng mà khởi diệu dụng được không ngăn ngại, nên

hay xa khắp mười phương. “Mười phương Như Lai ngợi khen sức thần thông của con”, là ngài Mục-kiền-liên muốn biết âm thanh của Như Lai, nên bay đi xa gần qua phương Tây cách những cõi nước như số cát sông Hằng. Chúng sinh nơi cõi nước ấy thân thể cao lớn nên khinh chê thân Ngài nhỏ bé, họ bảo (ngài Mục-kiền-liên) là con sâu đầu người. Đức Phật ở cõi kia bèn nói: “Đây là đệ tử thần thông đệ nhất của đức Thích-ca Thế tôn, vì ở phương Đông cách đây không lường cõi Phật, tìm âm thanh đến đây, các người chớ nên khinh chê”.

**Nay Phật hỏi về viên thông, do con xoay ý niệm trở về với tính yên lặng, nên tâm tính phát ra sáng suốt, như lóng nước đục, lóng càng lâu nước càng trong sáng, đó là thứ nhất.**

“Xoay ý niệm trở về với tính yên lặng”, nghĩa là xoay ý thức trở về với “Tính viên trạch” (tính. lặng lẽ tròn sáng). Từ tâm lặng lẽ tròn sáng nhiệm màu ấy phát ra các thần thông và diệu dụng. Nên nói như lóng nước đục, lóng lâu nước càng trong sáng. Xoay tâm trở về tính viên trạch như lóng nước đục, khi nước đục hoàn toàn trong thì tâm sáng suốt tự phát sinh vậy.



## ĐOẠN XX

### DO HỎA ĐẠI CHÚNG VIÊN THÔNG

**Ông Ô-xô-sất-ma**

*Trung Hoa dịch là “Hỏa Đầu”, ông quán tính lửa ngộ đạo, nhân đó mà đặt tên. Do Hỏa Đầu Kim Cang thị hiện thân chấp Kim Cang để làm kẻ tùy tùng ủng hộ và giữ gìn Phật pháp, nên không lập bản tòa.*

đôi trước đức Như Lai, chấp tay đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con thường nhớ trước kia trong kiếp xa xôi tính có nhiều tham dục. Lúc ấy có đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, bảo người nhiều dâm dục thành như đồng lửa hừng và dạy con quán khắp những hơi nóng lạnh nơi trăm vóc tứ chi. Con nhờ quán như vậy mà thần quang bên trong lặng đứng, hóa tâm da dâm thành lửa trí tuệ. Từ đó chư Phật đều gọi con tên là Hỏa Đầu, con dùng sức hỏa quang tam-muội thành quả A-la-hán. Trong tâm phát đại nguyện, khi các đức Phật thành đạo, con làm lực sĩ gần gũi bên Phật hàng phục bọn tà ma không cho khuấy phá.

*Trăm vóc, tứ chi thuộc về địa đại, lạnh*

*thuộc về thủy đại, nóng thuộc về hỏa đại, hơi thuộc về phong đại. Khắp xem tứ đại không có chủ thể, chỉ có một “vọng tưởng”, vọng tưởng không chỗ gá, thần tự ngưng lặng; thần đã ngưng lặng, thì trí tuệ sáng suốt đều hiện. Đây là hỏa quang tam-muội vậy.*

**Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán các hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Các lậu đã tiêu, sinh ra ngọn lửa đại trí quý báu lên bậc Vô Thượng Giác, đó là thứ nhất”.**

*Trên là quán chung về tứ đại, ở đây riêng quán các hơi ấm nơi thân tâm. Tính dâm dục thuộc về lửa, tập khí xưa rất nặng, nên phải gia công nghiên cứu cho cùng tột, nó không có tự tính thì lửa dâm trong tâm tự hết; hết tức là lửa trí tuệ liền sinh. Nên nói: “Tính lửa là chân không, tính không là chân lửa lưu thông không ngăn ngại”, nói ngọn lửa trí tuệ, thể nó trùm khắp, chứ không phải các hơi ấm nơi thân vậy.*

## ĐOẠN XXI

### DO ĐỊA ĐẠI CHÚNG VIÊN THÔNG

**Ngài Trì Địa Bồ-tát**

*Ngài Giao Quang nói: Trước khi muốn*

*đất bên ngoài bằng phẳng, là nhân liễu đạt được đất tâm, rồi theo đó mà giữ gìn cái bản ngộ, mà chứng ngộ viên mãn tạng tâm, nên gọi là Trì Địa.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con nhớ kiếp xưa, khi đức Phổ Quang Như Lai ra đời, con làm Tỳ-kheo thường ở nơi các nẻo đường trọng yếu, bến đò, đất đai hiểm trở eo hẹp không được như ý, có thể làm hại đến xe ngựa, con đều đắp bằng, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát. Siêng năng khổ nhọc như vậy, trải qua không lường đức Phật ra đời. Hoặc có chúng sinh ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật, trước tiên con mang hộ đến nơi đến chốn, để đồ vật xuống liền đi, chẳng nhận thù lao. Cho đến khi Phật Tỳ-xá-phù ra đời, người đời phần nhiều bị nghèo đói, con cũng giúp người không kể xa gần, chỉ lấy một tiền, hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên cho khỏi khổ não.**

*Về trước đều chỉ ra nhân đời trước, thân siêng năng cứu giúp loài vật, tuy chưa được ngộ đã thấy Bồ-tát xả mình lợi người, dùng thân tâm này hồi hướng Bồ-đề, không nhận phước điền nên có ý phát minh ở văn sau.*

“Tỳ-xá-phù”, Trung Hoa dịch là “Biển Nhất Thiết Tự Tại”. Tường chợ gọi là “hoàn”, cửa chợ gọi là “hội”.

Vị Vua trong nước thuở ấy thiết trai cúng Phật con liền sửa sang đường đất bằng phẳng chờ Phật đi qua. Đức Tỳ-xá-phù Như Lai xoa đánh đầu con mà bảo rằng: “Nên bình đất tâm thì tất cả đất ngoài thế giới đều bình” con liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân thể và tất cả vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai khác, tự tính của vi trần không chạm xúc lẫn nhau, cho đến những việc đao binh cũng không đụng chạm gì. Con do nơi pháp tính ngộ vô sinh pháp nhân thành quả A-la-hán, xoay tâm về Đại thừa nên hiện nay ở trong hàng Bồ-tát. Khi nghe đức Như Lai dạy về chỗ tri kiến của Phật như Diệu Liên Hoa thì tỏ chứng đầu tiên làm thượng thủ.

*Đây là chỉ ra nguyên do chứng ngộ. Do sửa sang đất ngoài bằng phẳng, nên ngộ được đất tâm bằng phẳng. Thấy những vi trần trong thân ngoài cảnh đều không tự tính, chỉ có nhất tâm, nên nói đất tâm bằng phẳng, thì tất cả thế giới đều bằng phẳng. Chúng sinh do mê nên bị*

tứ đại làm ngăn ngại, bên trong thấy có năng tạo, bên ngoài thấy có sở tạo, tất cả sự thông bát, lạnh nóng, động lay, các thứ đều phát huy lẫn nhau nhiều loạn. Ngộ tất cả pháp đều do tâm hiện, cái thấy mất, phân biệt tiêu, thì các pháp vốn yên lặng, pháp tính tự viên mãn. Kinh Pháp Hoa gọi là “Tri kiến Phật”. “Diệu Liên Hoa” tức là để thí dụ nghĩa ấy, vốn nơi pháp tính ngộ vô sinh nhĩn. Lại nói: Xoay tâm về Đại thừa, nên hiện nay vào trong hàng Bồ-tát. Đây là đương thời quyền hiện bày nay mới thật Bồ-tát, lại không có sáu cạn vậy.

**Nay Phật hỏi về viên thông, con do quán kỹ hai thứ vi trần nơi căn thân và thế giới đều bình đẳng không sai khác, vốn là Như lai tạng, giả dối phát sinh ra trần tướng, trần tướng tiêu thì trí tuệ được viên mãn thành đạo Vô thượng, đó là thứ nhất.**

*Hai thứ trần tướng nơi thân căn và thế giới vốn là Như lai tạng. Đây là ngộ tất cả các pháp chỉ do tâm hiện. Đã do tâm hiện, thì tất cả các pháp vốn không tự tính, mà gốc từ tính giác minh bị vọng. Biết vọng không có nguyên nhân, thì tính giác vốn là nhiệm mẫu vậy.*

## ĐOẠN XXII

### DO THỦY ĐẠI CHỨNG VIÊN THÔNG

#### Ngài Nguyệt Quang Đồng Tử

Ngài Trường Thủy nói: “Mặt trăng là Thái âm hay sinh ra nước. Cùng với chỗ được gặp Phật đều do huân tập mà đặt tên. “Đồng Tử” là tên riêng của Bồ-tát, tiêu biểu cho đức hạnh đồng chân vậy”.

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con nhớ kiếp xưa như số cát sông Hằng, có đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên; dạy chư Bồ-tát tu tập quán nước để vào Tam-ma-địa. Quán tính nước trong thân không ngăn ngại lẫn nhau. Quán từ nước mũi, nước bọt cho đến tất cả các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, tiểu tiện, xoay vần trong thân đồng là một tính nước. Quán thấy nước trong thân và nước các bể hương thủy của cõi Phù Tràng Vương ở ngoài thế giới đều bình đẳng nhau không sai khác.

So sánh với kinh Hoa Nghiêm, trong biển hoa tàng có hoa sen lớn. Trong hoa sen ấy có các biển Hương thủy, mỗi biển Hương thủy là một thế giới chủng cõi nước của chư Phật. Hoa

*tàng thế giới ở trong biển Hương thủy, nên nói là “cõi Phù Tràng Vương”. Hai mươi lớp Hoa tàng chồng cao như cây cột cờ, rất rộng lớn nên gọi là Vương.*

**Khi ấy con mới thành tựu được pháp quán này, chỉ thấy nước mà chưa được không có thân. Chính khi làm Tỳ-kheo tọa thiền trong thất, con có đứa đệ tử nhỏ dòm cửa sổ nhìn vào trong thất chỉ thấy nước trong đầy khắp trong thất, không thấy vật gì khác. Nó nhỏ dại không biết, bèn lấy một miếng ngói ném vào trong nước, đập vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định liền cảm giác bị đau tim, như ngài Xá-lợi-phất bị con quỷ vi hại đập.**

*Kinh Tăng Nhất A hàm nói: “Ngài Xá-lợi-phất khi còn ở trong núi Kỳ-xà-quật nhập Kim Cang tam-muội, có hai con quỷ từ hư không đến chỗ ông nhập định. Quỷ Già-la nói với quỷ kia rằng: “Nay tôi lấy nắm tay đánh trên đầu ông Sa-môn này”. Quỷ Ưu-bà-già-la nói với con quỷ kia: “Ông không nên khởi nghĩ ý đó”. Lại ba lần can gián, nhưng quỷ kia không chịu nghe. Con quỷ lành bèn bỏ đi. Con quỷ dữ ác liền đánh trên đầu ông Xá-lợi-phất.*

Sau khi xuất định ngài Xá-lợi-phất đến bạch Phật rằng: “Thân thể con không bệnh hoạn, chỉ có cái khổ là bị nhức đầu”. Đức Thế Tôn bảo: “Có con quỷ Già-la lấy tay đánh trên đầu ông. Quỷ ấy có sức rất mạnh nếu nó lấy tay đánh vào núi Tu-di, núi sẽ nứt làm hai. Nay quỷ kia đã mắc tội báo toàn thân đọa vào địa ngục A-tỳ! Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỷ-kheo rằng: “Rất lạ thay! Rất đặc biệt thay! Do sức định Kim Cang mới được như thế ấy. Chính khiến cho núi Tu-di còn bị nứt, nhưng đánh trên đầu không động một mảy lông (tóc). Quỷ đánh trên đầu cũng có tên là “Phục hại”.

Con tự suy nghĩ, nay mình đã được đạo A-la-hán, từ lâu không còn nhân duyên mắc bệnh được nữa, làm sao ngày nay lại sinh ra đau tim, không lẽ đã bị thối thất chăng. Khi ấy đệ tử của con đi đến kể lại cho con những việc như trước, con bảo nó sau này nếu thấy nước thì nên mở cửa vào phòng lấy miếng ngói trong nước ấy đi. Đệ tử vâng lời con bảo. Sau khi con nhập định, nó lại thấy nước và miếng ngói rõ ràng, nó liền mở cửa lấy miếng ngói bỏ ra. Sau khi xuất định thân thể trở lại như cũ.



**Con đã gặp không lường chư Phật cho đến đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con mới được không thân và cùng các biển Hương thủy trong mười phương thế giới các tính hợp với chân không, không hai không khác. Hiện nay ở nơi đức Như Lai con được tên là Đồng Chân, được dự vào hội của các vị Bồ-tát. Nay Phật hỏi về viên thông, con do quán tính nước một mực lưu thông được pháp vô sinh nhẫn, viên mãn đạo Bồ-đề, đó là thứ nhất”.**

*Chứng được tự tính chân thật thì tính nước là chân không, tính không là chân thật nước. Nước đã như thế, bảy đại cũng vậy. Trong tính chân không tất cả đều là chân, tất cả đều là không. Ném miếng ngói mà tim bị đau là thân vẫn chưa quên, pháp cũng vẫn còn. Dùng tâm nhập định, phi tâm tức là định; dùng tâm quán nước, chẳng phải nước tức là tâm. Cùng với nước biển Hương thủy trong mười phương không hai không khác, tùy chỗ hiện đó lại không có trước sau xuất nhập. Nghĩa là nước và tính một mực lưu thông vậy.*

*Nên biết quả vô học của hàng Nhị thừa chứng được nhân không, còn chưa quên pháp chấp. Tôi cho là pháp đã chưa quên, thì nhân*

*không cũng chưa viên mãn cùng tột; kinh Pháp Hoa gọi là Hóa Thành. Lại nói, chỉ có một thừa không có hai và ba vậy.*

### ĐOẠN XXIII

## DO PHONG ĐẠI CHỨNG VIÊN THÔNG

**Ngài-lưu-ly-quang-pháp-vương-tử**

*Ngài Trường Thủy nói: “Nói đủ là Phệ-lưu-ly”, Trung Hoa dịch là “Viễn Sơn Bảo” do quán sức gió nơi thân tâm chuyển động, quán thành được dụng thân tâm rộng suốt như ngọc lưu ly, nên lấy đó mà đặt tên vậy”.*

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con nhớ thuở xưa trải qua hàng sa kiếp có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, khai thị tính bản giác diệu minh cho các hàng Bồ-tát và dạy quán thế giới cùng thân chúng sinh này, đều do sức lay động của vọng duyên chuyển biến ra, khi ấy con quán cái không gian an lập, quán thời gian thiên lưu, quán thân thể khi động khi yên, quán thức tâm động niệm; tất cả cái lay động đều như như bình đẳng không sai khác. Khi ấy con giác ngộ các thứ động ấy đều

không do đâu, đi không tới đâu; tất cả chúng sinh diên đảo như số vi trần trong mười phương đều đồng một hư vọng. Như thế cho đến tất cả chúng sinh trong một tam thiên đại thiên thế giới cũng như hàng trăm loài muỗi mòng đung trong một cái đồ đựng, vo vo kêu loạn ở trong gang tấc ồn ào rối rít.

“Giới” là phương hướng vị trí (không gian) nên gọi là “an lập”. “Thế” là đổi dời (thời gian), nên gọi là “khi động”, tức là quá khứ, hiện tại và vị lai. “Khi động khi yên” nghĩa là bốn oai nghi. “Động niệm” nghĩa là sinh diệt. “Khai thị bản giác”, bèn dạy quán thế giới chúng sinh, chính khiến cho đương nhân đạt được căn thân khi giới hiện tiền này đều là vọng duyên vốn không thật có, thì bản giác tự nhiên xuất hiện. Nên hiểu rõ các tính động này, không đi không đến, ngay đó là hư vọng. Chúng sinh trong sa giới như loài muỗi ở trong cái đồ đựng luống tự cuồng loạn ồn ào. Có thể gọi là thâm đạt các pháp vô sinh, chỉ một phen quay lại thân chứng thì mình và chư Phật trong mười phương đồng là một tính vắng lặng viên mãn vậy.

**Con gặp Phật chưa bao lâu, được pháp vô sinh nhãn. Bây giờ tâm con khai mở mới**

thấy cỡi Phật bất động, làm vị Pháp Vương Tử, phụng thờ chư Phật trong mười phương, thân tâm phát sáng, thấu suốt không ngăn ngại. Nay Phật hỏi về viên thông, con dùng trí quán sát sức lay động không chỗ nương, ngộ được tâm Bồ-đề, vào Tam-ma-địa, hợp với một diệu tâm mà mười phương chư Phật truyền dạy đó là thứ nhất”.

*Câu “Bây giờ tâm con khai mở”, tức là thân chứng bản giác, không bị sức lay động làm lay chuyển. Mê vọng không chủ thể, tùy duyên trôi nổi, gọi là sức lay động cùng với phong đại bên ngoài đồng một thể vọng; gió dừng sóng lặng, biển giác lặng yên, tức là trên kế hợp với chư Phật, dưới giáo hóa chúng sinh không phải hai thứ Diệu tâm, chỉ tranh nhau mê và ngộ vậy.*

#### ĐOẠN XXIV

### DO KHÔNG ĐẠI CHỨNG VIÊN THÔNG

**Ngài Hư Không Tạng Bồ-tát**

*Ngài Thanh Lương nói: “Không ngại trụ nơi bố thí, đồng như hư không tức là Bồ-tát Kim Cang Bảo, cũng là tên khác của Bồ-tát Hư Không Tạng”*

Bộ Tông Cảnh nói: “Trong hội đại tập khi Bồ-tát Hư Không Tạng đến, thuần hiện tướng hư không bảo ngài A-nan rằng: “Tôi dùng tự thân chứng biết, thế nên như chỗ chứng biết hay nói như vậy. Vì sao? Vì thân tôi tức là hư không, lấy hư không mà chứng biết tất cả pháp, vì hư không là năng ấn mà ấn đó”. Khi ấy, năm trăm vị Đại Thanh văn đều tự lấy y Uất-đà-la-tăng đang mặc dâng cúng Bồ-tát Hư Không Tạng. Dâng cúng Thượng Y xong, liền đồng thanh nói rằng: “Nếu có chúng sinh phát tâm Bồ-đề sâu xa chóng được lợi ích lớn. Ở trong pháp tạng trí lớn như thế chẳng rơi vào ngoại đạo. Các y trên liền đó biến mất. Các vị Thanh văn hỏi: “Y đến chỗ nào?”. Hư Không Tạng đáp: “Vào trong kho của tôi”. Lại nữa Bồ-tát Hư Không, lấy hư không làm kho tàng, mưa rưới các thứ bảo vật, y phục, ẩm thực khắp cả mười phương không lường A Tăng Kỳ thế giới, nên có kệ rằng:

Hư không không phải cao,  
Nên cũng chẳng phải thấp,  
Các pháp cũng như vậy,  
Tính ấy không cao thấp.  
(Hư không vô cao cố  
Hạ diệt bất khả đắc

*Chư pháp diệt như thị*

*Kỳ tính vô cao hạ.)*

*Bồ-tát Hư Không Tạng, được kho tàng như hư không làm no ấm đầy đủ cho các loài hữu tình, cái biết này cũng vô cùng tận.*

liên từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con cùng đức Như Lai đến chỗ Phật Định Quang, chứng được thân vô biên. Khi ấy tay con cầm bốn hạt châu báu lớn, chiếu sáng các cõi Phật trong mười phương như số vi trần hóa thành hư không. Lại ở nơi tự tâm hiện ra trí đại viên kính, trong ấy phóng ra mười thứ hào quang vi diệu quý báu soi khắp các cõi Phù Tràng Vương cùng tột hư không trong mười phương đều vào trong viên kính ấy, nhập với thân con, và thân con đồng với hư không, không ngăn ngại lẫn nhau. Thân con lại khéo vào các cõi nước như vi trần rộng làm các Phật sự được đại tùy thuận.

*Định Quang tức là Phật Nhiên Đăng. Ngài Cô Sơn nói: “Pháp thân như hư không, khắp tất cả chỗ ấy gọi là vô biên”. Ở đây do ngộ sâu pháp thân đồng ở nơi sắc và tâm như lưới châu của trời Đế Thích giao xen lẫn nhau. Hạt*

châu là tiêu biểu cho sắc mà hay chiếu sáng mười phương vi trần cõi Phật. “Hóa thành hư không” nghĩa là toàn thể sắc tức là tâm, không phân chủ bạn. “Kính” là tiêu biểu cho tâm mà hay soi khắp cõi Phật Tràn Vương. “Lại hiện vào trong viên kính ấy và nhập vào thân con”, nghĩa là toàn tâm là sắc mà chẳng rời bản tế. Đây là do thần lực tiêu biểu cho pháp, nhiên hậu mới thật chỉ thân hay khéo vào vi trần cõi nước rộng làm Phật sự được đại tùy thuận. Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng:

*Thân Phật đầy khắp trong pháp giới,  
Khắp hiện tất cả trước quần sinh.  
Tùy duyên cảm ứng đều hiện đủ,  
Mà thường ở nơi tòa Bồ-đề.  
(Phật thân sung mãn ư pháp giới,  
Phổ hiện nhất thiết quần sinh tiền.  
Tùy duyên phó cảm mị bất châu,  
Nhi hằng xử thủ Bồ-đề tọa).*

Tòa Bồ-đề đó thường ứng hiện mười phương mà chưa hề lay động.

**Thần lực lớn đó là do con quán kỹ tứ đại không chỗ nương, do vọng tưởng mà có sinh**

diệt, hư không không có hai, và cõi Phật vốn đồng, do phát minh được tính đồng mà chứng được vô sinh nhẫn. Nay Phật hỏi về viên thông, do con quán xét hư không không bờ bến, vào Tam-ma-địa, sức nhiệm mầu được viên mãn sáng suốt, đó là thứ nhất”.

*Tứ đại chúng do vọng tưởng sinh, vọng tưởng không thật tính, chỉ do tâm biến hiện. Một phen ngộ được lý duy tâm thì tứ đại sắc không vốn không phải vật khác. Nên nói nếu đồng phát minh, đây tức vào Tam-ma-địa; được Đại Tổng Trì viên mãn sáng suốt trùm khắp vậy.*

## ĐOẠN XXV

### DO THỨC ĐẠI CHỨNG VIÊN THÔNG

**Ngài Di-lặc Bồ-tát**

*Di-lặc, nói đủ là “Mai-đát-lợi-duệ-na”, Trung Hoa dịch là “Tỳ Thi”. Kinh Pháp Hoa phẩm Tựa nói: “Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người đệ tử đều học với Ngài Diệu Quang, vị rốt sau thành Phật hiệu là “Nhiên Đăng”. Trong tám trăm người đệ tử của Ngài có một người tên là “Cầu Danh”, tham ưa lợi dưỡng, tuy có đọc tụng các kinh mà không*



*thông thuộc, phần nhiều hay thiếu sót, nên gọi là Cầu Danh. Trong bài kệ nói: “Diệu Quang Pháp sư ấy có một người đệ tử, tâm thường hay giải đãi, tham đắm nơi danh lợi, cầu danh lợi không chán, hay đến nhà sang quý, bỏ các việc tụng tập lãng quên không thông suốt. Do bởi nhân duyên ấy nên gọi là Cầu Danh. Ông cũng hành các nghiệp lành, được thấy vô số Phật, cúng dường các đức Phật, tùy thuận hành Đại Đạo đủ sáu pháp Ba-la-mật. Nay thấy đức Thích Tôn, sau ông sẽ thành Phật, được hiệu là “Di-lặc”, rộng độ các chúng sinh, số ấy không thể lường”.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Con nhớ trải qua vi trần kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Con được theo đức Phật kia xuất gia, nhưng tâm nặng về danh lợi ở thế gian, ưa giao du với các người quyền quý. Lúc ấy đức Thế Tôn dạy con tu tập “Định Duy Tâm Thức”, con được vào Tam-ma-địa. Trải qua nhiều kiếp đến nay, do pháp Tam-muội này mà phụng thờ hàng sa chư Phật. Tâm cầu danh lợi thế gian đã diệt hết không còn.**

*Tất cả muôn pháp đều do nội thức biến ra, in tuồng như trước mắt. Thức cũng hư vọng, chỉ là nhất tâm. Một Như-lai-tạng tâm này, tức là Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, là Đại Tổng Trì hay thu nhiếp tất cả các Tam-muội, tiêu diệt tất cả hư vọng như nước nóng làm cho băng tiêu. Nên gọi là tâm cầu hư danh trong thế gian diệt hết không còn. Đây chính là căn bản đại trí, sau đều là do sai biệt trí mà được thành tựu.*

**Đến khi đức Phật Nhiên Đăng ra đời, con mới thành tựu được chính định Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm cho đến tất cả cõi nước Như Lai nào tịnh, uế, có không tột bờ mé hư không, đều do tâm con biến hóa hiện ra.**

*Đây là do trí sai biệt mà viên mãn, gồm các việc như sạch, có không, diệt các thứ phân biệt được đại tùy thuận. Nên nói là: “Chính định Vô thượng Diệu viên thức tâm”. Thức tâm này là chỉ cho chân duy thức, vào tính chân duy thức thì tự thành Chính Định.*

**Bạch Thế Tôn, do con rõ được duy tâm thức như thế, nên nơi thức tính lưu xuất vô**

**lượng Như Lai, và hiện nay con được Phật thọ ký, sau đây sẽ Bồ xứ thành Phật nơi cõi này.**

*Trước hợp các việc như sạch, có không đồng là tính Diệu viên. Ở đây từ tính Diệu viên lưu xuất tất cả các đức Như Lai đồng một tính giác minh sinh khởi; thế giới chúng sinh lẫn nhau kiến lập, mê ngộ tự phân, ngộ mê không khác vậy.*

**Nay Phật hỏi về viên thông, con do quán sát mười phương đều duy thức, thức tâm được viên mãn sáng suốt, chứng nhập tính “viên thành thật” xa lìa tính “y tha khởi” và tính “biến kế chấp” được pháp vô sinh nhẫn, đó là thứ nhất”.**

*Quan sát kỹ mười phương đều duy thức, nghĩa là các tướng trong mười phương đều do nơi nội thức biến hiện. Nhân tướng mà đạt tính, tính vốn viên minh, chứng vào tính viên mãn sáng suốt thì tất cả danh tướng nhân duyên rõ ràng không thể có, là lìa “tính y tha khởi”. Chứng vào tính viên mãn sáng suốt, thì tất cả ngã, pháp phân biệt nói năng đều hết, là được “tính biến kế chấp”, cả hai đều xa lìa, chỉ một tính viên thành bảo giác, ấy gọi là pháp vô sinh nhẫn.*

## ĐOẠN XXVI

### DO KIẾN ĐẠI CHỨNG VIÊN THÔNG

**Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử**

*Kinh Pháp Hoa Văn Cú nói: “Đại Thế Chí là người có thế lực lớn”. Kinh Tư Ích nói: “Chỗ tôi bước chân, chấn động ba ngàn Đại thiên thế giới, và các cung điện của Ma, nên gọi là Đại Thế Chí”. Trong Quán Kinh nói: “Dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho xa rời nơi tam đồ, được sức vô thượng. Thế nên Bồ-tát ấy hiệu là Đại Thế Chí”.*

Cùng với năm mươi hai vị Bồ-tát đồng tu một pháp môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật và bạch Phật rằng: “Con nhớ hàng sa kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy mười hai đức Như Lai tiếp tục ra đời trong một kiếp. Đức Phật rốt sau hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang.

Đức Phật kia dạy con tu pháp: “Niệm Phật tam-muội”. Thí như có hai người, một đàng chuyên nhớ, một đàng chuyên quên, thì hai người ấy dù gặp cũng là không gặp, dù thấy cũng là không thấy.

*Chuyên nhớ, dụ như Phật nhớ chúng sinh.*

*Chuyên quên, dụ như chúng sinh không nhớ Phật. “Dù gặp cũng không gặp, dù thấy cũng không thấy” nghĩa là người ấy ở nơi Phật mà nhất định không gặp Phật; còn nói dù có gặp Phật, bởi do Phật thường nhớ chúng sinh vậy.*

**Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ khắc sâu vào tâm niệm, thì đồng nhau như hình với bóng, cho đến từ đời nay sang đời khác, không bao giờ cách xa nhau.**

*“Đồng như hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau”, do thấy chúng sinh và Phật đồng nguồn, tuy nhớ nghĩ có xa cách mà niệm tướng vẫn thông lưu, khí phần tự hợp.*

**Mười phương Như Lai thương tưởng chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn tránh thì tuy có nhớ nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, tưởng Phật, thì hiện nay hoặc về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa thì không cần phương tiện, tự tâm được khai ngộ”.**

*Tâm ngộ, tâm mê cũng như mẹ với con. Bản ngộ (tính sẵn có) như mẹ, chưa ngộ như*

*con. Nếu huân tập bản ngộ thì mỗi niệm đều bày hiện tính giác, như mẹ nhớ con. Trái tính giác hợp với trần lao, niệm niệm vọng đời, như con trốn tránh mẹ. Nếu vọng niệm (tình) không sinh, quán quán tự tâm thì tự chứng được bản giác, như con nhớ mẹ, vừa thấy thì đã thâm hợp. Hiện tiền thấy Phật ai là người khéo thừa đương? Tương lai thấy Phật làm qua không phải ít! Nên nói là cách Phật không xa, chẳng cần phương tiện chỉ bày cho người niệm Phật. Ý chỉ lời này rất thấm thiết vậy.*

**Như người ướp hương thì thân thể có mùi thơm. Đây gọi là hương quang trang nghiêm.**

*Đây là dụ cho niệm Phật cách Phật không xa, như lấy “năng niệm” trang nghiêm “sở niệm”. Bản hương do huân tập mà phát sinh, nên gọi là Hương Quang.*

**Căn bản tu nhân của con là dùng tâm niệm Phật, mà vào pháp vô sinh nhẫn. Nay ở cõi này (Ta-bà) tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh Độ.**

*Dùng tâm niệm Phật, niệm Phật tự tâm, tâm Phật đều quên, đồng pháp giới tính. Đây là pháp vô sinh nhẫn. Một người đã như vậy, cả*

*thế giới đều như vậy, đồng một pháp thân lẫn nhau tiếp lấy. So nhân mà biết quả. Pháp nhĩ là như thế.*

**Nay Phật hỏi về viên thông, con không lựa chọn chỉ thu nhiếp sáu căn tịnh niệm liên tục được vào Tam-ma-địa, đó là thứ nhất”.**

*Nhất niệm gồm thu nhiếp sáu căn, gồm thu nhiếp sáu căn đều chung về một niệm. Niệm niệm liên tục không có niệm khác, tức là vào Tam-ma-địa. Chính là ở tại đương nhân tự biết tự nhận. Khuôn mẫu và phép tắc của Phật xưa, nếu nhận thì không xa vậy.*

*Khấp xem chỗ nói về nhập Tam-ma-địa của chư Thánh, há chẳng phải là ba thứ căn, trần, thức mà chính tột cả mười tám giới đều thành Tam-ma-địa. Trong hai lăm vị Thánh, không phân Đại thừa, Tiểu thừa, Quyền giáo, Thật giáo đồng nhất chứng ngộ, thì Đại thừa, Tiểu thừa, Quyền giáo, Thật giáo, đều vào Tam-ma-địa. Nên biết, mê thì mười tám giới sờ sờ, Đại thừa, Tiểu thừa, Quyền giáo, Thật giáo đều rõ ràng, ngộ thì pháp pháp đều viên thông, người người đều viên mãn. Kinh Lăng Nghiêm Phật vì hàng Thanh văn mà mở bày chỉ dạy, người biết thì dẫn “quyền” vào “thật”*

dẫn “biệt” về “viên”, mà chẳng biết rằng ngấm  
gõ cái “thật” nơi “quyền”, chỉ cái “viên” nơi  
“biệt”, ý chỉ lại càng sâu xa và huyền diệu.  
Như nói “Cái thấy và cảnh vật bị thấy (kiến dữ  
kiến duyên) đều là tướng của vọng tưởng, như  
hoa đốm hư không, vốn không thật có. Cái  
thấy và cảnh vật bị thấy đó, nguyên là thể giác  
ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, làm sao  
trong ấy lại có cái phải và chẳng phải”. Đây là  
nghĩa dẫn “quyền” vào “thật”, dẫn “biệt” về  
“viên”. Đến chỗ lựa căn viên thông thì rõ ràng  
là xả viên dung (Đốn ngộ) mà riêng nói về  
hành bố (Tiệm tu). Chính là chân tục lẫn bìa,  
đồng khác đều thấy rõ.

Tôi lấy làm lạ, xưa nay các nhà sơ giải  
vẫn chia riêng nơi chư Thánh, ắt thẩm xét chỗ  
chư Thánh từ đâu đến để tiến tu, mà khu khu  
hạn cuộc nơi vị trí ấy; cũng như người đến nước  
Tần mà xoay mặt (đầu) về nước Việt. Xin chờ  
bậc thức giả xác định sẽ phán đoán việc ấy thế  
nào vậy.





# KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TRỰC CHỈ

## QUYỂN SÁU

---

### ĐOẠN XXVII

#### DO NHĨ CĂN CHỨNG VIÊN THÔNG

##### CHI 1. THUẬT LẠI NHÂN TU

###### TIẾT A. GẶP PHẬT VẮNG LỜI CHỈ DẠY

###### **Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm.**

*Tiếng Phạn là “A-na-bà-lâu-kiết-đề-luân”, Trung Hoa dịch là “Quán Thế Âm”. Trong kinh Pháp Hoa Đức Như Lai giải thích rằng: “Nếu có chúng sinh bị khổ não, nhứt tâm xưng danh hiệu, Quán Thế Âm Bồ-tát quán nghe âm thanh kia tức liền được giải thoát”. Đây là tỏ bày do lòng Đại bi mà thành tựu, nên hay nhất tâm xưng danh hiệu, Bồ-tát liền nghe, nghe tức liền giải thoát, cảm ứng tự nhiên, không quan hệ nơi tâm niệm. Bản kinh (Phổ Môn) Bồ-tát tự giải thích rằng: “Do tính nghe*

*của tôi tròn sáng cả khắp mười phương, nên cái tên Quán Thế Âm khắp cả mười phương cõi nước. Lại do nhân tu của tôi, tại trong tính nghe phát ra bản tính Diệu Minh, viên chiếu cả mười phương”. Chữ “nghe” mà gọi là “quán” là bởi vì theo cái nghe mà thoát ra ngoài nhĩ căn, ngưng tụ nơi tâm và mắt, nên đối với quả môn cũng hay quán xét âm thanh của chúng sinh; căn môn đều lần dùng vậy.*

**liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con nhớ vô số hàng hà sa kiếp về trước có Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm, từ đức Phật kia con phát tâm Bồ-đề. Đức Phật kia dạy con do từ nghe (văn) suy nghĩ (tư) và tu mà vào Tam-ma-địa”.**

*“Văn”, sánh ngang với bậc Thập tín trong kinh Hoa Nghiêm; “Tư” sánh ngang bậc Thập trụ; “Tu” sánh ngang với bậc Thập hồi hướng, Thập hạnh và Thập địa. Bởi do Thập tín gốc từ nghe mà hiểu, thành tựu được tín tâm đầy đủ mới bắt đầu vào Thập trụ. Trụ thì an trụ tự tâm phát huệ căn bản rồi sau mới khởi Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa cho đến Kim Cang Tam-muội, ấy là Tam-ma-địa vậy.*

TIẾT B. VẮNG LỜI DẠY MÀ THÀNH TỰU  
CHỨNG NGỘ

**Ban đầu ở trong tính nghe, vào được dòng liền quên tướng bị nghe. Trần tướng đã vắng lặng thì hai tướng động và tịnh rõ thật không sanh.**

*Câu “ban đầu ở trong tính nghe”, tức là chỉ cho tính nghe. Ban đầu quán tính nghe, chính là vào được dòng Viên Thông. Bởi do sáu căn dong ruổi theo sáu trần, đó là không theo dòng, mà quán trở lại căn tính, nên gọi vào được dòng Viên Thông. Khi được vào dòng Viên Thông liền xa lìa trần cảnh, nên gọi là không còn tướng bị nghe nữa. Động, tức là theo trần cảnh; tịnh, tức là khi được vào dòng Viên Thông. Sự xen dính với tướng tịnh mà ở đây chính là hiện bày đạt sâu vào căn tính thì hai tướng động và tịnh rõ thật không dính lúu nhau vậy.*

**Như vậy dần dần tăng tiến thêm, các tướng năng văn, sở văn đều hết.**

*Trên là dẹp cảnh, do động tịnh hai tướng đều thuộc về cảnh. Động tịnh không dính, chỉ một căn tính chân thật. Đây chính là dẹp căn, hội về tạng tâm của Như Lai thì năng sở đều hết vậy.*

**Không dừng lại chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa, thì năng giác sở giác đều không.**

*Gốc cái nghe đã tốt, nhưng sợ e trụ nơi tuệ giác nên nói, không dừng lại chỗ dứt hết năng văn sở văn, chứ chẳng phải chẳng trụ ở nơi dứt hết cái nghe. Xét về nếu có “năng giác”, tức là có “sở giác”. Cái giác đó sở dĩ không thể thường diệu nên Bồ-tát đối với việc này tự biết chuyển ngôi vị. Nên nói: “Năng giác sở giác đều không”.*

**Không giác tốt bực viên mãn nên các tướng năng không, sở không đều diệt.**

*Cái không ở trước là tuệ giác. Bởi để bày rõ cơ duyên thay đổi ngôi vị, hiển ra bản giác tốt bực chân không viên mãn nhiệm mầu. Ở đây lại nói: “Các tướng năng không sở không đều diệt”, chính là nói rõ ý chỉ này, chẳng phải có các tướng năng không sở không mà có thể diệt vậy.*

**Sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền.**

*Xét về tướng động tịnh hết, cái nghe cũng không còn. Cái tuệ giác không tướng, không diệt, là tướng sinh diệt đã diệt, thì tính chân*

tịch diệt Như Lai tàng rõ ràng thường trụ. Nên nói rằng: “Bản tính tịch diệt hiện tiền”, là Niết-bàn diệu tâm. Bồ-tát y nơi đây mà vào Tam-ma-địa, mười phương Như Lai y nơi đây mà chứng Đại Niết-bàn, nên không có đường tẻ vạy.

Ở đây, ban đầu ở trong tính nghe, cho đến bản tính tịch diệt hiện tiền, ngài Trường Thủy và ngài Cô Sơn đều phân chia và phối hợp với tam tuệ: Văn, Tư và Tu; đối với lý thì không ngại, bởi do Bồ-tát nêu chung, do văn, tư và tu mà vào Tam-ma-địa, xét về văn có thể rõ. Song riêng tôi (Hàm Thị) cho rằng chẳng cần phải phân chia như vậy. Nghĩa là do căn tính phát minh, ban đầu quán sở văn mà rõ căn tính để hiển bày tính nghe sáng suốt và thấu triệt, kế ắt phải hết cái giác và dẹp trừ cái không để hiển tột bậc tính giác nhiệm mầu viên mãn. Đây là tri kiến Phật, nhân tức gồm trong quả; cái ban đầu hẳn thấu triệt cái rốt sau. Nếu tiến tu mau hay chậm phải có thời tiết, nhưng pháp thì vốn viên thông; căn cơ không phải khắc định hoặc tiệm, hoặc đốn, hoặc lần thấy có trước sau, hoặc đồng thời khắp xem, vẫn chưa có thể một phen so sánh được. Vả lại Bồ-tát tự trình bày ra, cũng chính vì đương thời đã trải qua, hoặc như đối với căn cơ ngày nay, hẳn ước

*định trước phải được nhân không rồi sau mới dẹp trừ pháp chấp, chỉ khiến cho phân rõ văn trên, in tuồng như không phải chọn lựa pháp tu. Tôi tạm nêu ra để trông chờ kẻ tri âm vậy.*

## CHI 2. TRÌNH BÀY KẾT QUẢ TU ĐỨC

### TIẾT A. ĐƯỢC QUẢ ĐỨC

**Bồing nhiên siêu vượt thế và xuất thế gian, mười phương tròn sáng được hai pháp thù thắng. Một là trên hợp với Bản Giác Diệu Tâm của Phật, cùng với Phật Như Lai đồng một từ lực; hai là dưới hợp với tất cả lục đạo chúng sinh trong mười phương, cùng với các chúng sinh đồng một bi ngưng.**

*Đoạn trên đã viên mãn tính giác, đoạn này mới từ tính giác mà khởi dụng. Lại nói, “hợp với bản giác diệu tâm”, chẳng phải nói lúc này mới hợp, mà bản giác Diệu tâm đó nguyên chúng sinh cùng với Phật đồng một thể. Nay cùng với chư Phật đồng một thể, nên hay đồng một từ lực. Tức cùng chúng sinh đồng một thể, nên hay đồng một bi ngưng. Bi ngưng nghĩa là chúng sinh bi ngưng cũng do giác tâm huân tập, tự sinh bi ngưng và cũng do sức từ chiêu cảm, khiến sinh bi ngưng, chỉ đồng một bi ngưng cũng hiển bày sức từ vậy.*

## TIẾT B. HIỂN BÀY DIỆU DỤNG

### TIẾT B1. BA MƯƠI HAI ỨNG THÂN

#### - NẾU CHÚNG

**Bạch đức Thế Tôn, do con cúng dường đức Quán Thế Âm Như Lai, nhờ ngài truyền thọ cho con Chánh Định Kim Cang như huyện, văn huân, văn tu mà được cùng với Như Lai đồng một từ lực, nên làm cho thân con thành ba mươi hai ứng thân vào các cõi nước.**

*Thông đạt được tất cả các pháp như huyện, nên hay dứt hết các duyên trở lại căn tính. Do nghe suy nghĩ và tu mà thành tựu được như huyện Kim Cang Tam-muội, cũng nói là như huyện Tam-muội. Như huyện Kim Cang Tam-muội này, là chỗ hàng Thập địa về sau chứng được. Chẳng ngoài trí tuệ giác ngộ chánh chơn, dụ như Kim Cang không thể phá hoại mà hay phá hoại tất cả phiền não, trang nghiêm mình và mọi người, khởi dụng như huyện, biến hóa cõi nước, chẳng động đạo tràng, tùy cảm mà ứng. Nên ba mươi hai ứng thân đều do chỗ cảm của chúng sinh tự nhiên mà ứng hiện, chẳng phải thật có thân vào.*

- HIỆN THÂN CÁC BẬC THÁNH

+ HIỆN THÂN PHẬT

**Bạch Thế Tôn, nếu các Bồ-tát vào Tam-ma-địa tấn tu vô lậu, thắng giải hiện đã viên mãn, con hiện thân Phật mà vì họ thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.**

*Đã vào Tam-ma-địa, vẫn phải nhờ sự tấn tu, thì vẫn còn trệ nơi thắng giải. Đây chính là nói tốt cái mê lầm về phân phân biệt vi tế, nên Bồ-tát vì họ hiện thân Phật khiến cho được giải thoát. Bồ-tát Quán Thế Âm là Cổ Phật thuở quá khứ. Vì lòng đại bi nên lui địa vị Phật mà quyền hiện Bồ-tát. Đây tuy thuật lại cái nhân đã qua, mà đâu chẳng phải là đương thời nhất sinh bổ xứ? Ngài Trường Thủy vẫn nói, lên hàng Thập trụ đã lâu nên hay hiện quả vị trên. Cho đến các nhà sơ giải thích lãng xăng cũng là việc khá lạ lùng vậy.*

+ HIỆN THÂN ĐỘC GIÁC.

**Nếu các hàng hữu học được pháp diệu minh vắng lặng, chỗ thắng diệu đã viên mãn, con ở trước người ấy hiện thân Độc giác vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.**

*Độc giác, chán chỗ ồn náo ưa chỗ vắng*



*lặng, cầu trí tuệ tự nhiên. Nên nói rằng tính Diệu Minh vắng lặng. Hiện thân Độc giác ở đây là vì thị hiện đồng sự mà thật ra dùng Phật thừa để thâm khiến cho được giải thoát. Bồ-tát bí mật ở bên trong (nội bí) phần nhiều xuất hiện ở đây vậy.*

**+ HIỆN THÂN DUYÊN GIÁC.**

**Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các nhân duyên đã đoạn mà phát ra thắng tính và thắng tính đó hiện viên mãn, con ở trước người ấy hiện thân Duyên giác vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được giải thoát.**

*Bích Chi, nói đủ là “Bích-chi-ca-la”, Trung Hoa dịch là “Độc giác”, cũng dịch là “Duyên giác”. Ngài Trường Thủy nói: “Vị trước (Bích-chi) chỉ mình tự ngộ đạo, vị này (Duyên giác) nương nơi giáo lý mới được ngộ, là do quán mười hai nhân duyên theo hai chiều lưu chuyển và hoàn diệt; do hai pháp quán mà đoạn được các duyên, thắng tính hiện bày. Nghĩa là thắng tính do đoạn các duyên mà hiện ra vậy”.*

**+ HIỆN THÂN THANH VĂN.**

**Nếu các hàng hữu học được pháp không**

**của Tứ đế, tu đạo và diệt đế thắng tịnh hiện ra viên mãn, con ở trước người kia, hiện thân Thanh văn mà vì họ thuyết pháp khiến cho được giải thoát.**

*Biết khổ, đoạn tập, tu đạo, chứng diệt. Đây là pháp tu của hàng Thanh văn, nhưng Đại thừa đều có. Pháp Tứ đế của hàng địa thượng trong kinh Hoa Nghiêm là thuộc về Viên giáo. Kinh Niết-bàn vì hàng Nhị thừa nói pháp Tứ đế gồm chỉ lý chân thật. Ở đây khiến được giải thoát là cũng như nơi tập quán cũ mà riêng ngụ ý đã được viên dung, chẳng phải vì để thành tựu cho hàng Thanh văn. Do ở trước nói hiện bày viên mãn, đều là tự chỗ kỳ hẹn của họ. Bởi khi sắp chứng, là chỉ cho chưa chứng, nên gọi là hữu học.*

- HIỆN THÂN LỚN

+ HIỆN THÂN PHẠM VƯƠNG

**Nếu các chúng sinh muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục và muốn cho thân được thanh tịnh, con ở trước người kia hiện thân Phạm Vương mà vì họ nói pháp, khiến cho được giải thoát.**

*“Đại Phạm” là cõi trời thứ ba trong quả Sơ thiên. Kinh Kim Quang Minh nói: “Đại Phạm*

*Thiên Vương” là rút ra ở trong Dục Luận. Hiện thân Phạm Vương, ở đây là thị hiện ở cõi phương tiện. Bởi căn cứ nơi tâm tham muốn ngũ dục được tỏ ngộ, khuyến dụ tiến lên liền trở về lý chân thật. Nếu thật báo thân của Phạm Vương thì ra khỏi ngũ dục chỉ thành pháp tịnh.*

#### + HIỆN THÂN ĐẾ THÍCH

**Nếu các chúng sinh muốn làm Thiên chủ thống lãnh chư Thiên, con ở trước người kia hiện thân Đế Thích mà vì họ thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*Đây là do chúng sinh tu mười điều lành mà hiện làm thân Đế Thích, vì họ nói sự cao thượng và nhiệm mầu của pháp Thập thiện để thành tựu được chánh nhân, chứ không phải chỉ thành tựu được báo thân cõi trời. “Đế Thích” là cõi trời thứ hai trong Dục giới. “Thích”, Trung Hoa dịch là “Năng” (hay). Do hay hàng phục được A-tu-la. “Đế”, là chúa trong ba mươi hai cõi trời. Đế Thích là gồm cả tiếng Trung Hoa và tiếng Phạn vậy.*

#### + HIỆN THÂN TRỜI TỰ TẠI

**Nếu các chúng sinh muốn thân được tự tại, dạo đi khắp mười phương, con ở trước người kia hiện thân trời Tự Tại mà vì họ thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

“*Trời Tự Tại*” tức là ở trên đỉnh cõi trời Dục giới. Tiếng Phạn là “*Đê-bà-bạt-đê*”, Trung Hoa dịch là “*Tha Hóa Tự Tại Thiên*”. Nhờ người khác làm để tạo thành cái vui cho mình, tức là Ma vương. Hoặc nói trên Lục Dục Thiên, riêng có cung ma cũng nhiếp thuộc về Tự Tại Thiên.

#### + HIỆN THÂN TRỜI ĐẠI TỰ TẠI

**Nếu các chúng sinh muốn thân tự tại, bay đi trong hư không, con ở trước người kia hiện thân trời Đại Tự Tại mà vì họ thuyết pháp khiến cho được thành tựu.**

*Trong Biệt Hành nói: “Đại Tự Tại tức là Ma Hê Thủ La Thiên trên đỉnh cõi trời sắc giới”. Kinh Hoa Nghiêm gọi “Sắc Cứu Cánh Thiên”. Luận Trí Độ nói: “Qua cõi Tịnh Cư Thiên, có Bồ-tát Thập trụ hiệu là Đại Tự Tại”. Kinh Thập Trụ nói: “Trời Đại Tự Tại có hào quang sáng thù thắng hơn tất cả chúng sinh”. Kinh Niết-bàn hiển cúng trời Đại Tự Tại là tối thắng. Ngài Thanh Lương nói: “Trong ba thừa lập đây là cõi tịnh, là chỗ ở của báo thân. Ước về thật thì hàng Thập địa Bồ-tát nhiếp thuộc kết quả của báo thân, phần nhiều làm chúa cõi kia vậy”.*

## + HIỆN THÂN THIÊN ĐẠI TƯỚNG QUÂN

**Nếu các chúng sinh ưa thống lãnh qui thân, cứu hộ cõi nước, con ở trước người kia hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà vì họ thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“Thiên Đại tướng Quân” tức là tướng thân của trời Đế Thích. Lại Tứ Thiên Vương mỗi vị đều riêng có tám vị tướng mà Vi Đà là thượng thủ. “Cõi nước” tức là cõi nước trong bốn châu.*

## + HIỆN THÂN TRỜI TỨ THIÊN VƯƠNG

**Nếu các chúng sinh ưa thống lãnh thế giới bảo hộ chúng sinh, con ở trước người kia hiện thân Tứ Thiên Vương mà vì họ thuyết pháp khiến cho được thành tựu.**

*Tứ Thiên Vương là cõi trời thứ nhất trong Dục giới, nơi núi Tu-di, mỗi vị đều ở một bên. Kinh Kim Quang Minh nói: Tứ Thiên Vương bạch Phật rằng: “Tứ Thiên Vương chúng con, hai mươi tám bộ và trăm ngàn quỷ thần dùng thiên nhân thanh tịnh thường quán xét để ủng hộ cõi Diêm-phù-đề này, thế nên chúng con có tên là Chủ hộ thế”.*

## + HIỆN THÂN THÁI TỬ TỨ THIÊN VƯƠNG

**Nếu các chúng sinh ưa sinh thiên**

**cung để sai khiến quý thân, con ở trước người kia hiện thân thái tử con của Tứ Thiên Vương vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*Kinh Đại Kiết Nghĩa nói: “Tứ Thiên Vương hộ thế, mỗi vị đều có chín mươi một người con, nhan mạo đoan chánh có thể lực lớn đều gọi là vua. Bốn vị Thiên Vương hợp lại có ba trăm sáu mươi bốn người con, hay ủng hộ mười phương”.*

- HIỆN THÂN NGƯỜI

+ HIỆN THÂN NHÂN VƯƠNG

**Nếu các chúng sinh ưa làm Vua trong cõi người, con ở trước người kia hiện thân Vua, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*Vua trong cõi người có năm dòng là bốn vị Chuyển Luân Vương và một vị “Túc Tán”, nghĩa là như nhiều hạt lúa mà đem rải ra. Kim Luân Vương có bốn thiên hạ, Ngân Luân Vương có ba thiên hạ, Đồng Luân Vương có hai thiên hạ, Thiết Luân Vương có một thiên hạ. Túc Tán tức là trong tứ thiên hạ, mỗi vị đều phân ra bang thổ để giáo dục nhân dân. Năm vị vua*

đều do tu pháp “Thập Thiện”, có sâu cạn mà nghiệp báo cũng có trọng cũng có khinh. Cũng có các vị Bồ-tát thị hiện để hộ trì chánh pháp dẫn dụ sách tấn thiên hạ, đối với chánh trị của nước ấy có thể nghiệm biết.

*Kinh Đại Tập nói: “Vị quốc vương hộ pháp làm tăng trưởng ba thứ tịnh khí: 1/ Địa tinh khí, nghĩa là năm giống lúa (ngũ cốc) sung túc. 2/ Chúng sinh tinh khí, nghĩa là dung mạo đoan nghiêm, không có các bệnh tật. 3/ Thiện khí tinh khí, nghĩa là tu giới, tu thí, tu tín v.v...*

#### - HIỆN THÂN TRƯỞNG GIẢ

**Nếu các chúng sinh thích làm chủ trong gia đình danh tiếng, người đời kính nể, con đối trước người kia hiện thân Trưởng giả vì họ mà thuyết pháp khiến được thành tựu.**

*Kinh Pháp Hoa văn cú nói: “Trưởng giả có mười đức: 1/ Dòng họ cao quý: con cháu thời Tam Hoàng Ngũ Đế gia đình quyền quý. 2/ Vị cao: làm chức phụ bệ Thừa Tướng, Diêm Mai, A Hoàn. 3/ Giàu lớn: có những thứ đồng lạng, kim cốc, giàu có xa xỉ. 4/ Nhiều uy quyền: có uy quyền thì “nghiêm sương giáng trọng” việc không sửa sang mà vẫn thành. 5/ Trí sâu: trí tuệ đầy hông, như Võ Khố, quyền lạ siêu vượt. 6/ Nhiều*

*tuổi: tóc bạc mà oai phong, vật nghi nép phục. 7/Hạnh trong sạch: hạnh như ngọc trắng không dấu vết, việc làm như lời nói. 8/Lễ đầy đủ: lễ thì tiết độ, chừng mực, đủ để cho người đời chiêm ngưỡng. 9/Trên khen: làm người bậc trên thì được mọi người kính mến. 10/Dưới hướng về: làm kẻ dưới thì bốn biển đều hướng về. Trong hợp với mười món công đức của Như Lai.*

#### + HIỆN THÂN CƯ SĨ

**Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay, giữ mình trong sạch, con ở trước người kia hiện thân Cư sĩ, vì họ mà thuyết pháp khiến cho thành tựu.**

*Kinh Tịnh Danh nói: “Nếu còn làm Cư sĩ, là kẻ tôn quý trong hàng cư sĩ, đoạn sạch lòng tham nhiễm”. Ngài La Thập nói: “Làm người bạch y ở nước ngoài có nhiều tài sản giàu có an vui gọi là Cư sĩ, như ông Tu-đạt, ông Duy-ma-cật đều là hàng Trưởng giả làm Cư sĩ ở Tây Vực. Như ở phương này (Trung Quốc) có ông Bàng Uẩn.*

#### + HIỆN THÂN TẾ QUAN

**Nếu các chúng sinh ưa trị cõi nước, chia đoán các bang, các ấp, con ở trước người kia**



**hiện làm thân Tế Quan vì họ mà thuyết pháp khiến cho thành tựu.**

*Trong Biệt Hành nói: “Tế có nghĩa là chủ; Quan nghĩa là công năng. Ba vị quan do công năng giúp việc chính trị cho nhà vua nên gọi là Tế Quan. Quận Ấp cũng gọi là Tế Quan, sửa đổi nhân dân”. Kinh Tịnh Danh nói: “Nếu ở trong bậc đại thân là người tôn quý trong hàng đại thân, dùng chính pháp để giáo hóa”.*

#### **+ HIỆN THÂN BÀ LA MÔN**

**Nếu các chúng sinh thích các số thuật (coi bói) tự mình nhiếp tâm giữ thân, con ở trước người kia hiện thân Bà-la-môn vì họ mà thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

*“Bà-la-môn”, Trung Hoa dịch là “Tịnh Hạnh”. Kinh Tịnh Danh nói: “Nếu ở trong dòng Bà-la-môn là hàng tôn quý trong dòng Bà-la-môn để trừ bệnh ngã mạn cho họ”. Ngài La Thập nói: “Học vấn nhiều, cầu tà đạo, tự ý có trí tuệ, kiêu mạn tự tại, nên gọi là Bà-la-môn”. Triệu Pháp sư nói: “Lời nói của người nước Tần ngoài ý, chủng tộc của họ riêng có kinh sách truyền nhau đời đời, lấy Đạo học làm sự nghiệp”. “Số thuật”, chẳng những bói toán coi ngày coi giờ mà tất cả*

*nói về huyền, bàn về lý chẳng hợp với Chính đạo đều gọi là số thuật. Nên phàm bàn dẫn chấp giữ kiên cố để thành tựu lý thuyết kia đều nói là nhiếp giữ, cũng không phải Chính phương pháp điều dưỡng vậy.*

- HIỆN THÂN HAI CHÚNG XUẤT GIA

+ HIỆN THÂN TỖ KHEO

**Nếu có người nam ưa hạnh xuất gia, giữ các giới luật, con ở trước người kia hiện thân Tỳ-kheo vì họ mà thuyết pháp khiến cho thành tựu.**

*Tiếng Phạn “Thi La”, Trung Hoa dịch là “Giới”. Tiếng Phạn “Tỳ Ni”, Trung Hoa dịch là “Luật”. Giới của Tỳ-kheo, gồm có hai trăm năm mươi điều.*

+ HIỆN THÂN TỖ KHEO NI

**Nếu có người nữ ưa theo hạnh xuất gia, giữ gìn các giới cấm, con ở trước người kia hiện thân Tỳ-kheo Ni vì họ mà thuyết pháp khiến cho thành tựu.**

*Giới của Tỳ-kheo Ni có cả thảy năm trăm điều “Ni”, Trung Hoa dịch là “Nữ”, tức là người nữ làm Tỳ-kheo vậy.*

- HIỆN THÂN HAI CHÚNG TẠI GIA

+ HIỆN THÂN ƯU BÀ TẮC

**Nếu có người nam ưa giữ năm giới, con ở trước người kia hiện thân Ưu-bà-tắc vì họ mà thuyết pháp khiến cho thành tựu.**

*Năm giới nghĩa là: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. “Ưu-bà-tắc”, Trung Hoa dịch là “Cận-sự-nam”.*

+ HIỆN THÂN ƯU BÀ DI

**Nếu có người nữ tự giữ gìn năm giới, con ở trước người kia hiện thân Ưu-bà-di vì họ mà thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

*“Ưu-bà-di”, Trung Hoa dịch là “Cận-sự-nữ”. Chung cả người nam ở trên gọi là hai chúng tại gia, mới kham gần gũi Đại Tăng. Kinh Tịnh Danh Sớ nói: “Phương này (Trung Hoa) gọi là Thanh Tịnh Sĩ, Thanh Tịnh Nữ”.*

- HIỆN THÂN NỮ CHÚA

**Nếu có người nữ, lập thân trong nội chính để tu sửa nhà nước, con ở trước người kia hiện thân Nữ Chúa, hay thân Quốc phu nhân, Mệnh phụ, Đại cô vì họ mà thuyết pháp khiến cho thành tựu.**

*“Nội chính”, như Hậu Phi của vua Văn Vương có đức lớn giáo hóa người. “Nữ chúa”, tức chỉ cho hậu phi của vua. Vợ của bậc chư hầu gọi là “Quốc Phu Nhân”. Vợ của Đại phu nhận lãnh mệnh lệnh của nước nên gọi là “Mệnh Phu”. “Đại Cô”, như vợ của Tào Thế Thúc. Hoàng hậu, Quý nhân đều là những người có tài đức, nên gọi là “Đại Cô”.*

- HIỆN ĐỒNG THÂN

+ HIỆN THÂN ĐỒNG NAM

**Nếu có chúng sinh không phá nam căn, con ở trước người kia hiện thân đồng nam vì họ mà thuyết pháp khiến cho được thành tựu.**

*Không phá nam căn, nghĩa là từ nhỏ đến lớn không phạm dâm dục. Đây cũng chính là người phát tâm tu phạm hạnh, hồi hướng về pháp xuất thế.*

+ HIỆN THÂN ĐỒNG NỮ

**Nếu có người nữ trinh bạch (Xử Nữ) ưa thích thân trinh bạch, không cầu xâm phạm, con ở trước người kia hiện thân đồng nữ vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“Xử Nữ” tức là người nữ ở trong khuê các,*

cũng là tên gọi của người phụ nữ chưa có chồng, ưa thích thân xử nữ, nguyện suốt đời không lấy chồng, không theo sự xâm bạo. Đây đều là người có ý chí vì đạo, đối với trong giáo pháp của Phật gọi là Đồng Chân vào đạo.

### - HIỆN THÂN TRỜI VÀ CHẲNG PHẢI TRỜI

**Nếu có chư thiên muốn ra khỏi loài trời, con hiện thân trời vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

Đây là do nhàm chán cái vui ở cõi trời không thể tiến tu. Trong Pháp Huyền Châu Lâm nói: Luận về báo thân của chư Thiên, kiến giải rộng rãi, hay khéo; mặc đồ mới và đẹp, thân thể nhẹ nhàng kỳ diệu, mà ở trên cõi trời Tự Tại; chính họ là Ma vương, do tu vô tướng định mà trở thành ngoại đạo ở trên danh trời Tứ Không. Bởi mê chấp không nhẹ, trong khoảng trời Lục Dục lại say đắm nặng nề, nên không thể thọ trì Bát-nhã, cúng dường Niết-bàn, tính kiêu mạn càng tăng thêm, ngã nhân càng hưng thịnh. Sở dĩ cho nên hoa trên đầu bị héo, mồ hôi trong nách chảy ướt áo, chỗ ngồi mất ánh sáng, áo lụa đóng mồ hôi như. Nếu có những triệu chứng như thế phải tịnh tâm sám hối.

Khế Kinh nói: “Người có ba việc thù thắng

*hơn chư Thiên: 1/ Đông mãnh, 2/ Nhớ nghĩ, 3/ Phạm hạnh.*

**Nếu có các rồng muốn ra khỏi loài rồng, con hiện thân rồng, vì họ mà thuyết pháp khiến cho được thành tựu.**

*Trong Biệt Hành nói: “Rồng có bốn loại:*

*1/- Giữ Thiên cung: Giữ gìn khiến chẳng hư mất.*

*2/- Làm mây, làm mưa: Để làm lợi ích nhân gian.*

*3/- Địa long: Đào sông, khai ngòi.*

*4/- Phục Tàng Long: Giữ gìn kho tàng của người có phước lớn “Chuyển Luân Vương”.*

*Kinh Trường A Hàm nói: “Các loại Rồng ở trong cõi Diêm-phù-đề có ba thứ tai họa: 1/- Nóng: Gió nóng dính vào thân thiêu đốt da thịt và xương, do đó mà khổ não. 2/- Gió dữ thổi mạnh: Gió thổi vào cung điện, bay mất áo và đồ trang sức quý báu, thân Rồng tự hiện, do đó mà khổ não. 3/- Khi các Rồng đang vui chơi, chim cánh vàng vào cung bắt Rồng con mới sinh ăn thịt, nên sợ hãi khổ não. Ao A Nậu Đạt không có ba thứ tai họa này, nên gọi là không khổ não nóng bức vậy”.*

**Nếu có Dược-xoa muốn ra khỏi loài Dược Xoa, con hiện thân Dược-xoa vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“Dược-xoa”, Trung Hoa dịch là “Khinh Tật”. Cựu Ngọa nói: “Dược-xoa có ba loại: 1/- Ở dưới đất, 2/- Ở trên hư không, 3/- Ở trên trời. Dược-xoa ở dưới đất chỉ có bố thí tiền của, nên không thể bay hư không; Dược-xoa ở trên trời do bố thí xe ngựa, nên có thể bay trên hư không. Khi Phật chuyển pháp luân, Dược-xoa ở dưới đất kêu lên, Dược-xoa trên hư không nghe tiếng kêu; Dược-xoa trên hư không kêu lên, Tứ Thiên Vương nghe tiếng kêu, như thế cho đến Phạm Thiên.*

**Nếu Càn-thát-bà muốn thoát khỏi loài Càn-thát-bà, con hiện thân Càn-thát-bà vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“Càn-thát-bà”, Trung Hoa dịch là “Tâm Hương” tức nhạc thân của trời Đế Thích ở trong hang Kim Cang phía Nam núi Tu-di. Trong cung trời Đế Thích muốn đánh nhạc, đốt hương trầm thủy. Thần này liền tìm mùi hương mà đến, nên gọi là “Tâm Hương”.*

**Nếu A-tu-la muốn thoát khỏi loài A-tu-la, con ở trước A-tu-la hiện thân A-tu-la mà vì**

**họ thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“A-tu-la”, Trung Hoa dịch là “Phi Thiên”. Do lương gạt và dối trá, nên không phải hạnh của chư Thiên. Luận A Tỳ Đàm nói: “Do không hay nhẫn nại những việc lành và không có tâm khiêm hạ, xem kỹ mỗi mỗi giáo hóa. Do kiêu mạn, nên không phải người tốt lại cũng không phải trời, nên gọi là “A-tu-la”.*

**Nếu Khẩn-na-la muốn thoát khỏi thân loại Khẩn-na-la, con ở trước Khẩn-na-la kia hiện thân Khẩn-na-la, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“Khẩn-na-la”, Trung Hoa dịch là “Phi Nhân”. Trên đầu có sừng. Cũng là một vị thần giúp vui ở trên trời, thân nhỏ không bằng Càn Thát Bà. Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: “Khẩn-na-la ở phía Bắc núi Tu-di, trong khoảng núi thập bát. Bởi xưa có công đức bố thí, nên ở cung điện bảy bát. Thọ mạng rất lâu, do vì giận dữ với Sa Môn, nên tám mươi bốn kiếp thường không có tay chân. Khi chư Thiên yến hội thì cùng với Càn-thát-bà chia ban trên dưới, trời muốn tấu nhạc, thì dưới nách chảy mồ hôi, liền tự lên cõi trời, có Khẩn-na-la tên Đâu-lâu-ma-cầm, ca tụng thật tướng các pháp để tán thán Phật.*



**Nếu Ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài Ma-hô-la-già, con liền hiện thân Ma-hô-la-già, vì họ mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*“Ma-hô-la-già”, Trung Hoa dịch là “Đại Phúc”. Ngài La Thập nói là Rồng ở dưới đất (Địa long). Ngài Tăng Triệu nói là Rắn lớn, đi bằng bụng. Kinh Tịnh Danh Sớ nói là thần ở miếu trong thế gian, nhận thịt rượu của người thầy đều cho vào bụng, do hủy giới cấm, tà vạy, nhiều sân, ít bố thí, tham ăn thịt uống rượu; giữ giới sơ sài nên đọa làm quỷ thân. Bởi nhiều nóng giận nên trùng vào thân mà ăn nuốt. Trong Cao Tăng truyện nói: “Bạn đồng học với ngài An Thế Cao do nhiều sân nên đọa vào thân rắn lớn, hoặc làm Thần ở Khấu Đình Hồ mà được độ, tức là loại này”.*

#### **- HIỆN THÂN NGƯỜI VÀ CHẴNG PHẢI NGƯỜI**

**Nếu các chúng sinh thích làm người, tu cho được thân người, con hiện ra thân người mà thuyết pháp, khiến cho được thành tựu.**

*Đây là cầu không mất thân người, để vì đó tinh tiến tu hành. Quan Tướng Quốc họ Bùi nói: “Có thể dùng phương pháp tu “chính tâm lự”, để tiến đến đạo Bồ-đề, thì duy có nhân đạo là hơn cả”.*

**Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không hình, hoặc có tướng, hoặc không tướng, muốn thoát khỏi loài mình, con ở trước họ đều hiện ra cái thân như họ, vì họ mà thuyết pháp khiến cho được thành tựu.**

*Ngài Trường Thủy nói: “Loài có hình có sắc uẩn, như vãn sau nói, loài hư uẩn, loài tinh minh v.v... Loài không hình, không sắc uẩn như vãn sau nói, như loài không tán tiêu trầm v.v... Loài có tướng có bốn uẩn như vãn sau nói, thân quỷ, tinh linh v.v... Loài không tướng, không có bốn uẩn như vãn sau nói, tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá v.v... các loài này là Phi Nhân”.*

*Ngài Ôn Lăng nói: “Không liệt nêu trong tam đồ của lục phàm (sáu cõi phàm), vì loài này thuộc về tối tăm, chìm đắm, chưa có thể nghe pháp, nên phải dùng sức vô úy mà nhổ mới được”.*

#### - TỔNG KẾT

**Ấy gọi là ba mươi hai ứng thân thanh tịnh nhiệm mầu vào trong cõi nước, đều do chính định vãn huân, vãn tu vô tác diệu lực tự tại thành tựu.**

*Tóm lại ba mươi hai ứng thân trên, đều do “Tam-muội vô tác diệu lực tự tại” mà thành tựu. Đây là pháp như huyễn kim cương Tam-muội của Bồ-tát, như châu Ma-ni hiện ra năm sắc, thể của châu trong suốt sáng ngời. Cũng chính là pháp thân thanh tịnh này do lòng đại bi mà được thành tựu, hay khiến cho chúng sinh có cảm ắt có ứng, như năm sắc vào trong hạt châu, cả hai đều không đến nhau, mà sự hóa hiện vẫn trùm khắp viên mãn, nên gọi là tự tại thành tựu.*

### CHI 3. DO BI NGƯỠNG, BỐ THÍ MƯỜI BỐN MÓN CÔNG ĐỨC VÔ ÚY

#### TIẾT A. NÊU CHUNG

**Bạch Thế Tôn, lại do con dùng vô tác diệu lực của Tam-muội Kim Cương vô huân, văn tu ấy, cùng với mười phương ba đời tất cả chúng sinh trong sáu đường đồng một bi ngưỡng, nên khiến các chúng sinh ở nơi thân tâm con được mười bốn món công đức vô úy.**

*Tâm giác ngộ vốn đồng, chỉ vì tình sinh nên trí tuệ bị ngăn cách, liền bị gió cảnh làm lay động. Bồ-tát lại được bản diệu, nên thường*

*thấy chúng sinh coi như thân tâm, do từ lực khiến sinh bị ngưng lại được sức vô úy. Như còn chim cu sợ con bô cắc núp vào nơi bóng của đức Như Lai mà hết sợ sệt. Đây cũng là một việc có thể kinh nghiệm vậy.*

### **TIẾT B. QUÁN XÉT ÂM THANH ĐƯỢC GIẢI THOÁT**

**Một là, do con không tự quán các tướng mà quán cái tâm năng quán, khiến cho chúng sinh khổ não trong mười phương kia, quán âm thanh con, tức liền được giải thoát.**

*Do cái quán này cùng với chúng sinh đồng một thể, một thể ắt thông nhiều thể, nhiều thể ắt thông một thể. Quán âm thanh con, thì liền được giải thoát, lý ẩn như vậy. Nên biết nghe tiếng không viên dung thì chỉ vì thanh sắc làm chướng ngại, rời trần xoay về tính giác ắt cảm ứng không nơi chốn, chỉ tại nơi đương niệm vậy.*

### **TIẾT C. VÀO LỬA KHÔNG CHÁY**

**Hai là, do con xoay tri kiến trở lại, khiến cho các chúng sinh giả sử vào trong lửa lớn, lửa cũng không thể đốt cháy.**

*Lửa từ tâm sinh, khởi ra tri kiến (tính phân biệt hiểu biết). Nếu tri kiến đã xoay trở lại, thì ngoài tâm không có lửa, mình (ngã) đã*

*như vậy, thì chúng sinh cũng như vậy. Chỉ khéo xưng danh thì sự lý không hai.*

#### TIẾT D. VÀO NƯỚC KHÔNG CHÌM

**Ba là, do con quán cái nghe xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh bị nước lớn cuốn đi mà không bị chết chìm.**

*Cái nghe bị tiếng làm cuốn trôi, nên ở ngoài do nước mà ứng hiện. Ngược cái nghe trở lại chân thì sóng tâm tự dứt. Chúng sinh không rõ chỉ biết xưng danh. Tha lực và tự lực, chỉ có Phật mới có thể biết vậy.*

#### TIẾT E. VÀO NƯỚC QUI KHÔNG BỊ HẠI

**Bốn là, do con diệt hết các vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho các chúng sinh vào các nước quỷ, quỷ không thể hại được.**

*Vọng tưởng như giặc, hay làm hại thành Niết-bàn. Biết tâm tưởng diệt cơ quan sát hại chóng dừng. Chúng sinh vọng thấy nước quỷ, chợt liền xưng danh, như về đất làng, tâm qui đã lìa thì ai làm hại được.*

#### TIẾT G. BỊ HẠI ĐAO GÃY

**Năm là, do con huân cái nghe thành tựu nơi tính nghe, sáu căn đều tiêu về bản tính,**

**đồng như cái nghe và cái tiếng, hay khiến cho chúng sinh đương lúc bị hại đao gãy từng đoạn, khiến các binh khí chạm vào thân người như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, bản tính không hề lay động.**

*Huân tập cái nghe thành tính nghe, nghĩa là bên ngoài thoát khỏi cái nghe, bên trong xoay trở lại tính nghe. Một căn đã như vậy, sáu căn đều như vậy, nên gọi là đồng như cái nghe và cái tiếng. Sáu căn đều mất thì tính quang tự nhiên lặng lẽ, liền đó thân tâm vắng lặng như thái hư; chưa thấy có hư không nhận tất cả sự xúc chạm bao giờ. Chúng sinh xưng danh hiệu cũng là như vậy. Như người bị lạc đường xa nghe tiếng mẹ gọi, thì tâm mình tự biết (trở lại), ắt không còn lưu lạc nữa. Gốc vọng động một phen xoay trở về, liền đồng chân thật vắng lặng; như một giọt nước gieo vào bể thì sóng nhỏ hay lớn đâu có phân chia.*

### **TIẾT H. QUI KHÔNG THỂ THẤY**

**Sáu là, con huân tập tính nghe được sáng suốt thấu khắp cả pháp giới, thì các tối tăm không thể an toàn, hay khiến cho chúng sinh, tuy quỷ Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-giá, Phú-đơn-na v.v... ở gần bên cạnh mà**

**mắt chúng vẫn không thể thấy được.**

*Huân tập và phát minh được tính nghe tốt cho tinh thuần và sáng suốt, thì các tướng tối hằng không thể làm mờ, như mặt trời lên thì mây mù tự diệt. Cái thấy nghe của chúng sinh, bị thanh sắc làm mê lầm. Khi thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm, thì cơ quan nghe liền xoay trở lại, tự nhiên thâm hợp với bản tính Diệu Minh, như ánh sáng xuyên qua kẽ hở trong nhà tối đều được sáng.*

*“La-sát”, Trung Hoa dịch là “Khả Úy”. “Cưu-bàn-trà”, Trung Hoa dịch là “Mộc Trảo”. Thần này bóng như cây dừa, đi thì vác lên vai, ngồi thì xoa chân.*

*“Tỳ-xá-giá”, Trung Hoa dịch là “Hám Tinh Khí”, vì ăn tinh khí loài hữu tình và ngũ cốc. “Phú-đơn-na”, Trung Hoa dịch là “Nhiệt bệnh Quỷ”. (Quỷ làm bệnh nóng).*

### TIẾT I. GÔNG CÙM KHÔNG DÍNH

**Bảy là, các tiếng hoàn toàn tiêu diệt hết, thấy nghe xoay vào tự tính, rời các trần cảnh hư vọng, nên hay khiến cho chúng sinh những thứ cùm trói gông xiềng không thể dính vào mình được.**

*Rời trần cảnh, xoay trở lại tính nghe, tính nghe tự nhiên hoàn toàn giải thoát. Lý trói cột đã tiêu, thì sự trói cột đâu thể có, chúng sinh thể diệu liền đó chia đường. Xưng danh y nhiên cùng với bản thể không khác.*

### **TIẾT K. GIẶC KHÔNG THỂ CƯỚP**

**Tám là, do con diệt hết tướng âm thanh viên thông tính nghe, sức từ phát sinh trùm khắp, hay khiến cho chúng sinh trải qua đường hiểm, giặc không thể cướp hại.**

*Âm thanh nó tàn hại tính nghe, như giặc giả cướp hại người lành. Xoay cái nghe rời tiền trần, âm vang đều lặng lẽ. Xưng danh xoay trở về là hồi tâm, thì giặc cũng không tự tính, sức từ thêm trùm khắp, tự tha đều dung nhiếp lẫn nhau vậy.*

### **TIẾT L. XA LÌA THAM DỤC**

**Chín là, do con huân tập tính nghe rời các trần tướng, sắc không thể cướp hại được, có thể khiến cho tất cả chúng sinh nhiều dâm dục, xa lìa lòng tham dục.**

*Sắc hay cướp hại mắt, tâm và mắt dong ruỗi; khi tính nghe đã xa rời trần tướng, thì cái nghe theo tiếng mà xoay trở lại tự tính. Chúng*



*sinh xưng danh hiệu là trên nương nơi nguyên từ bi theo căn cơ mà cảm ứng vậy.*

### TIẾT M. XA LÌA SÂN NHUẾ

Mười là, do âm thanh của con thuận thực không tướng, căn và cảnh viên dung, không có năng đối và sở đối, có thể khiến cho tất cả chúng sinh giận hờn lìa các nóng giận.

“Âm thanh thuận thực”, là đạt tự tướng của âm thanh không có thuận nghịch, nên gọi là không có trần tướng. Do xoay căn nghe trở lại đối với cảnh không có thuận nghịch, thì không có năng đối và sở đối, nên gọi là căn cảnh đều viên dung. Chạy theo căn trần vọng thấy có thuận nghịch, mới có sân nhuế. Trì danh hiệu tự xoay trở lại, thì đối đãi liền tiêu. Bồ-tát và chúng sinh đồng một then máy (khung dệt vải).

### TIẾT N. XA LÌA SI MÊ TỐI TÂM

Mười một là, do con tiêu diệt trần tướng, xoay trở lại tính bản minh thì pháp giới và thân tâm đều như ngọc lưu ly sáng suốt không ngăn ngại, khiến cho những kẻ ngu ngốc u mê tính chướng xa lìa hẳn sự si mê tối tăm.

“A-điên-ca”, Trung Hoa dịch là: “Cực

vong” cũng gọi là “Tất cánh”. Do vì rốt ráo không có tính Niết-bàn, tức là “Xiển đề vô tính”, nên gọi là kẻ ngu ngốc, u mê tính chướng. Bồ-tát do phân quán nhĩ căn, tiêu diệt trần tướng, thì bản giác sáng suốt nhiệm mầu trùm khắp cả thân tâm, trong ngoài sáng suốt không ngăn ngại. Và lại, chúng Xiển đề đối với Phật tính kinh Niết-bàn cũng nhận là có, chỉ vì si mê tối tăm, có mà không tự biết. Một phen xưng danh hiệu Quán Thế Âm, tín căn vừa đủ thì tính chướng (chướng ngại) liền tiêu, lại không có mau chậm vậy.

#### TIẾT 0. CẦU CON TRAI ĐƯỢC CON TRAI

Mười hai là, do con tiêu dung các hình tướng trở về xoay tính nghe không động đạo tràng mà lẩn vào thế gian, nhưng không hủy hoại thế giới. Cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần, cùng khắp mười phương làm vị Pháp Vương Tử gần bên mỗi đức Phật, có thể khiến cho những chúng sinh trong pháp giới không có con, muốn cầu con trai, liền sinh được con trai có đủ phước đức trí tuệ.

“Dung hình” là tiêu dung thân căn và hình tướng. “Phục vấn” là xoay trở lại tính nghe. Mặc tình cho tính nghe hòa vào trong tất

*cả thế giới mà không có người hay vào, nên gọi là chẳng động đạo tràng. Tất cả thế giới đều ở trong biển pháp tính của Bồ-tát, không rơi vào có và không mà mỗi mỗi đều tùy thuận, nên gọi là không hủy hoại thế giới. Cúng dường khắp cả chư Phật, tiếp nối giáo pháp của đức Không Vương (Phật), pháp thế gian và xuất thế gian tùy thuận không hai, nên nói một phen xưng danh hiệu tùy thuận đều đủ vậy.*

### TIẾT P. CẦU CON GÁI ĐƯỢC CON GÁI

**Mười ba là, do sáu căn của con viên thông soi sáng không hai, trùm khắp mười phương thế giới, thành lập Đại Viên Cảnh Không Như lai tạng, vâng lãnh pháp môn bí mật của vi trần Như Lai không thiếu sót, có thể khiến cho trong pháp giới những chúng sinh không con gái muốn cầu con gái liền sinh con gái, có tướng tốt đoan chính phước đức, dịu dàng được mọi người yêu kính.**

*Sáu căn trở về nguồn, chỉ một tính giác quý báu, tự nhiên viên dung và hiện khắp mười phương, đương niệm không cách ngại. Gọi là “Đại Viên Cảnh” để chỉ rõ vâng lãnh tất cả pháp môn bí mật của vi trần Như Lai. Do tính Bảo minh chiếu soi viên mãn không cùng tận, như*

*người con gái có đủ phước đức trinh thuận và tu cách phẩm hạnh. Do có đức tính mềm mỏng đó, nên tùy nguyện mà cảm ứng.*

**TIẾT Q. TRÌ NHIỀU DANH HIỆU VẪN KHÔNG KHÁC  
NHAU VÀ TÓM KẾT**

**Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này có trăm ức mặt trời mặt trăng hiện ở thế gian, các vị Pháp Vương Tử hiện trong thế gian số lượng có đến sáu mươi hai số cát sông Hằng đều tu theo Phật pháp, nêu gương mẫu giáo hoá chúng sinh, tùy thuận chúng sinh mà phương tiện và trí tuệ mỗi vị không đồng nhau.**

*Kinh Trường A Hàm nói: “Một mặt trời, mặt trăng đi khắp bốn thiên hạ làm một thế giới. Như thế một ngàn mặt trời, mặt trăng, một ngàn núi Tu-di, một ngàn vua Diêm La, một ngàn cõi trời Đao Lợi, một ngàn cõi trời Phạm Thiên, gọi là tiểu thiên; tức là số tiểu thiên cho đến đầy đủ một ngàn, gọi là trung thiên; tức là số trung thiên lại đủ một ngàn gọi là đại thiên. Trong ấy núi Tu-di Chứa, bốn châu mặt trời mặt trăng có tới vạn ức, đều là cảnh giới của một đức Phật giáo hóa, gọi là thế giới “Ta-bà”. Ở đây nêu lên trong thế giới Ta-bà*

*có sáu mươi hai hằng hà sa số các vị Pháp Vương Tử. Pháp tu hành của các vị ấy đều làm mô phạm để tùy thuận giáo hóa chúng sinh; mỗi vị đều có phương tiện và trí tuệ không đồng nhau. Căn bản viên thông là chân thật, dùng văn sau để chỉ bày.*

*“Pháp tu hành” là ước về tự mình thực hành “làm mô phạm”, là ước về phần giáo hoá chúng sinh, do tự mình thực hành và làm phép tắc để chuyển hóa kẻ khác. “Phương tiện” là quyền, “Trí tuệ” là thật. Tức là hai trí: quyền và thật đều là việc để giáo hóa chúng sinh vậy.*

**Do con được bản căn viên thông nên phát sinh diệu tính của nhĩ căn, sau đó thân tâm nhiệm mầu bao trùm cùng khắp pháp giới nên có thể khiến cho chúng sinh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu tất cả các vị Pháp Vương Tử số lượng bằng sáu mươi hai số cát sông Hằng kia, phước đức hai bên bằng nhau không sai khác.**

**Bạch Thế Tôn, một danh hiệu của con cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác là do con tu tập được tính viên thông chân thật.**

Bồ-tát tự gọi là tu tập Viên Thông được bản căn, là chỉ cho nhĩ môn. Từ nhĩ môn phát sinh ra diệu tính. Nghĩa là tiếng và cái nghe vốn không, cùng với thể diệu giác hòa hợp như nước ngậm trời, trời và nước một màu. Ở đây dung hội được thân tâm bao trùm cả pháp giới không có bờ mé, nên hay hội nhiều làm một, lấy một gồm nhiều công đức trì danh so đó có thể biết. Được chân thật Viên Thông là đối cơ mà nói, tức là ngậm ý chọn lựa căn Viên Thông vậy.

**Ấy gọi là mười bốn đức thí vô úy đem phước khắp cho chúng sinh.**

Tóm lại thí vô úy phần nhiều căn cứ nơi nhỏ hết gốc khổ. Ở đây nói, đem phước cùng khắp cho chúng sinh dùng để hiển bày tất cả chúng sinh trong mười phương đều nương nhờ nơi diệu đức của Bồ-tát khắp đến. Phàm là người có tâm đều cung kính ngưỡng mộ, đâu có ai mà chẳng tin lời của đức Thích Tôn, cũng chưa có ai dám không tin Bồ-tát. Chúng sinh trong cõi này nhận sự che chở của các Ngài thật rất lớn vậy.

Ba mươi hai ứng thân về trước là đồng một từ lực, mười bốn món vô úy về sau là đồng một bi ngưỡng. Đây là Bồ-tát dùng lòng từ bi không duyên có, không lựa chọn mà không phải

đương cơ cũng không có thể ứng hiện mà được. Chính như một người chuyên nhớ, một người chuyên quên, thì hoặc gặp hoặc không gặp, hoặc thấy hoặc không thấy chưa có thể quyết định.

Xét về ba mươi hai ứng thân, là chỉ riêng cho Bồ-tát đối với hàng Nhị thừa, sẽ chứng và chưa chứng, tức có thể tự hiện thân làm bạn không mời (mà đến). Đây là do sức từ của Bồ-tát, cùng với đương nhân có căn lành, có đủ cả hai đều nhớ. Nếu các chúng sinh, chưa có ai chẳng cầu mà ứng, đến nơi bi ngưỡng thì hoàn toàn phải nhờ xưng danh hiệu. Trong lời sơ giải của ngài Trường Thủy chỉ nói nhân tu của Bồ-tát, mà không đề cập đến lòng bi ngưỡng đối với chúng sinh, các nhà sơ giải tuy có đề cập đến xưng danh, chỉ quy về tha lực, mà đối với chúng sinh thì do tự lực mà có cảm ứng. Chưa rõ duyên có mà so sánh ý chỉ trong Kinh cũng có một phần khiếm khuyết vậy.

Luận về chúng hữu tình sở dĩ bị ngăn che bởi do thanh sắc, nên khiến cho tính nghe, tính thấy dong ruổi bên ngoài vọng sinh ra phân biệt, tuy đến chỗ lo sợ, nhưng chẳng biết trở về, một phen hiểu rõ xưng danh hiệu, tâm có chỗ quy ngưỡng, thì tai và mắt không còn vọng động lăng xăng. Đây tức là xa rời trần tướng trở

*lại căn tính trong một khoảnh khắc vậy.*

*Nên biết các pháp vốn giả dối, vọng tình có thể đổi thay, tự lực tha lực, cảm ứng bày hiện lẫn nhau. Nếu riêng nhờ tha lực, thì hằng sa cõi nước hoàn toàn thấy là cứu cho lành bệnh. Nếu còn thấy có thặng trầm thì từ lực đâu thể thực hiện được.*

#### CHI 4. BỐN ĐỨC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

##### TIẾT A. NÊU CHUNG

**Bạch Thế Tôn, do con được đạo vô thượng tu chứng viên thông ấy, nên lại khéo được bốn món vô tác diệu đức không thể nghĩ bàn.**

*Bốn món không thể nghĩ bàn từ cực quả mà được, nên gọi là tu chứng đạo vô thượng. Đây là căn cứ sau khi Bi và Trí đã viên mãn. Đại bi hiển hiện, cơ cảm đồng thời không do tâm niệm, tự nhiên như vậy gọi là không thể nghĩ bàn.*

##### TIẾT B. HIỆN ĐẦU TAY VÀ MẮT

**Một là, do con ban đầu chứng được tính nghe chí diệu, nơi tâm tính không còn có tướng năng văn, các sự thấy nghe hiểu biết không còn cách biệt và thành một Bảo Giác**



**Viên Dung Thanh Tịnh, nên con có thể hiện ra rất nhiều hình dung nhiệm mầu, nói ra vô số thần chú bí mật.**

*Chữ “Diệu” trước tức là “vong sở”, chữ “Diệu” sau tức là “ly căn”. Ly căn hợp với tính giác, được căn tính chân thật, nên gọi tính nghe. Đã trở lại hợp với bản giác, căn cứ nơi bản giác mà nói, nên gọi là tâm tính không còn tính năng vãn. Cái bản giác tâm tính đó đã thoát ngoài tính nghe, thì sáu căn được viên dung, một tức là sáu, sáu tức là một, đồng một tính bảo giác, tùy theo cơ cảm của chúng sinh, hình dung vi diệu đều hiện, miệng nói lời vi diệu hiển bày tùy thuận không hai vậy.*

**Trong đó hoặc hiện ra một đầu, ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, như vậy cho đến một trăm lẻ tám đầu, một ngàn đầu, mười ngàn đầu, tám mươi bốn ngàn cái đầu, đủ các thước-ca-la; hai tay, bốn tay, sáu tay, tám tay, mười tay, mười hai tay, mười bốn tay, mười sáu tay, mười tám tay, hai mươi tay, hai mươi bốn tay, như thế cho đến một trăm lẻ tám tay, một ngàn tay, mười ngàn tay, tám mươi bốn ngàn cái tay bắt ấn (Mẫu-dà-la); hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, như thế cho đến một trăm lẻ tám mắt, một ngàn mắt, mười**

ngàn mắt, tám mươi bốn ngàn mắt báu thanh tịnh; hoặc hiện từ, hoặc hiện oai; hoặc định hoặc tuệ cứu hộ chúng sinh được đại tự tại.

“*Thước-ca-la*”, Trung Hoa dịch là “*Cụ Túc*”. “*Mẫu-đa-la*”, Trung Hoa dịch là “*Ấn*”, mỗi cái đều có ấn nhiệm mẫu vậy.

Ngài Trường Thủy nói: “*Đầu hay xuất sinh Thánh chúng là Pháp thân; tay hay nắm bắt là Hóa thân; mắt hay dẫn đường sáng là Trí thân. Đây cũng là pháp tiêu biểu, song đều thấy sáu căn viên thông, hoặc ít hoặc nhiều, tùy cảm mà ứng hiện. Tột cùng đến tám mươi bốn ngàn, là do chúng sinh có tám mươi bốn ngàn trần lao. Bồ-tát hóa thô làm diệu, hóa cuộc hạn làm Viên Thông, pháp nhĩ (ấy) như vậy, chẳng phải quan hệ đối trị; hoặc từ hoặc oai, hoặc định hoặc tuệ cũng lại như vậy. Chúng sinh ứng từ, tức thấy hình từ, chúng sinh ứng oai, tức thấy hình oai, chúng sinh ứng định, tức thấy hình định, chúng sinh ứng tuệ, tức thấy hình tuệ; do lòng đại bi mà thành, vốn không có dụng tâm mà mỗi mỗi thân biến tùy cơ đều hiện không thể nghĩ bàn*”.

### TIẾT C. HIỆN HÌNH TỤNG CHÚ

Hai là, do cái nghe, cái suy nghĩ của con thoát ra ngoài sáu trần như tiếng qua

tường vách không bị ngăn ngại, nên diệu dụng của con có thể hiện mỗi mỗi thân, tụng mỗi mỗi chú; hình đó, chú đó có thể đem sức vô úy thí cho các chúng sinh. Thế nên cõi nước mười phương như vi trần đều gọi con là vị Thí Vô Úy.

*Xoay cái nghe vào trong, thoát khỏi sáu trần trở lại đồng với tiếng, âm vang tự tại, nghĩa là chẳng bị hạn cuộc nơi vật, nên có thể đồng với vật. Hình đó, chú đó một phen tùy theo chúng sinh không tâm mà ứng hiện.*

*Kinh Niết-bàn nói: “Như Lai tức là người cho chúng sinh sức vô úy. Hoặc phóng một hào quang hoặc hai, hoặc ba hào quang, nếu người có lỗi đều khiến xa lìa tất cả các ác. Như Lai nay có đủ không lường thế lực như thế, nếu có Bồ-tát được trụ chỗ vô sở úy như thế, thì không sợ tham, giận, si, sinh, già, bệnh, chết. Lại cũng không sợ các đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh; lại cũng không sợ Sa-môn, Bà-la-môn, Ngoại đạo, Tà kiến, Thiên ma Ba-tuần; lại cũng không sợ hai mươi lăm cõi”. Thế nên chỗ này gọi là chỗ vô úy. Bồ-tát trụ chỗ vô úy chứng được hai mươi lăm pháp Tam-muội, phá hoại hai mươi lăm cõi; như được Vô cấu Tam-muội, có thể phá hoại Địa ngục và hữu tình v.v...*

### TIẾT D. XẢ THÂN CẦU THƯƠNG XÓT

Ba là, do con tu tập phát ra căn tính diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua trong thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân và đồ trân bảo cầu con thương xót.

*Do bản căn nhập vào chân tính, thì sáu căn đều viên thoát, không còn trụ trước, nên cảm đến chúng sinh có thể xả thân, xả của cải để cầu thương xót, nhiếp thọ; do từ lực chiêu cảm, nhân địa hẳn là như vậy.*

### TIẾT E. CHỖ MONG CẦU ĐỀU ĐƯỢC

Bốn là, do con được tâm Phật, chứng quả rất ráo, có thể từng đem các thứ quý báu cúng dường mười phương Như Lai, cả đến lục đạo chúng sinh trong pháp giới, ai cầu vợ thì được vợ, cầu con thì được con, cầu Tam-muội thì được Tam-muội, cầu sống lâu thì được sống lâu; như thế cho đến cầu Đại Niết-bàn thì được Đại Niết-bàn.

*Đây là chứng được quả rất ráo cùng với Phật không hai, nên có thể thấu suốt tất cả chúng sinh trong lục đạo, tính tướng đều bình đẳng, do đó cúng dường cũng bình đẳng. Những chỗ mong cầu đều được là đã hiển rõ sức từ, mà vợ,*

con, thọ mạng và Đại Niết-bàn vẫn là hiểu rõ thế gian và xuất thế gian cả hai đều bình đẳng. Chúng sinh thấy hai, Bồ-tát chỉ thấy một tướng không hai vậy.

### CHI 5. KẾT LUẬN VỀ VIÊN THÔNG NHĨ CĂN

**Phật hỏi về viên thông, con do viên chiếu Tam-muội nơi nhĩ căn mà tâm duyên tự tại, nhân tướng nhập lưu mà được Tam-ma-địa, thành tựu quả Bồ-đề, đó là thứ nhất.**

Ban đầu từ trong tính nghe mà được căn tính chân thật. Căn tính chân thật đó do quên sở văn mà tính năng văn cùng tột, sau mới vào tính giác viên chiếu Tam-muội. Tính giác viên chiếu Tam-muội đó, tùy tâm sở duyên đều chứng được thật tướng các pháp, nên nói là tự tại. Nhân tướng nhập lưu mà được Tam-ma-địa, là gốc nhân nơi nhập lưu mà được. Để rõ từ trong tính nghe mà phát minh, chẳng phải không có chỗ phát minh.

Bồ-tát đến đây lập cái sở nhân, như Thiện Tài Đồng Tử trong kinh Hoa Nghiêm, trải qua một trăm mười một thành để học đạo Bồ-tát, rốt sau đến chỗ Bồ-tát Di Lặc; Bồ-tát Di Lặc lại bảo trở lại yết kiến đức Văn Thù: “Chỗ ông thấy

*các vị Thiện tri thức, nghe hạnh của Bồ-tát vào môn giải thoát, đầy đủ đại nguyện, đều do sức oai thần của ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù Sư Lợi đối với tất cả chỗ đều được rớt ráo”. Bởi Đồng Tử ở chỗ ngài Văn Thù được trí căn bản, nên cùng tột các trí sai biệt rớt ráo không sai khác, so nơi đây có thể thấy vậy.*

**Bạch Thế Tôn, đức Như Lai kia khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong đại hội thọ ký cho con cái hiệu gọi là Quán Thế Âm; do con quán tính nghe thấu suốt mười phương, nên danh tiếng Quán Thế Âm cùng khắp cả mười phương thế giới.**

*Đoạn kết luận chuyển qua đức Phật kia, để rõ nhân duyên đời trước và cũng để hiển bày phương tiện. “Quán tính nghe”, nói quán ở đây tức là lắng nghe. Bởi xoay cái nghe thoát ra ngoài căn (nhĩ căn) ngưng nơi tâm mắt, không dính mắc ở sáu cửa, trở vào tính viên minh khắp giáp cả pháp giới; muôn ứng đều tùy theo căn cơ vậy.*



## MỤC V: CHỈ CHÍNH CHỖ VIÊN TU

---

### ĐOẠN I

### PHÓNG HÀO QUANG ĐỂ HIỂN ĐIỀM LÀNH

Khi ấy, đức Thế Tôn nơi tòa sư tử, từ năm vóc đồng thời phóng ra hào quang báu, xa rọi đến trên danh mười phương các đức Như Lai như số vi trần và trên danh các vị Pháp Vương Tử, các vị Bồ-tát. Các đức Như Lai kia cũng từ năm vóc đồng phóng ra hào quang báu, từ các thế giới số như vi trần đến rọi trên danh Phật và trên danh các vị đại Bồ-tát cùng A-la-hán trong hội, rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm, ánh hào quang giao xen lẫn nhau, cùng nhau như lưới tơ báu.

*Một căn nếu trở về nguồn thì sáu căn đều thanh tịnh. Chỉ một bảo giác thể dụng không hai, nên từ năm căn mà phóng ra hào quang sáng. Do một đức Như Lai và các đức Như Lai trong mười phương ánh hào quang giao xen lẫn nhau rọi trên danh lẫn nhau và trên danh các*

vị Bồ-tát, A-la-hán; rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm để hiển bày tự tha không ngăn cách, lớn nhỏ đồng bày, một nhiều dung nhiếp nhau, y báo, chính báo, pháp là như vậy.

Căn tính này là chỗ chứng ngộ chung của chư Phật, Bồ-tát sơ tâm và cứu cánh, mà nơi của nhĩ căn một phen phản quán thì sáu dụng đều thông suốt, trong ngoài rõ sáng, đương niệm viên mãn và thấu triệt vậy.

**Cả trong Đại chúng đây được việc chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang Tam-muội.**

“Kim Cang Tam-muội”, tức là Thủ Lăng Nghiêm. Tất cả chúng sinh xưa nay đầy đủ tự tính thanh tịnh, một thời đều nhận trở lại được bản tâm.

**Liên khi ấy, trên trời mưa hoa sen trăm báu: màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng xen lẫn nhau, mười phương hư không hóa thành sắc bảy báu.**

Muôn hạnh trang nghiêm, như hoa trăm báu. Trí dụng sai biệt như màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng. Hư không thành sắc tướng, sắc tướng và hư không không hai, không phải có, không phải không; lý do sự mà bày, sự và lý không ngại.



Trong cõi Ta-bà này, nào đất liền, núi, sông đồng thời chẳng hiện, chỉ thấy các cõi nước như số vi trần trong mười phương hợp thành một cõi, tiếng hát, ca ngợi tự nhiên nổi lên.

*Đây là tiêu biểu cho tính “Bảo Minh Không Giác” hỗn hợp viên dung, y báo và chính báo hoàn toàn tiêu, hư không diệt hết chỉ còn một cõi “Tịnh Quang” mỗi nơi đều được thấy nhau.*

Chữ “Bái”, là lời khen ngợi ca hát bên Tây Vực (Ấn Độ). “Tán”, là từ văn dùng kết lại thành chương. Bái là bài kệ ngắn dùng để lưu tụng. Trong kinh nói: “Dùng âm thanh vi diệu để ca tụng công đức của chư Phật”.

## ĐOẠN II

### PHẬT BẢO NGÀI VĂN THÙ CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Bấy giờ, đức Như Lai bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử: “Ông hãy xét trong hai mươi lăm vị vô học gồm các vị đại Bồ-tát và A-la-hán, mỗi mỗi trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập tính viên thông chân thật, chỗ tu hành của các vị kia thật không có hơn kém, trước sau khác nhau.

*Chỉ nói chỗ chúng đồng một chân thật, nên không có hơn kém. Nếu luận về cửa vào đều tùy theo phương tiện, nên có trước và sau.*

**Nay tôi muốn khiến cho ông A-nan được khai ngộ, trong hai mươi lăm pháp tu, pháp nào hợp với căn cơ của ông ấy và gồm sau khi tôi diệt độ, chúng sinh trong thế giới này muốn vào Bồ-tát thừa để cầu đạo Vô Thượng, sẽ dùng môn phương tiện nào để được thành tựu hơn?**

*Đây là nhân nơi ngài A-nan, mà khắp vì tương lai ở thế giới này, nên vẫn sau nói: “Giáo thể của phương này thanh tịnh là nhờ nghe pháp âm”.*

### **ĐOẠN III**

#### **LỰA RA NHỮNG CĂN KHÔNG VIÊN THÔNG**

#### **CHI 1. KHEN NGỢI TÍNH GIÁC NGUYÊN LÀ NHIỆM MẦU ĐỂ CHỈ RÕ MÊ VỌNG VỐN KHÔNG**

**Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng từ chỉ của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật, nương vào oai thần của Phật, nói kệ đáp lại:**

Văn Thù là pháp thân diệu tuệ, ban đầu chứng được căn bản trí pháp thân, có thể sinh trong nhà Phật. Căn bản trí đầy đủ, về sau mới y trí khởi hạnh. Nay chính là lựa căn tu chứng, vậy phải đoạn cái làm căn bản vi tế. Lại căn bản trí và sai biệt trí, không có thể dụng riêng, nên phải từ căn bản trí mà phát minh.

**Bản tính biến giác khắp đứng lặng,  
Tính khắp đứng lặng vốn nhiệm mầu.**

Trước nói rõ tính giác, sau xét về sự sai biệt. Biến giác là Bản tế của thể giác mênh mông bát ngát, yên lặng sâu thẳm như biển. Biến giác không nhiễm không tạp nên gọi là “trùng” (ngưng lặng). Chân vọng khó đặt tên, ngộ mê cũng không kịp, nên gọi là “viên”. Lại nói: “Tính khắp giáp đứng lặng vốn nhiệm mầu”, nghĩa là thể giác vốn nhiệm mầu, thường chiếu mà lặng lẽ. Chính thấy rõ không thể lấy mình làm giác; song mình ắt sinh sở mà tính nhiệm mầu nó thường hằng, nên phải rõ biết như vậy.

**Bản minh chiếu ra hình như sở  
Sở lập thì mất đi tính chiếu.**

Tính chiếu, tức là chỉ cho thể giác, nghĩa là tính sẵn chiếu. Tính giác vốn không là minh,

*do chiếu ắt sanh sở. Chính do tính minh không giữ được thể diệu, theo cái dụng chiếu soi mà vọng sanh. Vọng không rời chân, đối sắc không mà thành bất giác, vì bất giác nên tính minh bị mất, chớ chẳng phải mất đó là hoàn toàn không.*

**Do mê vọng mà có hư không,  
Nương hư không lập thành thế giới.  
Tư tưởng lóng lạng thành cõi nước,  
Phân biệt hiểu biết là chúng sinh.**

*Do chiếu soi nên trái với tính giác mà khởi ra vọng động, thì quyết vọng thấy có ngoan không, nghĩa là cái mờ tối gọi là hư không. “Nương hư không lập thành thế giới”. Văn trước đã nói: Do cái giác thì sáng soi, hư không thì mờ tối đối đãi nhau mà thành ra diêu động, nên có phong luân giữ gìn thế giới. Đây là lý do thành lập thế giới.*

*“Tư tưởng lóng lạng thành cõi nước, cái hiểu biết phân biệt là chúng sinh”. Đây nguyên vốn là một tính giác, bởi nương nơi vọng giác mà thành mê, mê vọng ngưng kết đồng như vô tình, nên thành ra cõi nước. Song toàn vọng đều là chân, nên chúng sinh tuy lưu chuyển mà cái hiểu biết vẫn còn. Điều*

này có thể đối với việc hằng ngày có thể chứng biết vậy.

**Hư không sinh trong biển Đại Giác,  
Như hòn bọt nổi trên biển cả.  
Các cõi hữu lậu như vi trần,  
Đều nương hư không mà phát sinh.**

*Đây nguyên là tính giác hướng về mê, chỉ do một niệm soi lại tính giác, bèn thành hư không mờ tối, mà biển giác vẫn lặng yên, tịch và chiếu thường hằng. Song hiện tiền hư không và cõi nước, chẳng khác nào bầu hư không trong trời mà hiện có một mảnh mây. Nếu một niệm hồi quang (xoay trở lại) rõ ràng liền siêu vượt.*

**Bọt nổi diệt hư không vốn không,  
Huống nữa là hình tướng ba cõi.**

*Thế giới chúng sinh là tướng hữu vi. Chúng sinh ở trong sinh tử, khoảng chớp mắt liền không, kiếp hỏa cháy sạch cả đại thiên đều tiêu hoại, chỉ có hư không không bờ mé, in tuồng không biến đổi, mà chẳng biết chỉ tại đương nhân trong khoảng xoay lưng, một niệm về nguồn thì mười phương đều tiêu hết, rớt ráo đều không, chỉ phải tự chứng.*

## CHI 2. NÊU RÕ PHƯƠNG TIỆN CÓ MAU CHẬM

**Trở về nguồn tính vốn không hai,  
Phương tiện tu chứng có nhiều cách,  
Cách nào cũng thông vào bản tính,  
Nói thuận nói nghịch đều phương tiện,  
Do hàng sơ tâm vào Tam-muội,  
Bên mau bên chậm không đồng nhau.**

*Tính trở về nguồn chỉ có một, nhưng cửa ban đầu xoay trở về vẫn có nhiều. Nếu một thì mỗi cửa đều có thể chứng nhập, nhiều thì thuận nghịch tự phân có chậm mau, nên sơ tâm phải cầu thẳng tắt đến viên thông.*

*“Nói nghịch nói thuận chỉ là phương tiện”, nên biết thuận cũng là phương tiện. Kinh Viên Giác nói: “Chỉ trừ người đốn giác ngộ, cùng pháp không tùy thuận”, Bồ-tát mỗi khi đối với trong cửa phương tiện, thường lộ bày ý chỉ này.*

## CHI 3. LỰA RA SÁU TRẦN

**Vọng tưởng kết lại thành sắc trần,  
Hay biết không thể thông suốt được,**

**Làm sao chính chỗ không thông suốt  
Tu hành lại được tính viên thông?**

*Kết cái tối tăm làm sắc tướng, nên nói:  
‘Vọng tưởng kết lại thành sắc trần. Quán sắc  
thành không, càng lâu mới thông triệt, như ông  
Ưu-ba-ni-sa-đà, quán xương trắng thành vi  
trần, chẻ sắc gần với hư không đến khi vi trần  
và sắc tướng đã hết, thì diệu sắc thâm tròn  
cũng tự viên thông không ngăn ngại. Song do  
sơ tâm tẩy rửa phiền não mà phát ra tính hay  
biết, hợp với chỗ rỗng rang, nên không phải chỗ  
chọn lựa Viên Thông.*

**Âm thanh xen lộn với lời nói,  
Chỉ nương theo ý vị danh từ,  
Nếu một, không trùm được tất cả,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*“Xen tạp” cũng như nói “gồm”. Do âm  
thanh chẳng dừng nơi ngữ ngôn. Lại, ngữ ngôn  
cũng tự siêu thoát danh cú, một tức gồm có nhiều.  
Đây là chỗ chứng ngộ của ông Kiều Trần Na do  
chúng sinh dễ nương theo lời nói, nên mới ở chỗ  
lựa căn Viên Thông. Luận Du Già nói: “Phật và  
Bồ-tát là người năng thuyết, lời nói là tướng năng  
thuyết, danh cú văn thân là tướng sở thuyết”.*

*“Danh thân” cũng như nói: “Cái bình”. Chữ “Bình” vẽ ra là vãn thân; bình là do đất làm ra cái cú thân. Danh từ và câu vãn bày ra nghĩa lý gọi là vị. Nên danh cú y nơi vãn, vị y nơi danh cú.*

**Hương chỉ lúc hợp mới rõ biết,  
Lúc rời ra thì vốn là không.  
Nếu chỉ biết không được thường hằng,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Hương Nghiêm Đồng Tử do người mùi hương bay vào mũi mà ngộ được mùi hương không có đến đi. Hương trần đã diệt thì tính người y nhiên. Đây là do chỗ cảm biết không được thường hằng, nghĩa là không nương nơi thể giác chưa để gì thường hằng là một, cũng để giản trạch chỗ khó của hàng sơ tâm.*

**Vị không phải bản nhiên tự có,  
Cần phải nếm mới biết có vị,  
Nếu giác quan không thường duy nhất,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng rõ biết tính của vị trần chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải tức thân tâm, chẳng phải rời thân tâm, ở nơi phân biệt vị phát minh bản giác. Do tính của vị trần này, không phải là*



*bản nhiên thường hằng, nên rời phân biệt, thì không có tính biết vị; cũng để giải trạch cho hàng sơ tâm rời phân biệt vị tính giác khó mà an trụ vậy.*

**Xúc do các vật chạm mà biết.**

**Không vật chạm thì không thành xúc.**

**Khi hợp, khi ly không nhất định.**

**Thì làm sao được tính viên thông?**

*Ông Bạt-đà-bà-la bồng ngộ nguyên nhân của nước, không rửa bụi cũng không rửa thân, khoảng giữa an nhiên, chứng được lý không. Từ đây phát minh được diệu xúc. Ở đây nói xúc do các vật chạm mà rõ biết, để thấy rời chỗ diệu xúc, ly hợp đều dứt, tính khó được thường hằng, cũng để giải trạch cho hàng sơ tâm vậy.*

**Pháp cũng có tên là nội trần,**

**Nương theo trần tất phải có sở,**

**Năng sở, không viên dung nhập một.**

**Thì làm sao được tính viên thông?**

*Ngài Ma-ha-ca-diếp quán sát pháp trần thay đổi và hoại diệt, chứng ngộ pháp không tịch. Dùng tâm không tịch, tu định diệt tận liền dứt hết pháp chấp, thấy được thật tính của Diệu pháp, thế nên năng sở bản nhiên đều dứt.*

*Đây là để giản trạch năng sở không viên dung,  
nhập một, cũng để nói hàng sơ tâm rời sở  
duyên pháp tính khó cùng khắp vậy.*

#### CHI 4. LỰA RA NĂM CĂN

**Cái thấy tuy rộng suốt rất xa,  
Nhưng thấy trước mà chẳng thấy sau;  
Bốn bề còn thiếu mất một nửa,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Ông A Na Luật Đà, nhân tu pháp “nhạo  
kiến chiếu minh Tam-muội”, phát minh được  
tính thấy, không dùng mắt xem mà thấy khắp  
cả mười phương. Ở đây là để giản trạch thấy  
trước mà chẳng thấy sau, bốn bề còn thiếu một  
nửa cũng căn cứ chỗ thấy của nhãn căn không  
thể hoàn toàn đầy đủ, để thấy hàng sơ tâm rời  
trần riêng chiếu khó được thông suốt.*

**Mũi có thở ra và thở vào,  
Chặng giữa hiện không có hơi thở;  
Nếu không viên dung sự cách bức,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Hơi thở ra không dính liền với hơi thở  
vào, hơi thở vào cũng không dính liền với hơi  
thở ra. Thở ra, thở vào mỗi cái đều đi riêng,*

nên gọi là không có hơi giao tiếp (liên tục), tức là thiếu sự tiếp nối khoảng giữa. “Chi”, một chi tiết của thân rời ra, tức là từng phần rời rạc. Nghĩa là nhập thì vào thân, ly thì rời thân, hai bên không dính dáng nhau, cũng tức là không có hơi thở liên tục vậy.

Ông Châu-lợi-bàn-đặc-ca, do quán hơi thở rất chín chắn, cùng tột sự sinh diệt của nó mà ngộ biết chỗ không sinh diệt của tâm này, nên được đại vô ngại. Ở đây là lấy hơi thở ra vào trong mũi không viên dung sự cách bức nhau, để giản trạch cho hàng sơ tâm cùng tột sự sinh diệt của hơi thở, nơi tính vô sinh diệt, rất khó mà nương tựa giữ gìn.

**Ngoài sở nhập, tính nếm không thành,  
Nhân vị trần mà sinh hay biết;  
Không có vị, cái biết không có,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

Tính nếm vị nếu không nhân sở nhập thì không thể vô có tự có, nên nói, nhân vị trần mà sinh hay biết. Đã nhân nơi vị sinh, nên vị mất tức là diệt.

Ông Kiều-phạm-bát-đề do quán cái biết vị không phải thân, không phải vật, ngay đó liền

*được siêu vượt các lậu ở thế gian, trong thoát thân tâm, ngoài rời thế giới, pháp nhãn trong sạch sáng suốt. Ở đây sợ e rời vị trần, tâm giác liễu khó dừng trụ, nên giản trạch cho hàng sơ tâm, chưa dễ gì quán triệt vậy.*

**Thân biết xúc đồng với cảnh sở xúc,  
Đều có hạng không phải cùng khắp,  
Nếu không nhận tính không bờ bến,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Thân biết xúc chạm và cảnh bị xúc chạm, trông về tính giác, thì biết và không biết bờ bến đều có khác, không thể dung thông và hợp nhất.*

*Ông Tát-lăng-già-bà-ta nhân giác cái đau và cái biết đau, mà giác được tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau, nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng nhiên trống rỗng, chỉ thuần một tính giác, quên thân, phát minh được quả vô lậu. Mà ở đây chính là lấy thân xúc chạm và cái biết xúc chạm, giới hạn nó chẳng kịp nhau. Bởi sợ rời thân cảm xúc này, thì tính giác biết không chỗ nương tựa, tự khó mà thâm hợp cũng dễ lựa riêng ra cho hàng sơ cơ vậy.*

**Ý căn xen với các loạn tướng,  
Đứng lạng, rốt cuộc không thấy gì;**

**Nếu không thoát được các tưởng niệm,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*“Tri căn”, tức là ý căn, nghĩa là ý biết xen lộn với các loạn tưởng, loạn tưởng dừng thì phân biệt cũng mất, vừa có sở quán thì tưởng niệm khó thoát.*

*Ông Tu-bồ-đề từ nhiều kiếp đến nay đã chứng quả không tịch, sau nhờ đức Như Lai mà phát minh được tính giác chân không, tính không tròn sáng, liền vào biển không Bảo minh của đức Như Lai, được ấn ký thành quả vô học. Đây là do căn tính hàng sơ cơ phát minh được tính giác là chân không, rời các tướng khó thể hiện, nên đặc biệt lựa riêng ra vậy.*

## CHI 5. LỰA RA SÁU THỨC

**Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần,  
Gạn cùng vốn không có tự tướng;  
Cả tự thể còn không nhất định,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Nhãn thức, căn và sắc tướng xen lẫn nhau nên gọi nhãn thức, xen tạp ba thứ hòa hợp. Nhãn căn sắc trần không hợp nhau thì thức không chỗ gá. Đã không tự tướng cũng không tự thể.*

*Ngài Xá-lợi-phát ban đầu ngộ lý nhân duyên từ Phật phát minh tính thấy viên minh, tâm thấy phát ra sáng suốt, sáng tột cùng cả chỗ thấy biết. Nay lựa ra nhãn thức, nếu rời hai thứ (căn trần) thì không có tự thể. Nghĩa là, hàng sơ tâm đối với cái thấy biết này, nếu rời ba thứ hòa hợp kia thì tâm sáng suốt viên mãn riêng khó hiển bày.*

**Tâm nghe thông suốt cả mười phương,  
Là do sức hoằng thệ rộng lớn;  
Sơ tâm không thể đến chỗ ấy,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Đức Phổ Hiền dùng tâm nghe, phân biệt những tri kiến của chúng sinh, tùy có chúng sinh nào phát minh hạnh Phổ Hiền, liền vì họ mà xoa đánh. Đây là nhân đại hạnh chiêu cảm mà phát ra, không phải hàng sơ tâm có thể làm được, nên nói là không thể vào.*

**Tưởng chót mũi, vốn là quyền cơ,  
Chỉ để nhiếp tâm được an trụ;  
Nếu cảnh quán lại thành sở trụ,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Ông Tôn-đà-la-nan-đa quán chót mũi*

*trắng do quán sâu mà ngưng lặng, bên trong phát ra tính viên mãn sáng suốt, bên ngoài thành rỗng rang thanh tịnh, ánh sáng rỗng suốt cả mười phương. Đây là lựa ra phương tiện tạm thời để nhiếp tâm mà được an trụ. Tâm an trụ đã thành sở, thì không phải là thường trụ chân thật. Chính vì lo ngại cho hàng sơ tâm đối với thân tâm bên trong rõ suốt, thế giới bên ngoài rỗng không mà với tâm giác ngộ này khó vì đó mà được viên thoát.*

**Nơi pháp khéo dùng các danh từ,  
Cốt yếu trước phải được khai ngộ,  
Nếu lời nói không phải vô lậu,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Ông Phú-lâu-na do biện tài vô ngại, tuyên nói lý khổ không, thâm đạt thật tướng. Đây là căn cơ đã thuần thục, khéo rời ngôn thuyết, chứng được ý nghĩa bí mật. Nếu một phen dính mắc nơi lời nói (danh cú) thì chỉ thành hữu lậu, nên ở đây lựa riêng ra vậy.*

**Giữ giới chỉ câu thúc cái thân,  
Ngoài thân ra lấy gì câu thúc;  
Vốn không phải cùng khắp tất cả,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Thân nghĩa là thân thức, chẳng phải chỉ có thân căn nên gồm cả thân tâm.*

*Bởi do ông Uu-ba-ly trì giới thanh tịnh, thân tâm tịch diệt, ngay đó phát minh tất cả đều thông lợi. Nay lựa ra không phải thân, chính bảo rằng, rời thân thức này không có chỗ để kiểm thức, mà ở đây thật chỉ nơi tâm sẽ làm thế nào để hòa hợp cho cùng khắp, vì sợ e rơi vào tịch diệt vậy.*

**Thần thông bởi túc tập từ trước,  
Nào dính gì ý thức phân biệt;  
Tưởng niệm không thoát ly sự vật,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Thần thông bởi do túc tập từ trước. Đây là chỉ cho thần thông của ngài Mục-kiền-liên, mà chẳng phải pháp phân biệt của ý thức có thể phát ra được. Do ý thức phân biệt duyên theo trần cảnh không thể phát ra thần thông là để hiển bày, nhân nơi xoay tâm quang trở lại tính yên lặng mà phát hiện, chứ chẳng phải việc của ý thức.*

*Pháp phân biệt là pháp thuộc về ý, nên gọi là pháp phân biệt.*



## CHI 6. LỰA RA BẢY ĐẠI

**Nếu quán về tính của địa đại,  
Thì nó ngăn ngại không thông suốt,  
Pháp hữu vi không phải chân tính,  
Thì làm sao được tính Viên Thông?**

*Ngài Trì Địa Bồ-tát nhân nơi đất tâm được bằng, nên thấy vi trần nơi thân và vi trần tạo thành thế giới đều không có tự tính, không xúc chạm lẫn nhau, nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa ngộ được tri kiến Phật. Đây là lựa ra tính đất vốn ngăn ngại thuộc pháp hữu vi, vẫn từ nơi chưa chứng Viên Thông mà nói, tức là căn cứ nơi sơ tâm, tuy đã phát minh căn bản trí, song rời trần giác ngộ được tính không, cũng không phải là chỗ để chọn lựa vậy.*

**Nếu quán về tính của thủy đại,  
Quán tướng đâu phải là chân thật;  
Thể như như không do giác quán,  
Thì làm sao được tính Viên Thông?**

*Ngài Nguyệt Quang Đồng Tử nhân dùng pháp tu quán nước, quán nước trong thân với nước ngoài. Hương thủy đồng nhau không sai khác, bỗng nhiên quên thân hòa hợp với tính*

*chân không, một vị lưu thông, chúng được pháp vô sinh nhãn. Dùng chỗ chúng Viên Thông của ngài Nguyệt Quang, trông về hàng sơ phát tâm, thoát ngoài thân căn xoay lại tu tập, sợ e dính mắc vào giác quán chẳng phải chân thật. Nên nói thể như như chẳng phải là giác quán, nghĩa là tính như như không phải do giác quán mà chứng được. Giác quán thuộc quả Sơ thiền, có giác, có quán không rời tướng niệm vậy.*

**Nếu quán hỏa đại, trừ dâm dục,  
Chán cái có không phải thật ly;  
Phương tiện không hợp với sơ tâm,  
Thì làm sao được tính Viên Thông?**

*Ông Ô-sô-sắt-ma do quán hơi nóng trong thân, thần quang bên trong ngưng động, hóa tâm đa dâm thành lửa trí tuệ, lưu thông không ngăn ngại, sinh ngọn lửa báu lớn. Đây là lựa ra, do tâm nhàm chán mà được xa lìa, chẳng phải được tính xa lìa, đối với hàng sơ tâm muốn vào quả giác, trở lại thành ngăn ngại.*

**Nếu quán về tính của phong đại,  
Động tịnh đâu phải không đối đãi;  
Đối đãi trái với Vô Thượng Giác,  
Thì làm sao được tính Viên Thông?**

*Bồ-tát Lưu Ly Quang nhân quán thân tâm thế giới đều là vọng duyên của sức gió lay động, tức là ở nơi “sở động” phát minh tính bất động, ngộ được thật tướng các pháp. Nay dùng pháp quán gió động, tịnh đối đãi nhau, nghĩa là không phải hàng sơ tâm dùng phương tiện xoay trở lại mà tu tập, còn có chướng ngại tính viên dung, nên ở đây lựa riêng ra vậy.*

**Nếu quán về tính của không đại,  
Hư không vô tri không hay biết;  
Không biết khác hẳn với Bồ-đề,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Bồ-tát Hư Không Tạng nhân quán tứ đại không chỗ nương, vọng tưởng thì sinh diệt, hư không không hai. Cõi Phật là đồng, ở trong cái đồng mà phát minh vào Tam-ma-địa, sức mâu tròn sáng. Đây là lựa ra cái ngoan không có u mê tối tăm cùng với tính Bồ-đề hẳn nhiên sai khác, là riêng căn cứ nơi quán không mà nói. Nếu với hàng sơ tâm phát minh tính giác chân không, chỗ thói quen xoay lại thì không nên áp dụng phương pháp quán này. Vì hư không nhân nơi trái với tính giác mà thành mờ tối, nên gọi là hư không vô tri không hay biết, không hay biết thì khác với Bồ-đề vậy.*

**Nếu quán về tính của thức đại,  
Thức sinh diệt đâu phải thường trụ;  
Để tâm trong phân biệt hư vọng,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Bồ-tát Di Lặc nhân tu Định Duy Tâm Thức thành tựu được diệu viên thức tâm Tam-muội tột hư không cõi nước của đức Như Lai, nào là tịnh uest, có không, do tâm ta biến hóa hiện ra. Do hiểu rõ Duy Tâm Thức như vậy, nên thức tính lưu xuất vô lượng Như Lai, xa lìa hai món chấp được pháp vô sinh nhẫn. Nay lựa ra thức không phải thường trụ, tức khiến cho rời cảnh còn tâm cũng đồng với sinh diệt. Ở đây tuy chưa từng phát minh chỉ do tâm hiện ra sự vật, sự vật hiện ra chỉ do tâm. Song đối với hàng sơ tâm muốn vào tính giác, lý xoay vọng để phù hợp với tính giác cũng chưa viên diệu vậy.*

**Tất cả các hành đều vô thường,  
Tưởng niệm vốn trong vòng sinh diệt,  
Nhân và quả khác nhau như thế,  
Thì làm sao được tính viên thông?**

*Niệm có sinh có diệt, nhưng tính của niệm vốn không sinh diệt. Nếu tịnh niệm liên*

tục, ấy là dùng niệm sinh diệt hợp với tính không sinh diệt. Như khi con nhớ mẹ, giống như mẹ nhớ con, nhớ Phật, niệm Phật nhất định thấy Phật, lý sự không ngại vậy.

Bồ-tát Đại Thế Chí do niệm Phật Tam-muội thấu nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm liên tục. Nghĩa là người thấu nhiếp sáu căn và sáu căn dùng làm một niệm, thấu nhiếp một niệm trở về tự tính của niệm. Đây là người chân thật được Tam-ma-địa. Nay lựa ra tính của niệm là vô thường, ngại cho tịnh niệm chưa dễ gì liên tục, đối với hàng sơ tâm muốn vào tính giác sẽ bị chướng ngại.

Chọn lựa căn “Viên Thông”, là lựa ra không phải hàng sơ tâm hiện tiền, có thể xoay tập quán trở lại thành tu chứng mà lựa ra đối với các vị Thánh. Trong hai mươi bốn vị Thánh những phương tiện thuận nghịch đều được Viên Thông. Chính khi chưa được Viên Thông, chỉ tùy theo chỗ quan trọng lấy đó làm pháp đối trị, nên có chỗ đáng phải lựa ra ở đây, chỗ đáng phải chọn lựa kia riêng không nhất định. Biết được căn tính của đương cơ chọn lựa cho thích nghi, tức là biết ý dụng đối cơ để chọn lựa. Biết dụng ý chọn lựa nhiên hậu mới dụng tâm để chọn lựa, đều do làm thành tựu cho hàng sơ

tâm, xoay tập khí trở thành chứng ngộ. Nên phàm không thể phát minh căn bản trí, rốt ráo các sai biệt để tột chỗ lưu thông sáng suốt, thì ắt còn phải lựa chọn vậy.

Nay xét trong việc Ngài Văn Thù lựa căn, trước hết nêu sắc trần cho là vọng tưởng kết tụ, nên đối với tính tinh thuần rốt ráo của hàng sơ tâm chưa dễ gì rửa sạch, thì nói đến thấu triệt phải là kẻ đương cơ. Ông A-nan đã trải qua rõ ràng thích thú được không ngăn ngại, nên mới lựa căn tu chứng, chỉ vì để trừ bỏ tập khí làm chướng ngại, hoặc là phân biệt ngã pháp, há không phải trước ông đã tỏ ngộ hay sao? Ở đây nếu còn bị sắc trần làm chướng ngại, thì tính nghe cũng khó mà thành tựu chứng quả được. Các nhà sơ giải đối với việc này, chỉ căn cứ nơi văn kệ, riêng tôi cho rằng phải có chỗ hội thông vậy.

Kinh Hoa Nghiêm hàng Thập trụ sơ tâm, khi phát minh được tự tính, thì đã cùng với Phật đồng hàng, rồi sau mới tiến lên Thập hạnh, trải qua Thập hồi hướng cho đến cùng tột các địa. Xét tột nơi sai biệt không khác trí căn bản mà cũng phải một phen hướng về. Nên biết quả vị tu chứng của Đại thừa vẫn không thể cho là pháp chân thật vậy.

## ĐOẠN IV

### LỰA CĂN VIÊN THÔNG

#### CHI 1. HỢP VỚI GIÁO THỂ CÔI TA BÀ

**Nay con kính bạch đức Thế Tôn,  
Phật ra đời nơi cõi Ta-bà,  
Trong cõi này lối dạy chân thật,  
Thanh tịnh do chỗ nói và nghe;  
Nay muốn tu chứng Tam-ma-đề,  
Thật nên do cái nghe mà vào.**

*“Nay con kính bạch đức Thế Tôn”, sáu câu trở xuống là tóm kết vâng lời Phật dạy, nương theo phương tiện để chọn lựa căn Viên Thông. Trong hai mươi bốn vị Thánh đã chọn lựa vốn không thích nghi nơi căn cơ của chúng sinh ở phương này. Như các cõi Phật khác, có cõi Phật thì dùng hào quang sáng mà làm Phật sự; hoặc có cõi Phật dùng cây Bồ-đề làm Phật sự; hoặc có cõi Phật dùng vườn, rừng, đài tạ (lầu cao) làm Phật sự; hoặc có cõi Phật dùng các thứ hương làm Phật sự, không đồng với lối dạy chân thật trong cõi này, là dùng lời nói để tuyên bày cho chúng sinh nhận hiểu, cốt yếu nhân nghe mà được vào. Do lý “bị nghe” đối với căn “hay nghe” mà được tính nghe chân thật,*

được vào dòng Viên Thông mà không còn tướng bị nghe nữa. Cái nghe đã cùng tột, cái biết cũng không, thành tự tính vắng lặng chân thật. Đây là Tam-ma-địa thật do ở tính nghe mà được vào vậy.

Dùng lời nói để diễn bày giáo nghĩa quyền và thật rõ ràng, không xen các luận thuyết của thế gian, ấy gọi là âm thanh thanh tịnh. Do nghe tiếng mà lãnh thọ như được cá quên nôm, gom về tự mình ấy là cái nghe thanh tịnh. Thế nên có tiếng mà không nghe, có nghe mà không có tiếng, đều không thành lời dạy. Tiếng và nghe lẫn bày, mỗi bên đều được thanh tịnh là hình thức giáo hóa chân thật ở cõi này. Hình thức giáo hóa ấy phải thuận theo phương và thích nghi, chọn cái nghe chính phải nương căn cơ mà thành lập. Nên nói: “Muốn tu chứng được Tam-ma-đề, thật do dùng cái nghe mà được vào”.

## CHI 2. XUNG TÁN ĐỨC QUÁN THẾ ÂM

**Xa rời khổ não, được giải thoát,  
Rất hay thay! Ngài Quán Thế Âm.  
Trong nhiều kiếp như cát sông Hằng,  
Vào cõi Phật như số vi trần.  
Được sức tự tại rất rộng lớn,**



**Bố thí vô úy cho chúng sinh.**

**Ngài Quán Thế Âm tiếng nhiệm mầu.**

**Tiếng trong sạch và tiếng hải triều;**

**Cứu đời mọi việc thảy an lành,**

**Xuất thế gian được quả thường trụ.**

*Hai câu đầu xưng tán Bồ-tát Quán Thế Âm được tính nghe chân thật. Khi đến quả tịch diệt hiện tiền, thì bỗng nhiên siêu vượt là ngũ trụ hoặc hoàn toàn dứt sạch; hai thứ tử (biến dịch tử và phân đoạn tử) hằng dứt, nên gọi là “lìa khổ mà được giải thoát”. Lại hai câu kế là khen ba mươi hai ứng thân; hai câu kế nữa khen mười bốn món vô úy; lại hai câu khen đức tướng và danh hiệu đều lẫn thảy. Lý và trí cả hai đều viên dung gọi là “Diệu”. Thanh tịnh không như bản, gọi là: “Phạm”. Đức Quán Thế Âm vì lòng Đại bi thuận thực ứng hiện trong muôn vật, không chỗ nào chẳng đến, có cảm liền ứng, không mất thời gian, như thủy triều có thời tiết. Từ nghe mà được Diệu, thì không gọi là “Diệu văn” mà gọi “Diệu âm”. Bởi vì nghe thì có ta và người, còn tiếng thì không có mình và kẻ khác; trần trần đều chân, pháp pháp đều như vậy. Hai câu cuối: Cứu giúp cùng tột để làm lợi ích chúng sinh; cứu khổ ban vui bình*

*đẳng cả thế gian và xuất thế gian, nghĩa là câu đại Niết-bàn được đại Niết-bàn vậy.*

### CHI 3. XUNG TÁN NHĨ CĂN

**Nay con kính bạch đức Như Lai,  
Như lời ngài Quán Âm vừa nói:  
Thí như có người ở chỗ vắng,  
Chung quanh mười phương đều đánh trống  
Mười chỗ đồng thời đều được nghe,  
Như thế mới chân thật viên thông.**

*Đây là căn cứ nơi chúng sinh hiện tiền, nếu có tiếng thì đều nghe, có nghe thì đều nghe khắp không có xa gần, trước sau, để hiển bày tính nghe cùng khắp và viên mãn. Do tiếng mà ánh hiện ra cái nghe, do nghe dính liền với tiếng, đều không có đứt đoạn, cũng không có ranh giới, tính tướng, tự tha một thời viên dung và hòa hợp, không nhân tu chứng, cũng không đối đãi. Cái không của nhĩ môn ở nơi đây có thể tột vậy.*

**Mắt bị ngăn che, không thấy được,  
Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy.  
Thân căn lúc hợp mới biết xúc,  
Ý căn lảng xãng không mới manh.**

**Cách vách nhĩ căn vẫn nghe tiếng,  
Dầu xa dầu gần đều nghe được.  
Năm căn so sánh thật không bằng,  
Như thế mới chân thật viên thông.**

*Đây là dùng năm căn để chỉ ra nhĩ căn không ngăn ngại, nghĩa là Viên Thông chân thật. Xa gần là căn cứ nhĩ căn của chúng sinh, chỗ cách nhau hoặc xa hoặc gần đều không chướng ngại, chẳng phải như năm căn, nên mới dùng các bậc Thánh để phân rõ thiệt căn, tỷ căn và thân căn đều phải hợp lại mới biết. Câu “cũng lại như vậy” là trở ngược xuống câu văn sau vậy.*

**Tính thanh trần có động có tĩnh,  
Trong tính nghe thành có, thành không.  
Khi không tiếng gọi là không nghe,  
Đâu phải thật không còn tính nghe;  
Không tiếng tính nghe đã không diệt,  
Có tiếng tính nghe đâu phải sinh;  
Trọn rời cả hai thứ sinh diệt,  
Như thế mới là thường chân thật.**

*Có tiếng là tướng động, không tiếng là*

*tướng tĩnh. Động và tĩnh đều căn cứ nơi tiếng (có tiếng hoặc không tiếng) mà trong tính nghe nguyên không có hai. Đã không có hai tướng, thì khi không có tiếng; chỉ nói rằng không nghe, chớ chẳng phải không tính nghe. Nên biết tính nghe vẫn thường còn, chẳng theo âm thanh mà có sinh có diệt. Nên nói “không tiếng đã không diệt thì có tiếng cũng không phải sinh”, nghĩa là hoàn toàn xa lìa thì tính nghe thường vắng lặng. Từ xưa nó vốn là như vậy, bỗng vượt hẳn ngoài cái nghĩa động tĩnh, có và không. Như thế mới là thường chân thật.*

**Dấu cho trong lúc đang ngủ mê,  
Chẳng vì không nghĩ mà không nghe.  
Tính nghe ra ngoài sự suy nghĩ,  
Thân, ý không thể so lường được.**

*Xét về khi ngủ mê đã bật hết suy nghĩ mà vẫn còn nghe tiếng chày giã gạo rõ ràng, càng thấy rõ tính nghe ra ngoài sự suy nghĩ, thì thân tâm há có thể bì kịp được sao? Giác tức là thể của tính nghe, Quán là dụng của tính nghe. Thân gồm cả ba căn: Nhãn căn, tỷ căn, thiệt căn, tâm là chỉ cho ý căn; cũng là ý chỉ năm căn, không sánh bằng.*

## CHI 4. TRÁCH NGHE NHIỀU VÀ KHUYÊN TU

**Hiện nay, trong cõi Ta-bà này,  
Các thứ thanh luận được truyền bá,  
Do chúng sinh quên mất tính nghe,  
Theo thanh trần nên bị lưu chuyển.  
A-nan tuy có tính nhớ dai,  
Vẫn không khỏi mắc các tà niệm;  
Há không phải tùy chỗ đắm chìm,  
Xoay ngược dòng thoát khỏi hư vọng.  
Thanh luận vốn dùng để chỉ rõ tính nghe.**

*Chúng sinh từ lâu đã mê mờ quên tính nghe mà chỉ chạy theo tiếng dạy, luống sinh phân biệt, tức khiến cho nghiên cứu tột chỗ huyền vi không có chỗ tiêu dùng trở về, ngược lại bị lý làm chướng ngại, do đó bị lưu chuyển. Bởi để trách ông A-nan dầu có nhớ giỏi, chỉ càng thêm học rộng mà đối cảnh niệm tà vẫn còn bị chìm đắm. Xoay ngược dòng, tức là “quên sở”. Sở đã quên thì cái nghe cũng hết, tính giác rõ ràng chỉ trong khoảng trở tay.*

**A Nan, ông hãy chín chắn nghe,  
Nay tôi nương oai lực của Phật,  
Tuyên nói pháp Tam-muội Chân Thật,**

**Chắc như Kim Cương Vương như huyễn,  
Không nghĩ bàn xuất sinh chư Phật.  
Ông nghe tất cả pháp bí mật,  
Của chư Phật số như vi trần,  
Nếu trước hết không trừ dục lậu,  
Chứa nghe nhiều chỉ thành lầm lỗi,  
Dùng cái nghe thụ trì Phật pháp,  
Sao ông không tự nghe cái nghe.**

*Đức Thế Tôn lập lại kệ (ở đoạn trước) rằng: “Thế nên gọi là Diệu Liên Hoa, là Kim Cang Vương Bảo Giác, là Tam-ma-đề như huyễn, khải móng tay vượt lên hàng Vô học”. Mới biết Chính định cứng chắc như Kim Cang, như huyễn xuất sinh ra chư Phật tức là tính nghe này vậy. Ông A-nan đã trải qua nhiều kiếp nghe nhiều pháp bí mật của tất cả Như Lai, đều nhớ hết mà riêng không thể trừ dục lậu. Đây để thấy cái lầm chứa chất chỗ nghe nhiều, xưa nay đều như vậy. Đâu biết rằng âm thanh và giáo pháp nói ra là để phát minh việc gì? Nếu hay phản quán lại tính nghe, mới biết pháp bí mật chỉ tại trước mắt. Tột cái nghe không dừng trụ, tính giác vắng lặng hoàn toàn viên mãn, là tự tính Tam-muội, cũng như Kim Cang. Tất cả pháp Sum-la như huyễn không thể*

*ngĩ bàn. Chư Phật Như Lai đều từ đó mà xuất sinh, nên nói là mẹ của chư Phật.*

**Tính nghe không phải tự nhiên sinh,  
Nhân thanh trần mà có danh hiệu.  
Xoay cái nghe thoát ly thanh trần;  
Cái hay thoát ấy gọi là gì?  
Một căn đã trở về bản tính,  
Thì cả sáu căn thành giải thoát.**

*Đây là chỉ thẳng tính nghe, tức tính giác chân thật. Vì ở trong vị trí mê, nên theo trần mà dong ruổi gọi đó là nghe. Nếu ở trong cái nghe mà nhập lưu (vào dòng chân tính) vong sở (quên tiếng) thì tiếng và nghe đều dứt; tiếng dứt thì động tịnh không sinh, nghe hết thì không và giác tự sáng, vậy còn có cái gì mà gọi là tính nghe? Một căn đã như vậy, sáu căn cũng thế. Được giải thoát tức là tột cái nghe không dừng trụ. Đây há không phải là tính giác rỗng lặng tột cùng viên mãn hay sao?*

**Thấy nghe như bệnh lừa huyền hóa,  
Ba cõi tợ hoa đốm trong không.  
Xoay cái nghe gốc lừa tiêu dứt,  
Trần tướng tiêu tính giác viên tịch.**

*Hoa đốm hiện trong hư không do con mắt bệnh nhặm mà có, là dụ cho ba cõi, nhân nơi thấy nghe mà hiện ra. Hư không vốn không có hoa đốm, con mắt nguyên không có bệnh nhặm. Nói con mắt nhặm, là từ tính giác minh một phen bị vọng động mà vọng có sáu căn. Cái hiểu biết cứ rong ruổi, không thể tự xoay trở lại, bèn khiến cho thể viên tịch bị lưu chuyển nơi cửa sáu căn mà không có người hay biết, thoát vậy làm qua. Nếu hiểu từ trong tính nghe, nhập lưu vong sở thì trần tiêu, tính giác được an tịnh. Há đợi tiêu dừng.*

**Tột thanh tịnh trí quang thông suốt,  
Thể tịch chiếu cùng khắp hư không.  
Trở lại xem các việc thế gian,  
Thật giống như chiêm bao không khác.  
Bà Ma-đăng-già trong mộng kia,  
Còn ai đâu bắt ông được nữa?**

*Đây là nương nơi trần tướng tiêu hết mà tính giác được yên lặng. Tột thanh tịnh nghĩa là dứt hết cái bị nghe (vong sở) và “cùng tột tính nghe”, nên thể giác được sáng suốt viên dung. Bên trong lóng đứng tịch chiếu, bên ngoài trùm khắp cả hư không. Kinh Lăng Già gọi là vì tính rỗng không nên bắt không chỗ có*



vậy. Do lấy tâm rỗng rang sáng suốt tịch chiếu này mà xem các thể gian, đâu không phải việc trong mộng! Nên biết, ba cõi mộng huyễn ở trong thể tính yên lặng như sóng nắng, hoa trong không, không rơi vào có và không, thân tâm siêu vượt. Như bóng nhận bay qua hư không, hình ảnh và dấu vết không còn lưu lại. Kinh Viên Giác nói: “Như tiếng boong trong cái chuông, tiếng vang ra bên ngoài”. Hình ảnh từ tâm lưu chuyển, tâm đã siêu vượt, thì hình ảnh đâu còn lưu lại. Nếu ngộ được việc bà Ma-đăng-già như mộng, há có thể lưu giữ chỗ A-nan đã tỉnh thức của ông sao?

**Như các huyễn sư khéo trong đời,**

**Làm trò hóa ra các trai gái;**

**Tuy thấy các căn đều cử động,**

**Cốt yếu do cái máy giựt dây,**

**Máy dừng tất cả đều yên lặng,**

**Các trò huyễn trở thành không tính.**

Ngài Trường Thủy lấy huyễn sư dụ cho chân tính, lại lấy huyễn sư dụ cho vô minh. Riêng tôi cho rằng, nếu thiên một bên đều sai, mà phải hợp cả hai dụ vậy. Bởi do vô minh tức là chân như, bất giác mà thành huyễn hóa, nên có sáu căn nam nữ, kỳ thật đều do vọng thấy.

*Như một cái máy giặt dây làm cho có tương động. Nếu vông kiến hết, cái máy ngừng thì sáu dụng đều xoay trở lại vốn không tự tính vậy.*

**Cả sáu căn cũng giống như thế,  
Vốn đều nương một Tính Tinh Minh,  
Chia ra thành sáu thứ hòa hợp;  
Một nơi đã rời bỏ quay về,  
Thì cả sáu đều không thành lập;  
Liên ngay đó trần cấu đều tiêu;  
Chuyển thành tính viên minh tịch diệu.**

*Trên là năng dụ, ở đây chỉ ra pháp sử dụ và chỉ rõ nghĩa một căn nếu xoay trở lại về nguồn, thì cả sáu căn đều thanh tịnh. Trần cấu liền đó tiêu trừ, do nhận được chỗ mê ngộ chóng hợp lại mà xoay vẫn. Nghĩa là mê thì toàn chân tức là vọng, ngộ thì toàn vọng tức là chân; vốn tự sáng suốt nhiệm mầu thường tại nơi sáu căn, giác ngộ tức là y nhiên vậy.*

**Còn trần cấu tức còn học vị,  
Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.**

*Trên đã nói trần cấu liền đó tiêu trừ thành tựu được tính viên minh tịch diệu. Nghĩa là trần cấu vốn không tự tính, tính viên minh tịch diệu*

vốn tự viên thành. Xưa vốn không mê, nay cũng không ngộ, sơ tâm chóng thấu triệt, lại không có nghĩa thừa. Hàng Thập trụ sơ tâm tức đồng với Phật không khác. Ở đây nói “trần cấu nếu còn sót thì còn ở vị hữu học” (chưa được vô học). Chính chỉ cho tập khí hai thứ chấp (ngã pháp) đến hàng Thập địa về sau mới dứt sạch, nghĩa là viên dung (đốn) không ngại hành bố (tiệm) vậy. “Sáng suốt cùng tột, tức Như Lai”, không nói hạnh tột là phải biết trí sai biệt cùng tột. Chỉ là viên mãn căn bản trí, đều không phải việc khác vậy.

**Hỡi Đại chúng và ông A Nan,  
Hãy xoay lại cái nghe điên đảo,  
Xoay cái nghe về nghe tự tính,  
Nhận tự tính thành đạo Vô thượng;  
Thật tính Viên Thông là như thế.**

Đây là khuyên xoay cái nghe trở về tự tính, nhân đó mới chỉ xác thật tính nghe, tức là chân như diệu giác của Như Lai lại không riêng có. Đây tức là chân thật Viên Thông vậy. Nghe điên đảo nghĩa là tính nghe vốn nhiệm mầu, do mê vọng theo trần cảnh nên gọi là điên đảo, để chỉ rõ xoay cái nghe trở lại, thì tính nghe tự nhiệm mầu cùng với Phật không khác.

## CHI 5. HỘI CÁC PHÁP MÔN TRONG BA ĐỜI, LẶP LẠI ĐỂ CHỌN LỰA PHƯƠNG TIỆN

**Đây chính là một đường thẳng tiến;  
Vào Niết-bàn của vi trần Phật.  
Các đức Như Lai thuở quá khứ,  
Đã thành tựu đều từ môn này;  
Các vị Bồ-tát trong hiện tại,  
Nay mỗi vị đều vào viên minh,  
Cùng những người tu học đời sau,  
Đều phải nương theo pháp môn đó,  
Tôi cũng do pháp ấy mà chứng,  
Không riêng gì ngài Quán Thế Âm.**

*Đây là tán thán phương pháp xoay lại tính nghe là một con đường thẳng tiến đến Niết-bàn. Nêu ra chư Phật quá khứ, chư Bồ-tát hiện tại dùng để làm phép tắc cho tương lai soi theo, hầu dẫn dắt họ trở về với chính mình và đều thấy một đường duy nhất thẳng tiến đến Niết-bàn, quyết không có lối rẽ vạy.*

**Thật như lời đức Phật Thế Tôn,  
Đã hỏi con về các phương tiện,  
Để cứu giúp trong đời mạt pháp,  
Những người cầu ra khỏi thế gian,**

**Thành tựu được tâm tính Niết-bàn,  
Ngài Quán Âm chính là hơn cả.  
Ngoài ra còn các phương tiện khác,  
Đều là nhờ uy thần của Phật,  
Từ sự tướng rời bỏ trần lao.  
Không phải phép tu học thường xuyên,  
Cạn hay sâu cũng đồng nghe được.**

*Bốn câu đầu, nguyên là ý vâng lời Phật dạy. Hai câu kế là tóm kết về chọn lựa căn Viên Thông mà Nhĩ căn là bậc nhất. Ba câu tiếp là nói rõ hai mươi bốn vị Thánh đều tùy theo các trần lao thứ nào nặng, nhân nơi sự mà xa lìa. “Sự” nghĩa là thất đại, thập bát giới đều là nhờ uy thần của Phật. Luận Khởi Tín nói: “Các người tu hành nếu không có chư Phật Bồ-tát hiển hiện che chở thâm gia bị, thì quyết định không thể thành tựu”. Hai câu kế tiếp là ngược lại chỉ rõ Nhĩ căn mới gồm nhiếp cả ba căn cơ, cạn hay sâu đều chứng được. Đây mới có thể thường xuyên tu tập, đồng nhất nghe được cả vậy.*

## CHI 6. LỄ NHƯ LAI TẶNG CẦU GIA BỊ

**Xin đánh lễ tính Như lai tặng,  
Vô lậu không còn sự nghĩ bàn,**

**Nguyện gia bị cho đời vị lai,  
Nơi pháp môn này không lầm lẫn.  
Đây là phương tiện để thành tựu,  
Nên đem dạy cho ông A Nan,  
Và những kẻ trăm luân mạng kiếp;  
Chỉ dùng nhĩ căn mà tu tập,  
Thì viên thông chóng hơn pháp khác,  
Tâm tính chân thật là như thế.**

*Mười phương ba đời tất cả chư Phật Bồ-tát và ba cõi, hai mươi lăm loài đều do tạng tâm Như Lai hiện ra. Tâm ấy bao trùm cả chân vọng, bởi thường viên mãn tùy theo mê ngộ mà không dựng lập. Đây là cảnh giới bất tư nghì mà Bồ-tát Văn Thù rất mực phát minh rõ ràng. Vì nghĩ đến đời vị lai, nên câu Phật gia bị chớ vượt qua căn này để dễ được thành tựu. Người tâm chân thật thì Ngài Văn Thù tự nói đích xác là do bản tâm thật biết, thật thấy, chứ không phải đồng với chỗ tùy cơ.*

*Mê vốn không nhân, ngộ cũng không phải ngày nay mới có. Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sinh đã thành Phật đạo”. Đây là các đức Như Lai trong ba đời, từ Thập tín mãn tâm, cho đến Đẳng giác và Diệu giác về sau mới chứng biết chính mình đã thành Phật đạo, chứ*

không phải lấy lý mà suy diễn. Song thế nào gọi là chúng sinh? Bởi do không tự tin mình (có Phật tính). Thế nào chẳng tự tin mình? – Vì đã thành Phật vậy.

Xét về, Phật không phải tự là Phật, mới là Phật chân thật; chúng sinh chẳng phải tự là chúng sinh, mới là chúng sinh. Đức Phật sở dĩ chứng đến cùng tột quả Diệu giác, rồi sau mới biết chẳng phải tự là Phật. Chúng sinh sở dĩ lưu chuyển tột trong tam đồ, rồi sau mới biết chẳng phải tự là chúng sinh. Biết mình chẳng phải tự là Phật mới có thể tin sâu nơi chúng sinh, biết mình chẳng phải tự là chúng sinh mới hay tin sâu nơi Phật. Nên chúng sinh do tin Phật làm sơ cơ, Phật do tin chúng sinh làm cứu cánh. Xét về, do tin chúng sinh làm cứu cánh, hẳn là chẳng chịu khiến cho kẻ sơ tâm chẳng hay tự tin, mà chú trọng ở nơi đường tu chúng, do tự mê lầm và mê lầm cho người khác rất tỏ rõ vậy.

Người hiểu mà không tự tin, nên ban đầu dẫn dắt khiến họ trở về, kể nói đường đi, rồi sau mới nói việc đến nhà, mà chẳng biết cái lỗi không đi mà muốn được mau, chẳng được mau muốn mau đến. Khi tự biết trở về, thì cái biết ấy đã lâu rồi, nhưng phải đợi đến nhà mới tin sâu. Thế thời, Phật và Bồ-tát đối với việc này lại phải làm gì ư?

Ngài Văn Thù lựa căn nói: “Thí như người ở chỗ vắng, mười phương đều đánh trống, đồng thời nghe khắp cả mười chỗ”. Đây là viên chân thật. Ở đây nói, chỗ ngộ tính nghe của hàng sơ tâm, mà đối với chúng sinh hiện tiền tính nghe vẫn đầy đủ viên mãn, chẳng phải riêng có đường sá vậy.

Lại nói: “Cách vách nghe tiếng vang, xa gần đều được nghe, năm căn không bằng, ấy là thông chân thật”. Xét kỹ ai chẳng nghe tiếng, và ai hạn cuộc xa gần, cũng có thể do nhật dụng hằng ngày mà chúng biết.

Lại nói: “Không tiếng gọi là không nghe, không phải thật không có tính nghe. Không tiếng tính nghe không diệt, có tiếng tính nghe không sinh, sinh diệt cả hai đều là, ấy gọi là thường chân thật”. Ở đây há có đợi tu tập rồi sau mới được thường trụ như thế ư? Đến như ở trong chiêm bao nghe tiếng chày giã gạo, vượt ra ngoài cả cái suy nghĩ. Tự nghe lại tính nghe thì nghiệm nhiên ở trong Tam-muội, liền đó trần cấu tiêu tan, tính sáng suốt nhiệm mầu thành tựu viên mãn. Đây đều là chỗ chỉ bày cửa tu chứng bậc Đại Trí, mà đối với nhĩ căn ngược lại bày hiện thẳng tắt, nhiên hậu mới biết chúng sinh đã thành Phật đạo. Ban đầu đối với



*hàng sơ tâm rõ biết duyên có, mà hẳn phải đợi đến cứu cánh mới được thân chứng. Như chưa rót ráo mà chóng bỏ lộ trình, nếu chẳng phải bậc ấy thì chỉ thành lầm lỗi. Hoặc lại chỉ ra hành bố (tiệm) rót cuộc chướng ngại viên dung (đốn). Và lại, đức Như Lai ra đời vì một nhân duyên lớn: “Tóm tắt mà nói, chỉ là “Tri kiến Phật”. Nếu có một pháp vượt hơn Niết-bàn, tôi quyết nói là ma nói”.*

*Xem rõ các nhà sơ giải hoàn toàn hiểu chỗ bàn thẳng tắt, nhưng một phen đề cập đến việc tu trì liền bị câu chấp nơi ngôi vị đặt ra, tức là vượt ra ngoài Tông ta (Thiền tông), cũng chưa có thể qua khỏi được, há lại có sự cảm kích khiến người kính phục sao?*

## ĐOẠN V

### NGHE PHÁP ĐƯỢC CHÚNG NGỘ

**Khi ấy, ông A-nan và Đại chúng thân tâm tỏ rõ nhận được sự chỉ dạy rộng lớn, xem quả Bồ-đề và đại Niết-bàn của Phật cũng như người nhân có việc đi xa chưa trở về, song đã biết rõ con đường về nhà. Khắp trong hội chúng Thiên, Long, Bát-bộ cùng hàng Nhị thừa hữu học và tất cả các vị Bồ-tát mới phát**

tâm, số lượng bằng mười số cát sông Hằng đều nhận ra bản tâm, xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh. Bà Tánh Tỳ-kheo Ni nghe nói bài kệ xong thành quả A-la-hán, không lường chúng sinh đều phát tâm vô đẳng đẳng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

*Đức Như Lai sắp sai ngài Văn thù lựa căn, nên từ ngũ thể phóng hào quang rọi đến mười phương chư Phật Bồ-tát. Mười phương chư Phật cũng từ ngũ thể phóng hào quang rọi đến đức Như Lai hiện tại, cùng các vị Bồ-tát và A-la-hán trong pháp hội v.v... đồng thời nhờ hào quang ấy đều chứng được Kim cang Tam-muội. Đến đây lựa căn đã xong, khắp trong pháp hội, cả Đại chúng Thiên, Long, Bát-bộ các hàng Nhị thừa hữu học, các vị Bồ-tát tân học nghe nói kệ xong đều nhận ra bản tâm, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh kia. Được Kim cang Tam-muội, tức ở đây đều nhận được bản tâm. Pháp nhãn thanh tịnh, so với kinh Hoa Nghiêm hàng thập trụ sơ tâm, từ Thập tín đầy đủ, mới nói rằng ngộ tự tâm sẵn có, cho là cùng với Phật đồng nhau. Kim cang Tam-muội, chính là sở chứng của hàng Thập địa. Quả vị sơ tâm cho đồng với Phật, thì cũng phải cho rằng được Tam-muội ấy. Bồ-tát mới phát tâm chỉ ngang với cửa tín, đến*

bát trụ này tự có thể minh chứng. Ông A-nan thân tâm trước đã sáng tỏ, thích thú được chỗ không ngăn ngại. Chính ngang với sơ trụ, nay nói chưa được trở về mà đã rõ biết con đường trở về nhà mình, há không phải rất sáng tỏ chỗ pháp hạnh của hàng Thập địa, ngõ hầu đến cực quả hay sao? Phát tâm Bồ-đề là vào Tín vị, có điều lạ là Bà Tánh Tỳ-kheo Ni trước đã chứng vô học, mà lại không thể lấy sơ tâm của hàng Đại thừa so sánh chỗ hơn kém vậy.



## CHƯƠNG BA

# RỘNG ĐỂ LẠI KHUÔN PHÉP TU HÀNH

---

### MỤC I: NHÂN ÔNG A NAN XIN CỨU ĐỘ ĐỜI VỊ LAI – PHẬT NÊU CHUNG BA NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Ông A-nan sửa y phục chỉnh tề, ở trong Đại chúng chấp tay đánh lễ, tâm tích tròn sáng vừa mừng vừa tủi. Vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh đời vị lai nên cúi đầu bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn đại bi, nay con đã ngộ được pháp môn thành Phật, nên ở trong ấy tu hành không còn nghi lẫm. Con thường nghe Như Lai dạy như sau: Tự mình chưa được độ, trước muốn độ người là chỗ phát tâm của các vị Bồ-tát; tự mình giác ngộ viên mãn, mà hay giác ngộ cho người khác là sự ứng thế của đức Như Lai. Con tuy chưa được độ, song nguyện độ cho tất cả chúng sinh đời mạt pháp. Bạch đức Thế Tôn, các chúng sinh đó cách Phật dần xa, những tà sư nói pháp như cát sông Hằng, muốn nhiếp tâm kia vào Tam-ma-địa thì nên khiến họ dựng lập đạo tràng; thế

**nào để xa lìa các ma sự, đối với tâm Bồ-đề không lui sụt?”.**

*“Tâm” tức là tâm đã ngộ. “Tích” tức là dấu vết sắp chứng. “Tủi” là tủi cho xưa bị mê. “Mừng” là mừng cho nay đã ngộ. Nhơn tự nghĩ đến người khác, tức là hiện nay thương xót người sau, chính thật là mô phạm của Bồ-tát. Có Phật ắt có ma, có chân ắt có giả, kiến lập lẫn nhau, từ xưa là như thế. Chỉ nương theo chánh ngộ chánh tu, dùng làm khuôn phép cho người nương theo. Con đường nhiếp tâm có cửa nẻo, kiến lập đạo tràng phải theo phép tắc, sự thờ thầy đã đi qua, lý mở bày như hôm nay.*

**Khi ấy, đức Thế Tôn ở trong Đại chúng, khen ngợi ông A Nan: “Lành thay! Lành thay! Như ông đã hỏi, phương pháp kiến lập đạo tràng để cứu độ chúng sinh trầm luân trong đời mạt pháp. Nay ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông nói”.**

**Ông A-nan và Đại chúng, kính vâng nghe lời Phật dạy.**

*Kiến lập đạo tràng, nghĩ đến chúng sinh trầm luân đời sau, chính là bản hoài của đức Như Lai, nên mới khởi lên lời khen ngợi. Những tà thuyết trong thời mạt pháp, tức là*

*những tà thuyết xuất hiện trong Phật pháp, nên phải giữ gìn giới luật cho trang nghiêm, lấy tâm làm thành lũy, sự lý đều thu nhiếp để trở thành sức trợ giúp trong ngoài, ấy nên ngưỡng mong và gánh vác sức từ của Phật vậy.*

**Phật bảo ông A Nan: “Ông thường nghe, tôi ở trong Tỳ-nại-da, tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là nhiếp tâm làm Giới, như Giới sanh Định, như Định phát Huệ, ấy gọi là ba pháp vô lậu học.**

*“Tỳ-nại-da” Trung Hoa dịch là “Điều phục” nghĩa là điều luyện ba nghiệp chế phục lỗi lầm.*

*Ngài An Pháp sư nói: “Giới luật, Thiền định, Trí tuệ, cả ba là cửa ngõ để đến đạo Thánh và cũng là chỗ quan yếu để vào Niết-bàn”. Ngài Thập Công nói: “Trì giới hay uốn dẹp phiền não, khiến cho thế lực bị yếu kém; Thiền định hay ngăn phiền não, như bốn núi ngăn chặn dòng nước; Trí tuệ hay tiêu diệt phiền não, rớt ráo không dư thừa”. Nên kinh Niết-bàn nói: “Có phiền não thì không có trí tuệ, có trí tuệ thì không có phiền não”. “Vô lậu” nghĩa là không rơi rớt trong ba cõi. “Quyết định” nghĩa là các đức Phật đều nói như vậy.*

## MỤC II: CHỈ BÀY BỐN LỜI DẠY BẢO RÕ RÀNG VÀ QUYẾT ĐỊNH

---

### ĐOẠN I

#### DẠY NGHĨA QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN DÂM

**A-nan, thế nào thu nhiếp tâm, ta gọi là Giới?**

*Nhiếp tâm mà gọi là giới, bởi thâm chỉ tất cả duy tâm. Chẳng phải chỉ thúc liễm nơi thân, nên vẫn sau nói: Tâm ấy không dâm dục, tâm ấy không sát sinh, tâm ấy không trộm cắp. Đây là để phát minh tự tâm làm gốc, tất cả pháp hạnh đều để trang nghiêm tự tâm. Trước nêu lên giới dâm là vì duyên khởi nơi đương cơ trong bản kinh này vậy.*

**Nếu các lục đạo chúng sinh trong thế giới, chẳng khởi dâm dục, thì không theo đó mà tiếp nối sinh tử.**

*Ngài Thanh Lương nói: “Dâm, ái, hoặc, nghiệp làm cho tươi nhuận sinh tử”. Kinh Viên*

*Giác nói: “Tất cả chúng sinh đều do tâm dục mà có tính mạng”. Tính mạng đó là cội gốc sinh tử vậy. Tương tục (tiếp nối), nghĩa là xoay vần.*

**Ông tu Tam-muội vốn để ra khỏi trần lao, tâm dâm dục nếu không trừ bỏ, thì không thể ra khỏi được. Dẫu có được nhiều trí tuệ Thiên định hiện tiền, nếu không đoạn tâm dâm, hẳn rơi vào đường ma, hạng trên làm ma vương, hạng giữa làm ma dân, hạng dưới làm ma nữ. Các loài ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi đều tự xưng là thành đạo Vô thượng.**

*Nhiều trí tuệ Thiên định, chẳng phải cái nhân “dị sắc” (ma đạo), nay tâm dâm dục nếu không trừ bỏ, mỗi mỗi đều tự xưng thành đạo Vô thượng, ấy là nhân dị sắc. Thế nên, đâu không theo luật nhân quả mà làm dị sắc ư?*

*Ngài Trường Thủy nói: “Tuy không đoạn tâm dục, mà tu Thiên định vẫn được phước, tùy theo phước có hơn kém nên thành ba bậc. Do sức tà định nên được ngũ thần thông, bởi còn lậu nghiệp sinh nơi cõi của ma”.*

**Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp có nhiều bọn ma này thịnh hành trong thế gian gây nhiều việc tham dâm, lại giả làm**



**người thiện tri thức khiến cho chúng sinh rơi vào hầm ái kiến mất con đường Bồ-đề.**

*Người đủ pháp nhãn chân chính khiến cho tất cả mọi người đều ly dục, siêu trần, vào Tri kiến Phật, gọi là người thiện tri thức. Ở đây lấy tham dục tự trói cột, lại trói cột người khác, Như Lai huyền ký cho chúng sinh đời mạt pháp, phải nên cẩn thận giản trạch giáo pháp (trạch pháp).*

**Ông dạy người đời tu pháp Tam-ma-địa, trước hết phải đoạn tâm dâm, ấy gọi là lời dạy bảo rõ ràng, thanh tịnh quyết định thứ nhất của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.**

*Đây là Phật dạy ông A-nan chuyển dạy người đời trước phải đoạn tâm dâm, là nghĩa quyết định thứ nhất. Giới này cùng với Tiểu thừa không đồng. Tuy khiến giữ thân không hành, tâm không khởi, nếu không phải thấy rõ tự tâm trong sạch, không nhớ thì máy dâm còn ẩn núp nên ở đây sở dĩ mới dạy trước phải đoạn tự tâm dâm.*

**Thế nên, A-nan! Nếu người không đoạn tâm dâm mà tu Thiên định, cũng như người nấu cát, đá mà muốn thành cơm, dù trải qua nhiều kiếp, chỉ gọi là cát nóng, đá nóng. Vì**

**sao? Vì đó là giống cát, giống đá không phải là bản nhân của cơm vậy.**

*Giới Định Tuệ từ tự tính sinh; tự tính tự Tuệ, tự tính tự Định, tự tính tự Giới. Nếu dùng tâm dâm dục tu Thiên định, không phải là cái nhân của Thiên định, thì đâu có thể thành tựu được quả Thiên định. Nên nói, vì đó là giống cát, giống đá không phải là bản nhân của cơm vậy.*

**Ông đem thân dâm mà cầu diệu quả Phật, dẫu cho có được diệu ngộ cũng chỉ là gốc dâm, cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ ắt không ra khỏi, quả Niết-bàn của Như Lai do con đường nào mà tu chứng?**

*Phật tính là nhân, Niết-bàn là quả, nếu đem thân dâm cầu diệu quả Phật, thì trước ắt không phải diệu ngộ. Xét về, thật ngộ Phật tính thì Bát nhã, giải thoát ba đức đồng phù hợp, đây là Niết-bàn. Như chỗ diệu ngộ kia thấy là cội gốc của sinh tử, nghĩa là cái nhân của dâm, thì thành cái quả trôi lăn vậy.*

**Hẳn phải khiến cho thân tâm đều đoạn hết giống dâm, tính biết đoạn cũng không còn, thì mới có thể trông mong đến quả Bồ-đề của Phật.**

*Thân tâm đều đoạn hết giống dâm, hàng Nhị thừa cũng có thể thực hành được. Đến tính biết đoạn cũng không còn, nếu không phải là chân thật giác ngộ Phật tính cùng tột đến quả cứu cánh, thì chưa dễ gì với đến; nghĩa là tập khí về câu sinh, không phải hàng Nhị thừa có phần. Ở đây chính là thâm khuyên ngài A-nan phải giác ngộ đến rốt ráo vậy.*

**Như lời tôi nói đây gọi là lời của Phật, chẳng như lời đó là lời nói của ma Ba-tuần.**

*Bởi để phòng đời mạt pháp, Thiên Ma lẫn lộn vào trong Phật pháp, đem ra những tà thuyết làm rối loạn chính pháp, do đó mà đích xác chỉ bày. “Ba-tuần” Trung Hoa dịch là “Ác”, cũng dịch tên là “Ma vương”.*

## ĐOẠN II

### DẠY NGHĨA QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN TÂM GIẾT HẠI

**A-nan, lại các chúng sinh sáu đường các thế giới, nếu không tâm sát hại thì chẳng theo dòng sinh tử tiếp nối. Ông tu pháp Tam-muội, muốn ra khỏi trần lao, nếu không từ bỏ tâm giết hại, thì không thể nào ra khỏi trần lao**

được. Dầu có được nhiều trí tuệ Thiên định hiện tiền, nếu không đoạn tâm giết hại, ắt phải rơi vào thân đạo; người bậc trên thì thành đại lực quỷ, bậc giữa làm phi hành dạ xoa, các quỷ soái v.v... bậc dưới thì thành địa hành la sát. Các loài quỷ thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi đều tự nói là thành đạo Vô Thượng.

*Tu Thiên định mà kèm theo giết hại, mắc quả báo làm quỷ thần. Song Thiên đó tức là Thiên trong Tứ thiên bát định, mà làm cho Thiên tự tính chân thật. Lại như khi tâm khai mở, cũng vì làm nhận căn bản sinh tử làm nhân tu tập; nương theo nhân sinh tử lấy đó làm Thiên định, dù không phạm giới sát cũng khó được giải thoát, nếu phạm giới thì phải đọa lạc, nhân quả rõ ràng. “Tiếp nối” nghĩa là vay mạng sống, nên đòi đền trả vậy.*

Sau khi tôi diệt độ, trong đời mạt pháp các loài quỷ thần đó phần nhiều thịnh hành ở thế gian, tự nói ăn thịt được đạo Bồ-đề. A-nan, tôi cho các thầy Tỳ-kheo ăn năm thứ thịt thanh tịnh. Thịt đó đều do thần lực của tôi hóa sinh ra vốn không có mạng sống. Xứ Bà-la-môn các ông phần nhiều đất đai nóng ướt lại thêm sỏi cát, rau cỏ không sinh được, tôi dùng thần lực đại bi gia bị. Nhân sức đại từ bi giả gọi là

**thịt, và các ông cũng nhận được cái vị như  
thịt. Tại sao, sau khi đức Như Lai diệt độ,  
người ăn thịt chúng sinh lại gọi là Phật tử?**

*“Năm thứ thịt thanh tịnh”, nghĩa là thịt  
mình không thấy giết, không nghe giết, không  
nghĩ giết cho mình ăn, con vật tự chết, thịt loài  
chim ăn còn dư. Kinh Lăng Già Phật nói: “Đại  
Tuệ, có khi ta nói ngăn cấm năm thứ thịt, hoặc  
chế cho mười thứ, nay đối với Kinh này, tất cả thứ  
thịt, tất cả thời gian phương tiện khai cho hoặc trừ  
bỏ, tất cả đều dứt hết”. Lại nói: Tất cả chúng sinh  
từ Diêm-phù-đề đến nay, do nhân duyên xoay vần  
thường làm lục thân (quyến thuộc với nhau). Vì  
nghĩ nhớ là thân thuộc, nên không nỡ ăn thịt. Ăn  
thịt còn ngăn cấm huống là giết hại ư?”.*

**Các ông phải biết những người ăn thịt  
ấy, dầu tâm được khai ngộ, giống như chứng  
Tam-ma-địa, nhưng đều là loài đại la sát, quả  
báo hết ắt chìm đắm trong biển khổ sinh tử,  
không phải là đệ tử của Phật. Những người  
như thế sát hại ăn nuốt lẫn nhau chưa thôi  
dứt, thì làm sao lại được ra khỏi ba cõi. Ông  
dạy người đời tu Tam-ma-địa, kế dạy dứt tâm  
sát hại chúng sinh. Ấy gọi là lời dạy rành rõ  
thanh tịnh quyết định thứ hai của các đức  
Như Lai, Tiên, Phật, Thế Tôn.**

*Tà định của quỷ thần cũng có thể biết được việc quá khứ, vị lai. Luận Khởi Tín nói: “Hoặc khiến cho người biết việc túc mạng quá khứ, cũng biết việc vị lai, được tha tâm thông, biện tài vô ngại, khi nghiệp báo hết thì tuổi thọ cũng dứt vậy”.*

**Vậy nên A-nan, nếu người không dứt hết tâm giết hại mà tu Thiền định, thí như có người tự bịt lỗ tai kín lại la to lên, mà muốn cho người khác không nghe, việc này gọi là muốn giấu thì càng lộ ra vậy.**

*Ngài Trường Thủy nói: “Bịt lỗ tai dụ cho người tu thiền định, to tiếng là dụ cho làm việc sát hại, trông mong người không nghe, dụ cho cầu được đạo quả, thì càng bày lộ cái khổ vậy”.*

**Hàng Tỳ-kheo thanh tịnh và các vị Bồ-tát đi trên đường tể không đạp cỏ tươi, hướng là lấy tay nhỏ cỏ, vì lòng đại bi sao lại lấy máu thịt của chúng sinh để ăn cho ngon.**

*Kinh Niết-bàn nói: “Phật hỏi ngài Ca-diếp, nếu có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, cắt xẻ tử thi do nhân duyên đó có đọa địa ngục không? Ngài Ca-diếp thưa: “Phải đọa địa ngục. Vì có sao? Như thuở xưa Phật vì hàng Thanh văn thuyết pháp: “Này các Tỳ-kheo, đối với các loại*

*cây cỏ chớ sinh tâm ác phá hại. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh do tâm tạo ác nên đọa vào địa ngục”.*

**Nếu các hàng Tỳ-kheo không mặc những tơ lụa, nhiều gấm phương Đông và không dùng những giày dép, áo lông cừu, áo len, hay các thứ sữa, pho mát, đề hồ côi này, thì những Tỳ-kheo như thế đối với thế gian thật là giải thoát, đền trả nợ cũ xong không vào trong ba cõi nữa. Vì sao? Vì dùng những bộ phận thân thể của chúng sinh thì đều bị ảnh hưởng của chúng sinh, cũng như con người ăn giống bách cốc trong đất, thì chân không rời khỏi đất. Quyết phải khiến cho thân tâm đối với thân thể hay bộ phận thân thể của chúng sinh đều không ăn không mặc, những người như thế tôi mới gọi là thật giải thoát.**

*Bồ Di nói: “Đền trả nợ trước chỉ trong một đời này. Xả bỏ thân đời này, liền xá dài ba cõi vậy”. Kinh Ương Quật La nói: Ngài Văn Thù bạch Phật: “Như ngọc kha, sáp mật ong, da thuộc, lụa vè không phải có từ trong địa phương này có thể dùng được chăng?”.*

*Phật bảo ngài Văn Thù: “Nếu tập gần gũi vật thế gian, đó là pháp phương tiện. Nếu vật gián tiếp đưa đến có thể tạm dùng, như vật*

*gián tiếp đem đến, rời khỏi bàn tay giết hại, thì có thể tạm dùng”.*

*Ngài Văn Thù thưa: “Hôm nay, ở trong thành này có ông thợ thuộc da, làm giày bằng da thú. Hoặc con trâu tự chết, người chủ trâu giao cho nhà hàng thịt lấy da giao lại cho thợ thuộc da, bảo đóng giày, đem giày ấy cúng dường cho người trì giới. Đây là vật gián tiếp đưa đến có nên nhận chăng?”.*

*Phật dạy: “Nên chẳng nhận là đúng pháp Tỳ-kheo. Nếu nhận thì mất lòng từ bi, song không phải là phá giới”.*

**Như lời tôi nói đây gọi là Phật nói, chẳng như lời tôi nói đây gọi là lời nói của ma Ba-tuần.**

*Nghĩa như đoạn tâm dâm đã giải thích.*

### ĐOẠN III

## DẠY NGHĨA QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN TÂM TRỘM CẤP

**A-nan, lại sáu đường chúng sinh trong thế giới, tâm nếu không trộm cấp, thì không theo sinh tử tiếp nối.**

*Tâm trộm cấp, suy cho cùng tội nó rất vi*



*tế, nhưng không ngoài nghĩa không cho mà lấy. Đây là sự sinh diệt, phàm làm người phải tự kiểm điểm.*

**Ông tu pháp Tam-muội cốt ra khỏi trần lao, tâm trộm cắp nếu không diệt trừ thì không thể ra khỏi trần lao. Dẫu hiện tiền có nhiều Thiên định, Trí tuệ, nếu không dứt bỏ tâm trộm cắp, hẳn phải rơi vào đạo tà, hạng trên làm loài tinh linh, hạng giữa làm loài yêu mị, hạng dưới làm người tà, bị các quỷ mị nhập vào. Các bợn tà kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi đều tự nói là thành đạo Vô Thượng.**

*Từ tâm danh lợi, sinh ra cong vạy, đều gọi là tâm trộm cắp. Nên tất cả Thiên định, trí tuệ thấy đều là nhân duyên ác. Kinh Niết-bàn gọi là nhân lành mà kết quả dữ, tức là chỉ cho bợn này. Tinh linh yêu mị đều gọi là tự mình xâm lấn bức vách người, có nhiều hình thức nhưng tâm kia (hại người) không khác vạy.*

**Sau khi tôi diệt độ, trong đời mạt pháp phần nhiều những hạng yêu mị, tà đạo thịnh hành trong thế gian, chúng ẩn núp dối gian, tự xưng là thiện hữu tri thức, mỗi người đều tự nói đã được pháp thượng nhân, lừa gạt người không biết, dọa dẫm khiến cho mất**

**lòng chính tín, chúng đi qua đến đâu, nhà người đều bị hao tổn tan nát.**

*Ngài Trường Thủy nói: “Ôm ấp sự gian dối, giả bộ quê mùa, dối gạt đầy hông, ẩn giấu như vụng về”. Bốn câu này cũng có thể nói cùng tội tất cả trạng thái hư dối vậy. Sợ e khiến mất lòng chính tín v.v... nghĩa là bày ra những việc khác lạ để mê hoặc mọi người. Sự trộm cắp rất nhiều hình thức, không ngoài việc chằng cho mà lấy.*

**Tôi dạy các vị Tỳ-kheo, theo thứ lớp khát thực, khiến cho xả bỏ lòng tham để thành tựu đạo Bồ-đề. Các vị Tỳ-kheo không tự nấu ăn, gửi cái sống thừa ghé tạm bợ trong ba cõi, thị hiện chỉ đi về một phen, đã đi rồi không trở lại nữa.**

*“Gửi cái sống thừa ghé tạm trong ba cõi, thị hiện chỉ đi về một phen, đã đi rồi không trở lại nữa”. Do chỗ dụng tâm đó mà khiến cho các bậc vương hầu cung kính cúng dường, chấp tay đi quanh. Dù được như thế, nhưng phải xem đồng như kẻ hành khát không khác. Chúng ta đối với việc này phải nên nội tỉnh.*

**Tại sao làm kẻ giặc, mượn y phục của ta để mua bán Như Lai, tạo các thứ nghiệp đều nói là Phật pháp; lại còn chê bai các vị Tỳ-kheo**

**đây đủ giới luật xuất gia là đạo Tiểu thừa. Do đó làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián.**

*Chữ “Tỳ” là bố ích. Chữ “Phiến” là mua rẻ bán đắt, nghĩa là mua giá rẻ bán giá đắt để tự mình được lợi thêm vậy. Kinh Niết-bàn Phật nói: “Sau khi ta diệt độ, ma Ba-tuần ấy lần lần sẽ làm rối loạn chính pháp của ta. Cho đến làm thân hình Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni và A-la-hán v.v... lấy thân hữu lậu mà cho là vô lậu, để phá hoại chính pháp của ta, cho đến nói không có tội Tứ trọng, tội Tăng tàn, pháp Bất định, pháp Xả đọa, pháp Thối quá, pháp Chúng học, pháp Diệt tránh v.v... Cũng không có tội Thâu-lan-giá, tội Ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề, và nếu phạm các tội trên cũng không có tội báo. Những lời nói như vậy đều là ma nói”.*

**Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo phát tâm quyết định tu Tam-ma-địa, có thể đối trước hình tượng đức Như Lai. Chính mình đốt một cây đèn, đốt một lóng tay, hay ở trên thân đốt một liêu hương, tôi nói người ấy những nợ đã vay từ vô thủy một lúc đã trả xong, xá dài thế gian, hằng giải thoát các lậu. Người ấy tuy chưa phát minh được con đường giác ngộ vô thượng, nhưng đối với Phật pháp**

**đã có tâm quyết định. Nếu không vì nhân duyên xả thân chút ít này, dầu thành tựu được pháp vô vi, hẳn cũng phải trở lại sinh làm người để đền trả nợ cũ, như quả báo mã mạch của tôi thật không sai khác. Ông dạy người tu pháp Tam-ma-địa, sau nữa phải đoạn tâm trộm cắp. Ấy gọi là lời dạy rành rõ thanh tịnh quyết định thứ ba của các đức Như Lai, Phật, Thế Tôn.**

*Đốt lóng tay, đốt hương, nhân duyên xả chút ít thân phần liền trả hết nợ trước. Đây là luận về tâm, chẳng phải luận về việc làm. Bởi do lòng tin chân chính mới có thể nhận chịu xả thân phần vậy. “Dầu thành được quả vô vi”, ngài Trường Thủy dẫn chuyện Ma-đăng-già trong mộng, ai có thể bắt giữ được ông A-nan. Ở đây nói trả nợ cũ, nghĩa là sau khi chứng pháp vô vi, hiện làm thân hữu vi để trả nợ trước. Tôi (Hàm Thi) nói, quả báo mã mạch của đức Như Lai là thực hiện đối với đương cơ, chớ chẳng phải riêng cho những người đủ mắt sáng. Kinh Hưng Khởi Hạnh nói: “Ở nước Tỳ-la-Nhiên có vị vua Bà-la-môn tên là A-kỳ-đạt thỉnh Phật và năm trăm vị Tỳ-kheo cúng dường ba tháng an cư. Khi ấy, có Thiên ma làm mê hoặc tâm vua, khiến về nội cung đam mê ngũ dục, vua cúng dường chỉ có sáu*

ngày liền thôi. Các vị Tỳ-kheo đi khát thực ba ngày về không. Có vị Mã Sĩ ở nước Ba La bảo chư Tỳ-kheo rằng: “Tôi có lúa ngựa, ông có thể ăn được không? Năm trăm con ngựa thường một ngày ăn hai thặng, chia phân nửa để cung cấp cho các Tỳ-kheo. Một con ngựa tốt mỗi ngày ăn bốn thặng, chia phân nửa để cúng Phật”. Phật nói: “Thuở quá khứ, thời đức Phật Tỳ-bà-diệp, khi ấy tôi làm Bà-la-môn tên là Nhơn-đề-kỳ-lợi, thông suốt bộ Tứ vi, đem dạy năm trăm đồng tử. Vua thiết hội thỉnh Phật, nhân có một vị Tỳ-kheo bị bệnh không thể đi được. Phật và đại chúng thọ trai xong, vì thấy Tỳ-kheo bệnh nên xin cơm đem về, khi đi ngang qua núi Phạm Chí, có vị Phạm Chí nghe mùi cơm thơm ngon, liền la quát lên rằng: “Sa-môn trọc đầu chính ông phải ăn lúa ngựa, không nên ăn cơm này”. Các Đồng tử lại nói: “Vị sư chủ bọn này cũng phải nên ăn lúa ngựa”. Bà-la-môn thuở ấy, chính là tôi. Năm trăm đồng tử là năm trăm vị A-la-hán, Tỳ-kheo bệnh tức là Di-lặc. Do nhân duyên đó nên trải nhiều kiếp vô số ngàn năm đọa trong địa ngục. Nay tuy chúng đọa nhưng còn duyên dư thừa, nên ở ấp Tỳ Viên chín mươi ngày ăn lúa ngựa vậy”.

**Thế nên, A-nan! Nếu không đoạn tâm  
trộm cắp mà tu Thiền định, thí như có người**

**rót nước vào chén lũng mà muốn nước đầy, dù trải qua nhiều kiếp cũng không đầy được.**

*Người tu Thiên định trong tâm, ngoài thân, đối tất cả không có một vật gì quan trọng. Nếu có may mắn ràng buộc, dẫn cho ở chốn núi rừng hoang vắng không người, rốt cuộc cũng không thành tựu, huống là có tâm trộm cắp ư? Không phải cái nhân Thiên định chân chính, thì khó mà được kết quả Thiên định, như đựng dầu trong chén lũng ắt không thể đầy chén được.*

**Nếu các hàng Tỳ-kheo ngoài y bát có dư ra mấy may không tích trữ. Xin ăn có dư, thì bố thí cho chúng sinh đói, ở chỗ chúng Tăng hội họp đông người chấp tay lễ chúng, có người đánh trống tụng đồng như khen ngợi, quyết định rời bỏ cả thân và tâm, coi cả thân, thịt, xương, máu thành sở hữu chung của chúng sinh. Không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, khiến cho kẻ sơ học lầm lạc, Phật ấn chứng cho người ấy được Tam-muội chân thật. Như lời tôi nói đây gọi là lời của Phật nói, nếu không như lời nói đó tức là lời nói của ma Ba-tuần.**

*Chia y bát dư thí cho chúng sinh đói rét, ở trong đại hội đông người chấp tay lễ chúng, còn có người làm được. Nếu chịu cho người*

*đánh mắng xem đồng như khen ngợi đã là ít thấy. Đến như xả bỏ thân phần cùng với chúng sinh đồng một vật sở hữu thật chưa từng thấy. Xoay lời dạy bất liễu nghĩa làm chỗ hiểu của mình, với những chỗ nghe thấy đều như vậy, nguyện mong cho chúng cùng nhau thấm thiết mạnh mẽ tỉnh giác răn nhắc việc tương trợ, để khuyến cố gắng tiến lên chỗ mình chưa có thể làm được vậy.*

#### ĐOẠN IV

### ĐẠY NGHĨA QUYẾT ĐỊNH ĐOẠN NÓI DỐI

**A-nan, như chúng sinh sáu đường trong thế giới, tuy thân tâm không sát sinh, trộm cắp, dâm dục, ba hạnh đã tròn, nếu còn mắc phải đại vọng ngữ, thì Tam-ma-đề không được thanh tịnh, thành ma ái kiến, mất giống Như Lai. Nghĩa là chưa được nói đã được, chưa chứng nói đã chứng, hoặc cầu thế gian tôn trọng tốt bụng, bảo người ở trước rằng: Nay tôi đã được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, đạo A-la-hán, thừa Bích-chi Phật, hoặc các vị Bồ-tát trong Thập địa hay trước Thập địa, trông mong người kia lễ sám tham sự cúng dường. Ấy là những kẻ nhất-điên-ca (người ngu si), tự tiêu diệt giống Phật, như**

**người lấy dao chặt cây Đa-la. Phật ấn chứng người ấy mất hẳn căn lành, không còn chính tri kiến, chìm đắm trong ba biển khổ, không thành tựu pháp Tam-muội.**

*Trông mong mình được tôn trọng tốt bụng, là tham tiếng khen, trông mong người kia sám hối, là mong được lợi dưỡng. Luận Trí Độ nói: “Kinh nói, đã từ bỏ tiếng khen và lợi dưỡng, thuyết pháp không có tâm mong cầu. Pháp lợi dưỡng ấy như kẻ giặc hay phá hoại cây công đức, thí như mưa đá làm hư hại ngũ cốc. Lợi dưỡng và tiếng khen cũng lại như vậy, nó phá hoại mầm công đức khiến cho không tăng trưởng”. Như Phật nói: “Dây cỏ trói người đứt từ da đến xương”. Người tham lợi dưỡng đoạn gốc công đức lại cũng như vậy. Đức Đại Bi thương xót vì chúng sinh thuyết pháp, không vì tiếng khen và lợi dưỡng. Nếu ta dùng tâm, hư vọng mà được cúng dường, thì cùng với giặc dữ trộm cướp được ăn không khác. Người tham trước lợi dưỡng, phá rách da trì giới, cắt đứt thịt thiên định, phá hủy xương trí tuệ, mất hết tủy tâm lành mâu nhiệm.*

*“Nhất-điên-ca” tức là “nhất-xiển-đê”. Cây Đa-la xưa gọi là “Bối-đa”. Cây này nếu dùng*



*dao chặt (ngọn) đứt thì không thể sống lại. Ba biển khổ tức là tam đồ vậy.*

**Tôi bảo các Bồ-tát và A-la-hán, sau khi tôi diệt độ ứng hiện thân sinh trong đời mạt pháp, hiện các hình tướng khác nhau, để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi. Hoặc hiện làm Sa-môn, bạch y cư sĩ, vua chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, như vậy cho đến người dân nữ, người quả phụ, kẻ gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, buôn bán cùng làm một việc với họ (đồng sự) để tán thán Phật thừa, khiến cho thân tâm của họ được vào Tam-ma-địa. Nhưng trợn không nói ta thật là Bồ-tát, A-la-hán, làm tiết lộ mật nhân của Phật, khinh thường nói với người chưa học; chỉ trừ khi lâm chung âm thầm có những lời di chúc, làm sao người ấy lại còn có lửa gạt chúng sinh để thành tội đại vọng ngữ.**

*“Đồng sự” là một trong “Tứ nhiếp pháp”. Tứ nhiếp pháp của Bồ-tát là: 1/- Bố thí. 2/- Ái ngữ. 3/- Lợi hành. 4/- Đồng sự. “Đồng sự” có hai nghĩa là đồng một sự nghiệp với người kia, hoặc thị hiện đồng một chủng tộc. Ý thầy muốn tán thán Phật thừa khiến thân tâm họ được vào Tam-ma-địa, nhưng trợn không tự nói (chứng quả) vì sợ e bợn người tà vạy lợi dụng Phật*

*pháp để cầu lợi dưỡng, nên Bồ-tát thị hiện hoàn toàn không tiết lộ. “Khinh thường nói với người chưa học”. Nghĩa là đối trước người chưa học, khinh thường hoặc tự tiết lộ sự bí mật.*

**Ông dạy người đời tu Tam-ma-địa, sau nữa phải đoạn trừ các đại vọng ngữ. Ấy gọi là lời dạy rành rõ thanh tịnh quyết định thứ tư của các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.**

**Thế nên, A-nan! Nếu người không đoạn trừ lòng đại vọng ngữ, thì cũng như khắc phân người làm thành hình cây chiên đàn mà muốn cầu được hương thơm, thật không có lý vậy.**

*Đại vọng ngữ so sánh với dâm dục, sát sinh, trộm cắp, tội ấy rất nặng. Bởi vì phá giới dâm dục, sát sinh, trộm cắp chỉ có thể tự hại mình, nếu phạm tội đại vọng ngữ có thể gồm hại cho người khác. Nên nếu thật là người có đạo đức quyết định không nói lời cong vạy. Do tâm cong vạy nên giả tướng đạo đức bịa đặt Thánh hiền để dối gạt người lành, đâu không phải khắc phân người làm thành cây Chiên đàn hay sao! Sở dĩ cho nên đức Như Lai thống thiết răn dạy phải nên chừa bỏ vậy.*

**Tôi dạy các vị Tỳ-kheo lấy tâm ngay thẳng làm đạo tràng, tất cả mọi hành động**

trong bốn oai nghi còn không giả dối, làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân! Thí như người dân đen mà tự xưng là Đế Vương, thì tự chuốc lấy tội tru diệt, huống là vị Pháp Vương làm sao lại dám xưng càn! Nhân đã không chân chính, thì phải chuốc lấy quả cong vạy; thế mà mong cầu quả Bồ-đề của Phật, như người muốn cắn cái rốn của mình, làm sao thành tựu cắn được. Nếu các Tỳ-kheo tâm như dây dờn thẳng, tất cả chân thật mà vào Tam-ma-địa, thì hẳn không có các ma sự, tôi ấn chứng người ấy thành tựu quả Vô Thượng Tri Giác của các hàng Bồ-tát.

*Nhân địa không chân, nên chuốc lấy quả cong vạy. Nghĩa là do nhân mà thành quả, quả như nhân kia, chưa có nhân lương dối, mà kết thành quả chân thật. Sở dĩ cho nên, tâm hạnh Bồ-đề trong và ngoài không bị ngăn ngại, tự thấy lỗi mình, đối với người luôn luôn khiêm hạ, thường ở trong Tam-muội. Trên tấm gội ánh từ quang của Phật, dưới xa lìa các việc ma, ngu khờ với người đồng đạo, pháp hợp là như vậy.*

“Tự cắn rốn”, ngài Đỗ Thuận nói: “Nếu tự cắn cái rốn nơi bụng của mình, là dụ cho việc không thể làm được vậy”.

**Như lời tôi nói đây gọi là lời nói của Phật, chẳng như lời nói đó, tức là lời nói của ma Ba-tuần.**

*Ông A-nan đã chứng ngộ và thành tựu được pháp môn của Phật, chỉ nghĩ đến những mê lầm sâu nặng của các tà sư đời mạt pháp, nên lại xin Phật kiến lập để nêu ngọn cờ chính pháp. Đức Như Lai huyền ký chỉ dạy bốn nghĩa quyết định, cũng vì ma Ba-tuần ẩn núp trong Phật pháp, khó phân biệt được chân giả, nên ở trước đại chúng, chính Ngài bảo rằng: “Như lời tôi nói đây, gọi là lời nói của Phật, không phải như lời nói đó tức là lời nói của ma Ba-tuần”. Có thể nói là lời chỉ dạy tỏ rõ thiết tha và sâu kín vậy. Đâu ngờ đến nay lại phù hợp với lời huyền ký khi xưa. Đức Thế Tôn bảo: “Dầu cho hiện tiền có được nhiều trí tuệ, Thiên định, nếu không đoạn tâm dâm, thì ắt rơi vào ma đạo; không đoạn tâm sát ắt rơi vào thân đạo; không đoạn tâm trộm ắt rơi vào tà đạo”. Lại nói: “Dầu được diệu ngộ, dầu được tâm khai, cũng làm thành tựu những điều ma Ba-tuần tự nói, để làm mê hoặc cho chúng sinh trong cả nước mất hết Chính tri kiến. Thiết lập lời nói dầu được dùng để chỉ bày, quyết định chẳng phải người trí đối với việc này, phải nên xét kỹ. Bởi chưa*

phát minh tự tính, nên mới theo con đường tẽ như đây vậy. Người kia nói là diệu ngộ cũng nói là Tri kiến Phật mà thôi. Xét về Tri kiến Phật, tức là tâm chúng sinh. Do tâm chúng sinh mê, nên đuổi theo cảnh duyên bên ngoài, mà khởi ra dâm nộ si xoay vần trong ngũ đạo, gọi là trái với tính giác mà hợp với trần lao. Nếu ngộ được lý chân thật tự sẽ trái với trần lao mà hợp tính giác, rồi mới tùy theo các cảnh duyên, người tham mình cũng tham, người sân mình cũng sân, người si mình cũng si, sánh cùng với lời ma Ba-tuần tự nói. Ấy cũng nói là ngoài tâm không pháp, đều không có thể được, đại dụng hiện tiền, không còn phải giữ gìn khuôn phép mà thôi. Thế thì tham sân si là có ư? Là không ư? Có không phải là không, tạo nghiệp có thể thấy. Nếu không chẳng nên chấp, tác giả nghiêm nhiên hiện tại ở trong cái có, hiện đồng bị lưu chuyển. Nói là không đó, đây là chỉ dựa vào lời nói của Thánh hiền để trợ giúp cho sự buông lung tâm ý. Chẳng biết rằng Như Lai nói, tất cả pháp không, tất cả pháp không tự tính. Bởi do pháp từ tâm sinh, tâm nếu không sinh, pháp không thể trụ, đã khiến sinh tâm chấp pháp, tức là nhân trói buộc, nhân đã trói buộc, thì làm sao trốn khỏi quả trói buộc? Kinh Lăng Già nói: “Thọ nhận tính dâm, tính giận,

*tính si, rồi sau mới khởi vọng tưởng chấp trước. Tính dâm, tính giận, tính si là phi tính (chẳng phải tính). Kia chấp có mà vọng chấp là không, không phải chẳng chấp thủ mà pháp tự không vậy". Nên lại nói: "Thà chấp có bằng núi Tu-di, không nên chấp không bằng hạt cải"; kiến chấp bác bỏ về không, diệt chủng tính Phật, làm chìm đắm cho kẻ hậu học. Chớ quá nặng nơi kiến chấp này, người có trí tuệ ở thế gian phải đủ con mắt trạch pháp, đối với việc tà chính lộn lạo này phải có đủ Chính kiến, đâu lại dùng miệng lưỡi để khởi lên sự tranh tụng. Tình cờ sơ giải đến đây, hãy vì nêu ra để đợi bậc cao minh đời sau trong thiên hạ tự xét, hoặc không cho lời nói của tôi là trống rỗng.*

